

# TÁM QUY LUẬT CỦA NGƯỜI PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN PHẬT HỌC

1. Người dịch phải tự thoát mình ra khỏi động cơ truy tìm danh lợi.
2. Người dịch phải tu dưỡng thân tâm, dứt bỏ thói cao ngạo.
3. Người dịch phải tự chế, không được tự khen ngợi mình, chê bai người khác.
4. Người dịch không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp người khác bằng cách tìm lỗi nơi tác phẩm của họ.
5. Người dịch phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
6. Người dịch phải dùng Trạch Pháp Nhãn để phán xét đâu là chân lý.
7. Người dịch phải cung kính cầu thỉnh Cao Tăng Đại Đức mười phương chứng minh cho bản dịch.
8. Người dịch phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa Phật học bằng cách in Kinh, Luật, Luận khi việc phiên dịch của mình được công nhận là chính xác.

Hòa Thượng Tuyên Hóa

## KỆ KHAI KINH

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp  
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ.  
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì  
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.

### \* Tạm Dịch:

*Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu  
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu.*

*Con nay nghe thấy chuyên trì tụng*

*Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.*

# PHẦN 1 - HÀNH TRẠNG CỦA HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

## 1. THỜI THƠ ẤU

Vào ngày 17 tháng 03 năm Mậu Ngọ (1918), Hòa Thượng Tuyên Hóa sinh ra trong một gia đình họ Bạch, tại một ngôi làng nhỏ thuộc huyện Song Thành, tỉnh Cát Lâm, Đông Bắc Trung Hoa.

Ngay khi vừa sinh ra, Ngài khóc suốt 3 ngày, thương cho chúng sanh trong cõi Ta Bà quá nhiều khổ lụy.

Năm 11 tuổi, nhân thấy một em bé chết giữa vùng sa mạc hoang vu, Ngài có phần thức tỉnh, muốn rời bỏ cuộc sống gia đình, tu đạo để giải quyết vấn đề sanh tử lớn lao.

Năm lên 12 tuổi, Ngài bắt đầu sám hối tất cả mọi lỗi lầm của mình với hai đấng sanh thành, dự tính một lòng báo đáp hiếu đạo. Ngài lạy cha mẹ mình hằng ngày.

Sau đó, Ngài cảm thấy lạy cha mẹ mình chưa đủ, Ngài lạy Trời Đất, Quốc Vương, Sư Trưởng. Ngài vẫn thấy chưa đủ. Vì thế, dần dần Ngài lạy đến cả mọi loài chúng sanh. Ngài lạy sáng và chiều, lỗi lần hơn 380 lạy, 5 thời mỗi ngày. Ngài lạy đến cả gió, mưa, tuyết, mong rằng qua cái lạy sẽ chuyển hóa được người xấu thành người tốt; hy vọng cái lạy sẽ đem bình an đến cho thế giới tao loạn này.

Năm 15 tuổi, Ngài quy y với Lão Hòa Thượng Thường Trí ở chùa Tam Duyên. Chính thức là Phật Tử đã quy y Tam Bảo... Ngài thân cận Hòa Thượng Thường Nhân.

Đến năm 17 tuổi, Ngài chỉ đến trường học hai năm rưỡi. Do Ngài đạt được tâm chuyên nhất nên đọc qua một lần liền thuộc. Nhờ vậy, Ngài thông thạo Tứ Thư, Ngũ Kinh, Bách Gia Chư Tử, Y học, Bốc Phệ, Chiêm Tinh, Vật Lý, và các lĩnh vực học thuật khác của thế gian.

Vào năm 16 tuổi, Ngài đã bắt đầu giảng Kinh Pháp Bảo Đàn, Kinh Kim Cang, Kinh A Di Đà, và giảng giải Phật Pháp cho những người không biết chữ nghe.

Năm 18 tuổi, mẹ Ngài lâm bệnh. Ngài bỏ học ở nhà chăm sóc. Vì Ngài đã biết rõ khó khăn do không được học hành chu đáo, nên Ngài thành lập một lớp học miễn phí, dạy cho hơn 30 trẻ em nghèo, từ sáng đến tối không nghỉ.

Trong những năm đi học, Ngài còn tham gia nhiều hội đoàn từ thiện, như Hội Phật Học, Hội Đạo Đức, Hội Từ Thiện, Hội Khuyến Khích Bỏ Uống Rượu, bỏ hút

thuộc; khuyến khích từ bỏ những thói xấu, làm việc thiện. Ngài tu tập hạnh Bồ Tát, nguyện cứu độ tất cả mọi loài.

## 2. XUẤT GIA

Năm 19 tuổi, mẹ Ngài, Hồ Thái qua đời. Ngày 08 tháng 04 ngày Đức Phật Đản Sanh, Ngài đánh lễ Lão Hòa Thượng Trí Nhân ở chùa Tam Duyên, xin thế phát xuất gia. Được Lão Hòa Thượng truyền giới Sa Di, pháp danh là An Từ, pháp tự là Độ Luận. Ngài xin được Y Chỉ với Lão Hòa Thượng Thường Nhân, trụ trì chùa Tam Duyên. Khi được Lão Hòa Thượng Hư Vân truyền pháp, Ngài được ban pháp hiệu là Tuyên Hóa.

Trong suốt 3 năm xuất gia, Ngài sống trong một túp lều đơn giản bên cạnh mộ mẹ Ngài. Người đời gọi Ngài là Bạch Hiếu Tử (người con hiếu họ Bạch).

Vào ngày 19 tháng 06, kỷ niệm Khánh Đản Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài phát 18 lời nguyện lớn trước Chư Phật. Cuộc đời của Ngài là sự thực hành sống động 18 lời nguyện lớn này.

“Cúi đầu đánh lễ Chư Phật mười phương cùng Tam Tạng Pháp quá khứ, hiện tại, vị lai cùng các Hiền Thánh Tăng, duy nguyện rủ lòng chứng minh cho đệ tử pháp danh Thích An Từ, tự Độ Luận, con nay phát tâm không vì tự mình cầu phước báo cõi Trời, Người, Thanh Văn, Duyên Giác cho đến các quả vị Bồ Tát Quyền Thừa, chỉ y theo tối thượng thừa phát Tâm Bồ Đề. Con nguyện cùng chúng sanh trong cả pháp giới cùng lúc đều đạt được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

1. Con nguyện vì hết thấy chư vị Bồ Tát trong cùng tận hư không, khắp pháp giới, trong cả ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, nếu như còn một vị nào chưa thành tựu quả vị Phật, thì con chưa thành Chánh Giác.

2. Con nguyện vì hết thấy các vị Duyên Giác trong cùng tận hư không, khắp pháp giới, trong cả ba đời, nếu như còn một vị nào chưa thành tựu quả vị Phật, thì con chưa thành Chánh Giác.

3. Con nguyện vì hết thấy các vị Thanh Văn trong cùng tận hư không, khắp pháp giới, trong cả ba đời, nếu như còn một vị nào chưa thành tựu quả vị Phật, thì con chưa thành Chánh Giác.

4. Con nguyện vì hết thấy các loài ở cõi Trời trong tam giới, nếu như còn một vị nào chưa thành tựu quả vị Phật, thì con chưa thành Chánh Giác.

5. Con nguyện cho hết thảy loài Người, trong mười phương thế giới, nếu như còn một người nào chưa thành tựu quả vị Phật, thì con chưa thành Chánh Giác.
6. Con nguyện cho loài Người, loài Trời, hết thảy loài A Tu La, nếu như còn một vị nào chưa thành tựu quả vị Phật, thì con chưa thành Chánh Giác.
7. Con nguyện cho hết thảy các loài súc sanh, nếu như còn một vị nào chưa thành tựu quả vị Phật, thì con chưa thành Chánh Giác.
8. Con nguyện cho hết thảy các loài Nga Quỷ, nếu như còn một vị nào chưa thành tựu quả vị Phật, thì con chưa thành Chánh Giác.
9. Con nguyện cho hết thảy chúng sanh trong Địa Ngục, nếu như còn một vị nào chưa thành tựu quả vị Phật, thì con chưa thành Chánh Giác.
10. Con nguyện cho tất cả các loài Trời, Người, A Tu La, các loài côn trùng, cho đến các linh giới như Rồng, Quỷ Thần... đã từng quy y với con, nếu như còn một vị nào chưa thành tựu quả vị Phật, thì con chưa thành Chánh Giác.
11. Con nguyện đem hết tất cả những phước lạc mà con đáng được hưởng, xin hồi hướng, bố thí, cúng dường cho hết thảy chúng sanh.
12. Con nguyện chọu thay hoàn toàn mọi khổ nạn chu chúng sanh trong pháp giới này.
13. Con nguyện phân thân vô số lượng để chuyển hóa hết thảy chúng sanh chưa có lòng tin với Phật Pháp, khiến họ bỏ việc ác làm việc lành, sám hối mọi tội chướng, quy y Tam Bảo, rốt ráo thành Phật.
14. Con nguyện cho hết thảy chúng sanh, khi được thấy mặt con, được nghe đến tên con, đều phát Tâm Bồ Đề, chóng thành Phật đạo.
15. Con nguyện hết lòng tôn kính Giới Luật đức Thế Tôn đã chế. Nguyện thực hành ăn một ngày một bữa vào lúc giữa trưa.
16. Con nguyện giác ngộ cho hết thảy chúng sanh hữu tình, nhiếp độ hết thảy mọi căn cơ.
17. Con nguyện tu tập để ngay đời này được ngũ nhãn, lục thông, đến đi tự tại.
18. Con nguyện cho hết thảy những điều đã phát nguyện đều được viên mãn.

### **Cuối cùng:**

**Chúng sanh không ngần mé, thệ nguyện độ hết thảy  
Phiền não không cùng tận, thệ nguyện đều dứt sạch  
Pháp môn không số lượng, thệ nguyện đều tu học  
Phật đạo không gì sánh bằng, thệ nguyện được viên thành.**

### 3. TRỊ TÂM BỆNH

Hòa Thượng Tuyên Hóa ngay từ thơ ấu đã có lòng nghĩa hiệp và lòng trắc ẩn. Ngài không chịu nổi khi thấy người khác bị khổ. Vì vậy, Ngài nguyện chịu thay mọi khổ nạn cho chúng sanh. Ngài đã cứu chữa cho vô số người bị những chứng bệnh ngặt nghèo và quái dị. Những bệnh không còn phương cứu chữa, như bệnh ôn dịch, bệnh ma ám, bệnh do nghiệp chướng...

Hòa Thượng nói: *“Đây chẳng phải là do tôi có một năng lực gì đặc biệt hay thần thông diệu dụng gì cả. Đây là sức gia bị của Chư Phật và Chư Bồ Tát. Khi tâm nguyện chí thành, sẽ nhận được sự cảm ứng của Chư Phật, Chư Bồ Tát”*.

Trong khi dùng lực gia trì để chữa bệnh cho mọi người, Ngài đều giải thích cho họ hiểu ý nghĩa chủ yếu của lực gia trì: *“Các con không nên chỉ biết tìm kiếm sự gia bị ở bên ngoài, mà trước hết hãy tự mình gia bị cho chính mình, rồi mới có thể gia bị cho hết thảy mọi người. Đó là ý nghĩa chân chính của việc gia bị”*.

Tại sao ta không có được sự cảm ứng khi: tụng kinh, trì chú, niệm Phật? Vì chúng ta không thành thật, chúng ta đã nói dối. Chú là chân ngôn. Nếu mọi người không vọng ngữ thì mọi lời nói của họ đều có công hiệu. Nếu họ gọi Trời, Trời liền cảm ứng; gọi đất, đất liền linh hiển.

Hòa Thượng nói: *“Tôi là một người không có khiếu nói năng, vì tôi chỉ biết nói những điều chân thật và nói những điều mà mọi người muốn nghe, đặc biệt là trong việc phá trừ mê tín. Tôi chẳng ngại bị đả tỵ với người. Nếu có điều gì cần phải nói, tôi sẽ nói ở bất cứ nơi đâu mà tôi đến. Nếu có điều gì không cần phải nói, tôi sẽ không nói. Đơn giản chỉ vì khi ta không vọng ngữ thì mọi chữ, mọi lời ta nói lên đều có một năng lực vô biên, có thể chữa lành những căn bệnh hiểm nghèo cho chúng sanh hữu tình cũng như vô tình. Như cơn bão lẽ ra sẽ đến, nó có thể chuyển sang hướng khác. Một trận động đất lớn giả sử sẽ xảy ra, nó sẽ được ngăn chặn. Nơi bị hạn hán, nước sẽ xuất hiện. Nơi không có mưa, sẽ có mưa. Chiến tranh và tai ương sẽ được dập tắt. Những điều xấu đang hiện hữu sẽ được làm cho biến mất, và những điều lành chưa hiện hữu sẽ được làm cho phát hiện. Bởi vì khi tâm ta chân thành đến cực điểm, sự cảm ứng tự nhiên sẽ dung thông, đáp ứng ngay tâm nguyện của mọi người. Chân lý ở nơi đâu thì nơi đó sẽ có hết thảy các loài Rồng, Chư Thiên và các Thiên Thần đến để hộ trì. Chân lý ở nơi đâu thì tất cả Chư Phật, Chư Bồ Tát sẽ đến nơi đó để hộ trì”*.

### 4. HOẢNG TRUYỀN CHÁNH PHÁP

Vào năm 1948, Hòa Thượng sang Hồng Kông để truyền bá chánh pháp. Vào năm 1962, Ngài nhận lời cầu thỉnh sang Hoa Kỳ, nơi Ngài phát nguyện lớn hoằng truyền Phật Pháp, dịch Kinh và Giáo Dục. Ngài còn dựng lập đạo tràng, nhận đệ tử, lập tông chỉ, đặt nền móng cơ bản cho việc truyền bá Phật Pháp ở Tây Phương.

**Hòa Thượng thường nói: “Tôi có thể không ăn một ngày, nhưng không thể bỏ phí một ngày mà không giảng giải Phật pháp. Chỉ cần còn một chút hơi thở, là tôi còn giảng pháp. Tôi sẽ giảng pháp, dù cho nhiều người, hoặc chỉ có ít người nghe. Dù chỉ có một người đến, tôi vẫn giảng. Dù chẳng có người nào đến, tôi cũng giảng cho quỷ thần nghe”.**

Công hạnh một đời của Hòa Thượng là nói và làm, tương ứng nhau khắp mọi nơi, vào mọi lúc. Đó là biểu hiện chân thật nhất của giáo pháp mà Ngài đã truyền bá.

## 5. THÂN THUYẾT PHÁP

Ngài đã sống bên cạnh mẹ của mẹ Ngài suốt 3 năm. Đối với cha mẹ, Ngài là người con chí hiếu. Suốt đời, Ngài luôn kính trọng những người lớn tuổi, yêu mến trẻ thơ, và hết lòng thương xót các loài chúng sanh. Thấy nước Trung Hoa gặp nhiều tai ương trong chiến tranh, Ngài không từ bỏ nghĩa vụ công dân của một người Trung Hoa. Suốt trong thời gian hơn 30 năm ở nước Mỹ, Ngài tự nguyện làm việc vì lợi ích của nước Mỹ, trong khi Ngài vẫn kiên quyết giữ quốc tịch Trung Hoa. Ngài hoàn toàn trung thành với cả 2 Quốc Gia.

Ngài rất đơn giản trong việc sử dụng áo quần, thực phẩm, mọi đồ dùng riêng... để tiết kiệm nguồn năng lượng cho toàn thế giới.

- + Ngài dùng một đôi giày suốt hơn 30 năm.
- + Ngài chẳng có nhiều quần áo.
- + Khi ăn cơm, nếu có một hạt cơm rơi xuống nền nhà, Ngài liền nhặt lên ăn.
- + Khi uống nước, Ngài uống cạn sạch ly.
- + Ngài dùng những thực phẩm đơn giản nhất, chỉ luộc chín, chẳng cần dầu và muối.
- + Những phước lạc của riêng Ngài, Ngài đều xin hồi hướng bố thí cho tất cả chúng sanh.
- + Ngài chẳng có riêng tài sản gì, vì Ngài đã cúng dường cho những quỹ từ thiện.

Không bao giờ theo hình thức bên ngoài. Ngài luôn hạ mình thấp nhất và sau hết mọi người. Ngài đã bắt đầu tu tập pháp lễ lạy khi Ngài còn 12 tuổi. Ngài lạy hết

thầy mọi người suốt ngày không mệt. Sau khi đến Mỹ, Ngài còn lay các đệ tử của Ngài. Ngài lay cho đến khi các vị đệ tử chịu giảng dạy Phật Pháp. Ngài lay cho đến khi một số đệ tử phát nguyện thực hiện một cuộc hành hương với 3 bước 1 lay. Ngài lay cho đến khi đệ tử Ngài chịu lay những kẻ đã phỉ báng chính Ngài. Bất cứ khi đi đâu, Ngài đều nhường đệ tử mình đi trước. Ngài muốn đi sau rất mọi người. Khi giảng pháp, Ngài để cho đệ tử giảng trước và Ngài là người giảng sau cùng. Ngài còn là người nguyện cho các đệ tử thành tựu Phật Đạo trước mình. Ngài nguyện mình là người cuối cùng trong pháp giới thành tựu Chánh Giác.

Dung mạo, oai nghi của Ngài rất hoàn chỉnh. Trong vẻ trang nghiêm đượm tính từ hòa. Đôi mắt luôn nhìn xuống, hai tay luôn luôn chấp lại ngang ngực. Nụ cười thường tỏa rạng trên môi. Trông dáng dấp Ngài rất oai nghiêm. Khi có người tiếp xúc với Ngài, Ngài luôn nhã nhặn và từ ái.

**Ngài không bao giờ muốn làm phiền đến người khác. Ngài tự giặt giũ quần áo, tự mang hành lý.** Ngài không muốn ai phục vụ cho Ngài, ngay cả khi bệnh nặng phải chống gậy mà đi. Ngay cả vào những năm cuối đời, khi Ngài phải dùng xe lăn, Ngài vẫn nài nỉ được tự mình mang túi xách trên vai hoặc ôm trong lòng khi Ngài di chuyển bằng máy bay từ Đạo tràng này sang Đạo tràng khác để giảng pháp trong tình trạng sức khỏe rất yếu.

Ngài bảo: *“Tôi muốn được đứng bằng đôi chân của tôi và sử dụng chính sức lực của mình. Tôi không muốn phụ thuộc vào ai cả”*.

Ngài ở trong thiền định suốt cả ngày đêm. Công việc đến, Ngài liền ứng xử, giải quyết kịp thời và nhanh chóng. Xong việc, trở lại sự thanh thản thường xuyên. Ngài xử lý vô số việc trong ngày một cách tự nhiên, thoải mái. Ngài nói: *“Tôi chẳng tụng Kinh chẳng trì chú. Điều đơn giản là tôi không khởi vọng tưởng”*. Ngài làm việc trong trạng thái nhất tâm. Ngài tức khắc nhận ra và nhắc nhở sửa lại những lầm lẫn của thông dịch viên khi chuyển lời Ngài sang tiếng Anh. Ngài không bao giờ bỏ quên vật gì. Ngài nhớ hết thầy tên, hoàn cảnh gia đình, tính tình, tập khí của mọi đệ tử mà không bao giờ lẫn lộn. Thậm chí Ngài còn nhớ chính xác Ngài đã đi bao nhiêu bước chân quy định trong ngày.

Trong suốt bao nhiêu năm Ngài truyền bá Chánh Pháp ở Mỹ, người ta gọi Ngài là Đệ Nhất Cao Tăng trên thế giới, là Thượng Nhân. Trường Cao Đẳng Tế Minh ở Sơn Đông, Trung Hoa muốn đổi tên trường thành Trường Cao Đẳng Tuyên Hóa. Có vị Giáo Thọ đề xướng thành lập “Pháp Giới Diệu Giác Sơn Nguyên Cứu Hội” để học tập công hạnh Ngài.

Ngài bảo: “Đừng học theo tôi. Tôi chẳng có gì xứng đáng để học theo cả. Các bạn nên nghiên cứu học hỏi ở mọi người dân, đàn ông, phụ nữ, người xuất gia, giới cư sĩ, người già lão, trẻ em, người hiền lương, kẻ tai ác... hãy ghi nhận toàn bộ đời sống của họ, vì trong tương lai, nhờ những sự kiện này mà các bạn có thể giáo hóa, giúp đỡ cho mọi người. **Đạo hạnh của tôi chưa đủ để cảm động đến Trời. Đức độ của tôi chưa đủ để chuyển hóa người.** Người đời thích gán cho tôi những cái tên mà tôi không muốn. Tôi chẳng phải là Cao Tăng cũng chẳng phải là Thượng Nhân. Tôi chỉ là một người bình thường, thích đặt mình dưới những người khác. Tôi tự gọi mình là “xác chết biết đi”, “Thầy Tu ở gò mả”, “con kiến bé”, “con muỗi nhỏ”,... Tôi thích đi sau tất cả mọi người. Mọi danh xưng đều chỉ là hư giả, không thật. Danh xưng chỉ tồn tại khi nó xứng hợp với mọi người, với mọi thời gian, mọi nơi chốn. Cái tên chẳng đáng tí nào cả, thế mà nhiều người chấp trước vào danh xưng mà nhọc thân, nhọc xác. Khi tôi còn sống cũng như sau khi chết, tôi không muốn mọi người chú ý đến tên tôi hay xây tháp kỷ niệm tôi. Tôi chẳng muốn lưu lại dấu vết gì cả. **Tôi đến từ hư không, tôi trở về lại với hư không**”.

## 6. GIẢNG PHÁP BẰNG LỜI

Tại các đạo tràng chi nhánh của Hội Phật Giáo Pháp Giới, đều có những khóa giảng Kinh để giúp mọi người nhận ra chân lý. Do vậy, mỗi Đạo tràng đều có chương trình giảng Kinh hàng ngày. “Nước sông hằng luân lưu mỗi ngày thì dòng pháp ở Vạn Phật Thành cũng sẽ được giảng nói suốt ngày đêm”. Có một thời gian Hòa Thượng dùng phương pháp gọi là “*Pháp Quán Chiếu để phát khởi trí huệ vốn có*”. Để hướng dẫn cho tứ chúng đồng tu. Phật tử có thể đến đây để thăm hỏi Phật Pháp, để tập diễn giảng và thi diễn giảng. Hòa Thượng thường xuyên mở lớp “*Vấn đáp song đối*” để giúp cho đệ tử tự khai mở trí huệ bản hữu.

Tuỳ theo nhân duyên, Hòa Thượng thường chọn các đề tài thích hợp để giảng nói cho người đang muốn nghe.

+ Đối với tầng lớp bình dân, Ngài giảng về việc làm tròn bổn phận, nghĩa vụ cơ bản của mình.

+ Đối với sinh viên, học sinh Ngài giảng về “hiếu hạnh, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, ý thức về bản thân, yêu mến gia đình và nghĩa vụ đối với Tổ quốc”.

+ Đối với các vị Giáo Thọ, các vị Hiệu Trưởng, Ngài giảng về pháp môn giáo dục và thiên chức của giáo dục.

+ Đối với giới Chính Trị Gia, Ngài nói về: “đạo đức, liêm khiết và lòng thương yêu dân như con đẻ của chính mình”.



Khi nhận lời mời giảng pháp, Hòa Thượng không bao giờ ước mong được mọi người biết tiếng. Bởi vì Hòa Thượng chỉ muốn hoằng pháp giáo huấn để đào tạo con người. Ngài không bao giờ chỉ đi xa để giảng pháp. Hơn thế nữa, Ngài luôn luôn đưa các đệ tử theo để học hỏi những điều hay lạ ở xứ người. Chương trình hàng ngày của đoàn tham quan này rất nhiều chi tiết.

Ngoài hai thời công phu sáng tối như thường lệ và lễ quá đường vào buổi trưa, còn có các thời lễ sám, tụng Kinh, nghe Khai Thị, dự lễ truyền Tam Quy, Ngũ Giới cho Phật tử, dự các Pháp Hội Đại Bi, Pháp Hội Thủ Lăng Nghiêm... Hoặc tiếp xúc với Phật tử. Không để một phút giây nào lãng phí.

Hòa Thượng nói: *“Chúng tôi chẳng phải là đoàn tham quan du lịch, cũng chẳng phải là đoàn hoằng pháp. Chúng tôi đơn giản chỉ là đoàn người đi học hỏi. Chúng tôi chưa thông thạo nhiều vấn đề và chúng tôi chưa đủ khả năng để làm việc hoằng pháp. Chúng tôi rất hoan hỷ được theo sau mọi người, mong được học hỏi các vị Đại Đức, Trưởng lão ở khắp mọi nơi”*.

## **7. KIẾN LẬP ĐẠO TRÀNG**

Hòa Thượng từ Trung Hoa đến Hồng Kông rồi từ Hồng Kông sang Hoa Kỳ. Ngài phát nguyện: *“Đào tạo người, không dựng chùa”*. Ngài chủ yếu là đào tạo những vị Tổ sống, những vị A La Hán sống, những Bồ Tát sống và những Đức Phật sống. Do vậy, trải qua rất nhiều điều kiện khó khăn, Ngài sửa chữa, trùng tu lại những cơ sở có sẵn làm Đạo tràng để giảng dạy giáo pháp kịp thời cho Phật tử. Ngài chủ trương hạ thủ công phu ngay tại những Đạo tràng vô hình tướng.

Các Đạo tràng chi nhánh thuộc Hội Phật Giáo Pháp Giới ở khắp nơi bên ngoài có vẻ không giống với các tự viện truyền thống của Trung Hoa, nhưng người ta có thể nhận ra bên trong là cõi Tịnh Độ, một khi họ đã đến đó và thực sự phát tâm tu hành. Ngài còn có ước nguyện: *“Từ chùa nhỏ, xây dựng nên chùa lớn”*, và kiến lập những đại đạo tràng công cộng. Mỗi khi dựng lập xong một Đạo tràng, Ngài lại cúng dường cho người khác. Ngài đã từng cúng dường hai Đại đạo tràng là Vạn Phật Thánh Thành và Pháp Giới Thánh Thành, cũng như những Tự Viện chi nhánh thuộc Hội Phật Giáo Pháp Giới. Ngài cúng dường cho tất cả mọi chúng sanh trên thế giới.

Ngài đón nhận tất cả mọi người đến để tu học, không phân biệt Quốc Tịch, nòi giống, tuổi tác, địa phương... Không kể thân sơ, bất luận họ thuộc truyền thống Phật Giáo Bắc Truyền hay Nam Truyền, Ngài đều có ước nguyện hộ trì, cũng như bất cứ người nào đến Đạo tràng chân thật tu hành.

Hòa Thượng nói: “Chúng ta không phải là những người biến chùa thành nhà riêng. Mọi người từ mười phương đều có thể đến Đạo tràng này. Ở đây luôn chờ đợi một vị đạo cao đức trọng để làm Trụ Trì. Tôi chỉ là người trông coi tạm thời. Chẳng có một Đạo tràng nào riêng thuộc về tôi cả”.

Ngài còn nói: “Phật Giáo là giáo lý về con người, giáo lý về tâm, giáo lý về chúng sanh và giáo lý về toàn thể pháp giới. Phật Giáo không phải là một pháp môn riêng biệt nào cả. Tôi cũng chẳng thuộc về một giáo phái nào cả. Thiên Chúa Giáo, Do Thái Giáo, Hồi Giáo và tất cả Tôn Giáo khác đều có trong Phật Giáo cả. Chúng ta luôn luôn chào đón mọi giáo phái khác đến Vạn Phật Thánh Thành để cử hành những nghi lễ của họ. Mọi tín đồ của mọi tôn giáo khác đều nên thực tập hạnh nguyện từ bi. Đó là nền tảng của mọi tôn giáo để cứu độ toàn thế giới. Mọi người nên giúp đỡ lẫn nhau và cùng nhau bắt tay làm việc để thiết lập nền tảng ban đầu cho sự thống nhất tôn giáo trên toàn cầu. Chúng sanh sẽ có một nơi để quy ngưỡng và chiến tranh sẽ kết thúc nhanh chóng”.

## **8. THẬU NHẬN ĐỆ TỬ**

Hòa Thượng nói: “Vạn Phật Thánh Thành là nơi rộng rãi lẫn lộn, đủ mọi thành phần. Có người tu hành chí thiết, có người chẳng tu. Chúng ta nên tâm niệm sống trong Tứ Vô Lượng Tâm là: Từ - Bi - Hỷ - Xả. Đặc biệt, nên chú tâm đến những người chưa được hoàn thiện và hết sức chuyển hóa họ thành người tốt”.

## **9. TIẾP NHẬN ĐỆ TỬ XUẤT GIA - NHƯNG KHÔNG TỪ CHỐI MỘT CHÚNG SANH NÀO**

Chánh Pháp lưu hành nhờ Chư Tăng, chánh đạo phải được truyền đến cho mọi người. Để cho Chánh Pháp có được nền móng vững chắc ở Phương Tây, ắt cần phải có những vị đã thực hành chánh đạo. Do vậy, Hòa Thượng đặt ra một yêu cầu rất nghiêm khắc cho mọi người muốn theo Ngài xuất gia tu học, là phải tốt nghiệp Cao Đẳng và tụng thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm.

Sau khi được xuất gia, phải học Kinh Thủ Lăng Nghiêm, học cách giảng kinh, thuyết pháp, học phương pháp ngồi thiền và học cách nhẫn nại, chịu đựng cực khổ. Qua thời gian sau, Hòa Thượng bắt đầu nhận mọi người xuất gia đủ mọi trình độ. Miễn là người đó có một chút thiện căn, Hòa Thượng đều tiếp nhận khi họ có tâm nguyện xuất gia. Người già đến 90 tuổi Ngài cũng tiếp nhận, miễn là họ có sự thiết tha tu niệm. Ngài cũng tiếp nhận trẻ em 6-7 tuổi, giúp cho thiện căn các em ngày

càng tăng trưởng. Những người tàn tật, 6 căn không đủ, Ngài cũng tiếp nhận, cũng đều tạo nhân duyên lành giúp họ vượt thoát hệ lụy cõi trần.

## **10. ĐỘ HẾT HÀNG CƯ SĨ - NHƯNG KHÔNG TRANH ĐỆ TỬ**

Khuynh hướng Phật tử thời nay là thích quy y với nhiều thầy, nên Hòa Thượng dạy: *“Chỉ cần quy y với một Thầy là đủ rồi. Đừng quy y với Thầy này rồi bỏ Thầy kia. Bạn quy y với quá nhiều Thầy mà không nghe lời họ dạy, thế là vô ích. Không những việc này gây nên sự bất hòa trong hàng Pháp Sư khi họ tranh đệ tử, mà còn gây hậu quả cho những nơi có hàng Phật tử kỳ cựu sinh tâm rối loạn và nhảm lẫn. Việc này không tạo nên sinh khí mới cho Phật pháp mà ngược lại, sẽ làm cho Phật pháp trở nên hư hoại”*.

Miễn là lòng người chân thành, Hòa Thượng sẵn sàng truyền Tam Quy, Ngũ Giới ngay cả khi Ngài đang bệnh, Ngài chẳng bận tâm đến sự phiền lụy. Dù chỉ một người đến xin thọ giới, Ngài cũng sẵn sàng làm lễ truyền giới.

Có một số vị Đại Đức. Cao Tăng xưa nay phát nguyện không tiếp nhận đồ chúng, ngại rằng vì bận rộn trách nhiệm dạy dỗ mà trở ngại công phu của riêng mình. Hòa Thượng không như vậy, Ngài nhận hết thầy những người có tính khí ương ngạnh, mông muội và những kẻ có căn tính rất khó điều phục. Ngài nguyện rằng, thà xả bỏ “đầu, mắt, tủy, não” của mình, hơn là từ chối không độ thoát những người này.

## **11. LẬP TÔNG CHỈ**

“Mọi người đến Vạn Phật Thánh Thành đều phải tuân theo một số quy định. Rõng cũng phải cuộn mình mới có thể bay lên phun mưa tùy ý. Cọp cũng phải thu mình mới có thể đón hướng gió mà vồ mồi chính xác”. Tại Đạo Tràng Hội Phật Giáo Pháp Giới, mọi người đều phải phấn đấu thực hành 3 tông chỉ và 6 nguyên tắc do Hòa Thượng đề ra như một tiêu chuẩn để tu tập. Vạn Phật Thánh Thành là trung tâm của các Hội Phật Học này.

## **12. BA TÔNG CHỈ VÀ SÁU NGUYÊN TẮC**

### **a. Ba Tông Chỉ:**

Ngay lúc vừa bắt đầu 2 thời khóa tụng vào buổi sáng sớm, mỗi chiều tứ chúng đệ tử đều phải tự mình quán sát lại chính mình:

1. Dù lạnh đến chết, cũng không phan duyên. Dù đói chết, không van nài. Dù nghèo chết, không cầu cạnh.

2. Tùy duyên mà không biến đổi, không biến đổi nhưng tùy duyên.

3. Kiên quyết thực hành đúng theo 3 tông chỉ. Nguyên xả bỏ thân mạng để làm tròn Phật sự. Chính mình có trách nhiệm chuyển hóa nghiệp riêng của mình. Xem công phu tu hành là sự nghiệp chính của Tăng Sĩ.

### **b. 6 Nguyên Tắc:**

1. Ngay nơi Sự đề sáng tỏ Lý. Lý sáng tỏ tức là Sự. Tu tập, xiển dương, lưu hành mạch phái Tổ Sư đã truyền.

2. Tự hỏi mình thật sự đã là người không tranh chưa? Tự hỏi mình thật sự đã là người không tham chưa?

3. Tự hỏi mình thật sự đã là người không mong cầu chưa? Tự hỏi mình thật sự đã là người không vị kỷ chưa?

4. Tự hỏi mình thật sự đã là người không tư lợi chưa? Tự hỏi mình thật sự đã là người không nói dối chưa?

5. Tự hỏi mình thật sự đã là người ăn một bữa chưa?

6. Tự hỏi mình có luôn luôn đáp y không rời thân không?

Những điều này là gia phong của Vạn Phật Thánh Thành, không một người nào có thể thay đổi được.

## **13. LUÔN LUÔN MẶC Y GIỚI**

Đề tuân thủ Giới Luật đức Phật đã chế và đề hộ trì Tăng tướng, Hòa Thượng dạy chư Tăng luôn luôn đáp y và mang theo tọa cụ, không được để những vật này rời thân. Ngài dạy phải dẹp trừ ham muốn sử dụng y phục quý và đẹp.

## **14. ĂN MỘT NGÀY MỘT BỮA TRƯA**

Dùng nhiều thức ăn vào nhiều bữa trong ngày sẽ làm lớn mạnh tâm tham, khiến trở ngại công phu tu tập. Theo luật đức Phật đã chế, chư Tăng thực hành ăn một bữa vào buổi trưa và sử dụng bình lục bát gạo trai. Rau luộc và “canh A La Hán” là vị thuốc hay để chữa bệnh đói và khát. Mọi người đừng nên ăn quá no, nên

ăn vừa đủ. Đừng tham ăn nhiều, đừng muốn ăn ngon, ta sẽ được tự tại thoát khỏi tham dục.

## 15. ĐÊM KHÔNG NGỦ NẤM

Ngủ nhiều và hôn trầm khiến tâm ngu si tăng trưởng. Hòa Thượng đã từng thực hành không bao giờ nằm ngủ vào ban đêm từ hồi còn trẻ, nên Ngài khuyến khích đệ tử ngủ ngồi, khiến tinh thần thanh thản, nhẹ nhàng, tỉnh táo. Nhờ đó có thể thoát khỏi sự cám dỗ của ma quỷ.

## 16. KHÔNG GIỮ TIỀN BẠC

**Tiền bạc là gốc tội lỗi. Người có tiền dễ sanh khởi vọng tưởng.** Để bảo đảm cho công phu tu tập có hiệu quả, Hòa Thượng dạy đệ tử tuân thủ luật đức Phật đã chế, không giữ tiền bạc làm của riêng mình. Tăng Sĩ không được phép nhận của cúng dường riêng cho mình. Chư Tăng làm việc đều mang tính chất phục vụ. Khi bị bệnh hoặc có việc Tăng sai thì có thể sử dụng quỹ của Tăng chúng để chi dùng.

**Hòa Thượng bảo:** *“Người nào giữ được giới không cất giữ tiền của riêng tư thì vị ấy chính là Tăng Sĩ xứng đáng với nghĩa ruộng phước thanh tịnh”.*

## 17. KHÔNG CÓ Ý NIỆM THỨ BẠC

Trong mọi Đạo tràng, tứ chúng đệ tử đều sinh hoạt và cùng nhau công phu tu tập. Mọi người đều hoàn chỉnh bốn phần của chính mình trong niềm vui của Chánh Pháp. Không có danh lợi, không có quyền lực, không có lương bổng nên chẳng có những nỗ lực riêng tư để tranh đoạt quyền lợi cá nhân. Không có chức vụ Trị Sự hay Trụ Trì. Mọi người đều bình đẳng trong vai trò chính mình là chủ tự viện.

## 18. NGHIÊM TÚC TRONG GIỚI HẠN NAM NỮ

Bất cứ lúc nào 2 người cần tiếp xúc nhau, dù qua điện thoại, trao đổi thư từ... cũng nên có ít nhất 2 người khác ở bên cạnh. Nguyên tắc này áp dụng cho cả bốn chúng để đảm bảo cho mọi nhân duyên giữ gìn giới hạnh thanh tịnh, thoát khỏi mọi ham muốn. Công việc hàng ngày chẳng rời công phu tu niệm, công phu tu niệm không tách rời công việc hàng ngày.

## 19. TU TẬP TÙY CHÚNG

Thời khóa tu niệm hàng ngày gồm: công phu sáng, Lễ Phật, tụng Kinh Hoa Nghiêm, trước thời quá đường buổi trưa, lạy sám Đại Bi. Công phu chiều: nghe giảng Kinh, tụng Tâm Kinh. Còn có những nghi lễ, pháp hội riêng vào những ngày kỷ niệm, húy nhật chư Phật, chư vị Bồ Tát, Đại Pháp Hội Thủy Lục Không... Mọi lúc, mọi người tùy khả năng của mình để đóng góp công quả vào các lĩnh vực giáo dục, phiên dịch kinh điển, xử lý công việc tự viện hàng ngày... Như thế, không để thời gian trôi qua vô ích.

## 20. MỖI ĐẠO TRÀNG LÀ MỘT TRƯỜNG HỌC

Giáo dục là nền tảng của tất cả các pháp thế gian cùng pháp xuất thế gian. Pháp môn vô số lượng thế nguyện đều tu học. Chúng ta đồng thời là thầy và trò, học tập lẫn nhau. Ở Vạn Phật Thánh Thành có trường Tiểu Học Dục Lương, trường Trung Học Bồ Đề, trường Đại Học Phật Giáo Pháp Giới, cùng chương trình giáo dục cho Tăng Sĩ và cư sĩ. Nhiều chi nhánh đạo tràng đều có lớp học Phật pháp cuối tuần hay vào ngày chủ nhật.

## 21. TÌNH NGUYỆN GIẢNG DẠY LÀ QUY LUẬT

Giáo Thọ Sư tự nguyện giảng dạy không hưởng lương và không đình công. Mục đích việc giáo dục là làm sáng tỏ đạo lý, chứ không phải vì danh lợi. Dùng chương trình Nho giáo cho lớp cơ bản và Phật học cho lớp đệ tử đã quy y. Qua giáo dục sẽ phát hiện vào đào tạo nhân tài để phục vụ cho lợi ích toàn thế giới. **Hòa Thượng nói: “Người không cần tiền bạc là người chân chính”.**

## 22. NAM NỮ HỌC TẬP RIÊNG

Nam nữ được tổ chức học tập riêng biệt, để họ có thể tập trung vào việc học mà không bị phân tâm. Nhờ vậy nên có thể ngăn ngừa được những căn bệnh xã hội như: nam nữ giao thiệp nhau quá sớm, pháp thai, ly dị, đồng tính luyến ái... Những hiện tượng đó đều bị cấm tuyệt ở đây. Hòa Thượng nói: *“Giáo dục là nền tảng tối yếu của quốc phòng, có thể cứu vãn cả xã hội và có thể giải quyết tận gốc mọi vấn đề của thế giới”.*

## 23. GIÁO DỤC TRONG TĂNG GIÀ LÀ CHỦ YẾU

Tăng Sĩ có trách nhiệm làm mô phạm cho hết thảy mọi chúng sanh, nên họ phải tự rèn luyện, học tập Phật pháp hoàn hảo trước khi họ đảm nhiệm công việc

dạy dỗ cho người khác. Do vậy, Hòa Thượng đặc biệt giáo dục hàng đệ tử xuất gia rất nghiêm cẩn và yêu cầu rất cao ở họ.

Tùy thuộc vào năng lực của từng người, các đệ tử đều được phân công đảm nhiệm những công việc trong chúng để học hỏi thêm. Mọi người đều có được những cơ hội như nhau. Các Giáo Thọ thường cho học tăng những lời giáo huấn trực tiếp và gián tiếp cũng như những sự hỗ trợ cần thiết.

Các Giáo Thọ thường cho học tăng những bài khảo thí bất ngờ, như mời mọi người từ mọi giai tầng trong xã hội, ở khắp mọi quốc gia đến để giảng kinh, mở những khóa học tại Vạn Phật Thánh Thành hay những Đạo Tràng chi nhánh khác. Hòa Thượng bảo: *“Mọi người cần phải có cái nhìn thấu suốt chân lý trạch pháp nhãn. Nếu nhận ra Đạo, hãy nên tiến tới, nếu chẳng phải Đạo thì nên thoái lui. Hãy chọn những pháp thiện để hành trì theo, loại trừ những tính bất thiện ở trong mình. Mọi việc đều là một sự khảo nghiệm cho chính mình, nếu ta chưa nhận ra được mặt mũi trước khi sinh ra là gì, thì phải cố gắng làm lại từ đầu”*.

Các pháp vốn bất định. Pháp cố định là pháp chết. Con người là pháp sống động, bạn không nên mắc kẹt vào một lối đi cho đến khi nó dẫn bạn vào bóng tối. Hòa Thượng bảo: *“Bạn phải tự làm sáng tỏ trí huệ và tự tin nơi chính mình. Đừng tin vào tôi”*.

Phong cách của Hòa Thượng rất thoải mái và dân chủ. Ngài tôn trọng chúng đệ tử và không bao giờ tự ý chế định những giới điều. Khi có đệ tử làm điều gì sai trái, Ngài mới đưa ra quy định kịp thời để hộ trì cho công phu học tập.

Hòa Thượng có một tấm lòng bao dung khoan thứ vô hạn. Bất luận người nào phạm lỗi lầm, miễn là họ khởi lên ý muốn sám hối, thì Hòa Thượng sẵn lòng tha thứ.

**Trực nhận tự kỷ thác  
Mạc luận tha chi nhân  
Tha phi tức ngã phi  
Đồng thể danh đại bi.**

**Tạm Dịch:**

**Nhận ngay lỗi của mình  
Không bàn luận đến sai trái của người khác  
Xem lỗi lầm của người khác chính là lỗi của mình  
Được gọi là đồng tâm thể đại bi của chư Phật.**

Hòa Thượng tự trách chính mình thay vì trách cứ người khác. Ngài nhận về phần mình hết thảy mọi lỗi lầm mê muội, nghiệp chướng, tập khí xấu của đệ tử. Ngài phát nguyện gánh vác hết nghiệp chướng.

Xem việc giáo dục chúng Sa Di là nền tảng của việc giáo dục Tăng chúng.

Vào những năm cuối cùng của cuộc đời, Ngài hết lòng chăm sóc giáo dục chúng Sa Di và Sa Di trẻ mới xuất gia. Ngài đích thân sắp xếp Giáo Thọ và thời khóa học. Ngài tự thân truyền thọ pháp môn Tứ Thập Nhị Thủ Nhãn Ấn Pháp cho chúng Sa Di tu tập. Ngài đem hết tâm huyết để truyền thọ cho hai giới này, hy vọng sự đồng tu của tứ chúng, của lớp Tăng trẻ từ 6 – 17 tuổi này, chẳng bao lâu sẽ trở lên những mặt trời sáng rỡ của Phật Pháp, sẽ truyền bá lòng từ bi vô hạn, niềm an nhiên hạnh phúc, hướng dẫn chúng sanh tu tập đạo Bồ Tát, chuyển hóa tận cùng khổ đau sanh tử.

## 24. ƯỚC NGUYỆN PHIÊN DỊCH TAM TẠNG KINH ĐIỂN PHẬT GIÁO

Từ hồi còn trẻ, Hòa Thượng đã có ước nguyện truyền bá Phật Pháp rộng khắp thế giới. Muốn vậy, Ngài phát nguyện tổ chức phiên dịch Tam Tạng Kinh điển Phật Giáo sang các thứ tiếng trên thế giới. Đây là công trình sự nghiệp ngàn năm. Ngài nói: *“Phiên dịch Tam Tạng còn quan trọng hơn vãng sanh Tịnh độ”*.

Hòa Thượng là người đầu tiên trên thế giới dùng Trung Văn để giảng Kinh, trước hết, Ngài đọc một đoạn Kinh từ trí nhớ, rồi liên tiếp giảng câu này sang câu khác mà không cần nhìn vào kinh văn. Ngài chẳng cần ghi chép điều gì, Ngài giảng hoàn toàn lưu xuất tự tự tánh khiến ai ai cũng hiểu được. Ngài sử dụng tiếng bạch thoại thông dụng để giảng giải những ý nghĩa sâu rộng nhất của Kinh văn, bằng những ví dụ rất thực tế khiến mọi tầng lớp đều hiểu được.

Hòa Thượng nói: *“Tôi chỉ biết cách đưa ra những ví dụ rất đơn sơ để chuyển ý Kinh do tôi giảng, gọi là “Bản dịch đơn giản”. Cũng như rau cải được luộc chín bằng nước sôi, trông có vẻ thanh đạm nhưng rất tốt cho sức khỏe”*.

## 25. DỊCH SANG NHỮNG NGÔN NGỮ KHÁC:

Có hàng trăm bộ Kinh dịch xong đã được ấn hành. Nhiều nhất là tiếng Anh. Sau này sẽ in Kinh song ngữ Hoa Pháp, Hoa Việt...

Bên cạnh việc xuất bản Kinh sách, băng từ và băng Video cũng được phát hành song ngữ. Hiện nay băng từ song ngữ cũng rất thông dụng để ghi và truyền các dữ liệu bằng tiếng Hoa và tiếng Anh.



## **26. THÀNH LẬP VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN QUỐC TẾ:**

Năm 1973, Viện Phiên dịch Tam Tạng Kinh Phật giáo Quốc Tế đã được thành lập.

Năm 1992, thành lập Ban Quản Trị Hội Phật Giáo Pháp Giới. Chư Tăng cùng Cư sĩ từ khắp nơi đều tình nguyện đến đây để cộng tác dịch và ấn hành Tam Tạng Kinh mà không nhận bất cứ khoản thù lao nào.

## **27. TÁM QUY LUẬT CỦA NGƯỜI PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN PHẬT HỌC**

- + Người dịch phải tự thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
- + Người dịch phải tu dưỡng thân tâm, dứt bỏ thói cao ngạo.
- + Người dịch phải tự chế, không được tự khen ngợi mình nhưng lại chê bai người khác.
- + Người dịch không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp người khác bằng cách tìm lỗi nơi tác phẩm của họ.
- + Người dịch phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
- + Người dịch phải dùng Trạch Pháp Nhãn để phân xét đâu là chân lý.
- + Người dịch phải cung kính cầu thỉnh Cao Tăng Đại Đức mười phương chứng minh cho bản dịch.
- + Người dịch phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa Phật học bằng cách in Kinh, Luật, Luận khi việc phiên dịch của mình được công nhận là chính xác.

## **28. THỊ HIỆN TƯỚNG BỆNH**

Hàng phàm phu bị bệnh do nghiệp. Họ thọ nhận lấy những gì họ đã làm trong quá khứ. Tất cả các bệnh của họ đều do “tham, sân, si”. Còn bệnh của Thánh Nhân là do nguyện lực. Các Ngài phát nguyện chịu thay nghiệp chẳng lành mà chúng sanh đã tạo lập. Vì chúng sanh bệnh nên Bồ Tát bệnh, các bậc Thánh đã chuyển hóa xong toàn bộ 3 món độc này rồi.

Ngài vốn không bệnh, nhưng lại muốn chịu thế mọi khổ đau cho chúng sanh, nhận hết bệnh của chúng sanh về phần mình, nên thân Ngài có biểu hiện các triệu chứng của bệnh, với hy vọng chúng sanh khi thấy tướng bệnh, biết được nguyên nhân của bệnh, mới chịu quyết tâm tu hành.

Để hộ trì cho đệ tử bốn chúng tu hành. Ngài đã đi từ Đạo tràng này đến Đạo tràng khác. Những cuộc hành trình bằng xe hơi, giữa thời tiết nóng lạnh bất thường,

xử lý vô số những công việc phức tạp, giúp cho người khác lực gia trì đề tu tập. Điều ấy đã làm cho Ngài kiệt sức.

Mười năm trước đây Ngài đã phát bệnh nặng vì làm việc quá sức. Năm nay bệnh Ngài quá nặng đến nỗi Ngài không thể bước lên một bậc thềm. Ngay cả khi các bác sĩ chẩn đoán Ngài chỉ còn sống một tuần lễ nữa. Hòa Thượng vẫn từ chối sự nghỉ ngơi để tìm phương cách trị liệu. Ngài vẫn chống tích trượng để đi hoặc ngồi xe lăn, tiếp tục đi đến khắp nơi để giảng pháp. Hai năm nay, bệnh đến liệt giường mà Ngài vẫn chỉ dạy các đệ tử khắp nơi bằng điện thoại, hay xuất hiện trong những giấc mơ của họ để giáo hóa.

Hòa Thượng đã chữa trị bệnh cho vô số người, sao Ngài lại không chữa trị cho chính mình? Đó chẳng phải là Ngài không thể chữa, mà vì Ngài không muốn chữa.

Một đời Ngài xưa nay chưa từng làm hoặc suy nghĩ một điều gì cho riêng mình. Ngay cả khi Ngài đau đớn cùng cực, Ngài cũng chẳng cần đến sự giúp đỡ cho riêng mình chút nào. Ngay cả khi Ngài an tường thị tịch vào ngày 06 tháng 07 năm 1995, bệnh Ngài và cơn đau cũng không giảm chút nào.

Ngài không thị hiện những điềm lạ, cũng chẳng lưu lại những kỳ tích. Ngài chỉ nói cho mọi người những bài học lớn lao về: thành, trụ, hoại, không – sanh, lão, bệnh, tử.

Đây thật là bài học lớn lao mà Hòa Thượng đã trao cho hàng đệ tử trên đường thực hành đạo Bồ Tát. Từ vô lượng kiếp xa xưa, chư Bồ Tát đã xả bỏ vô số thân để cứu độ chúng sanh. Chư vị hoàn toàn nghĩ đến mọi người chứ không nghĩ đến mình. Đối diện với những nỗi khổ khó chịu đựng này, người ta mới có thể tiếp tục can đảm tiến bước với niềm tin kiên định, không khuất phục khi tu hạnh Bồ Tát, dũng mãnh tiếp nối công hạnh của người xưa. Đó chính là chất vàng không chảy của Hòa Thượng trong lò lửa hừng hực.

Toàn bộ cuộc đời của Ngài là biểu hiện từ bộ Kinh Hoa Nghiêm. Phẩm “Pháp Giới Bất Khả Tư Nghì Của Chư Phật”, trong Kinh Hoa Nghiêm có nói rằng chư Phật Thế Tôn có mười Phật sự rộng lớn:

... **“Các Phật tử, khi chư Phật nhập Niết bàn, vô lượng chúng sanh đau đớn khóc lóc, sanh tâm ưu bi khổ não. Chư Phật thấy vậy nên nói: Như Lai Thế Tôn có tâm đại từ bi, vì lòng thương xót và làm lợi lạc cho cả thế gian, là nơi nương tựa và cứu hộ cho muôn loài. Thật khó mà tính kể sự thị hiện của Như Lai trên thế gian này.**

**Ruộng phước vô lượng từ nay mất hẳn. Do vậy, vì khiến cho chúng sanh kính mến, ngưỡng mộ mà các Ngài làm Phật sự.**

**Chư Phật Thế Tôn tuy nhập Niết bàn nhưng vì chúng sanh mà tiếp tục làm ruộng phước bất khả tư nghĩ; làm ruộng phước tối thượng, vô tận phước đức; khiến cho chúng sanh có được đầy đủ thiện căn và ruộng phước tròn đầy”.**

## **29. XEM KINH VỚI LÒNG THÀNH**

Kẻ hậu học khi xem kinh, nên có tâm thái như sau: 3 nghiệp “thân, khẩu, ý” phải được thanh tịnh. Ba nghiệp trên được lắng trong thì phước huệ tròn đầy.

+ Nên thẳng mình ngồi ngay như ngồi trước đức Phật. Đó là thân nghiệp được thanh tịnh.

+ Miệng không nói lời sai trái, không cười đùa. Đó là khẩu nghiệp được thanh tịnh.

+ Ý không tán loạn, dứt sạch tâm phan duyên. Đó là thanh tịnh ý nghiệp.

Khi tâm an tịnh thì ngoại cảnh lắng trong, đó là khế ngộ nguồn tâm, diệu nhập pháp lý. Khi nước lắng trong thì vẻ sáng của ngọc tự chiếu soi, mây tan trăng tự hiển bày, đại nguyện thành tựu cũng như nhập vào biển diệu nghĩa. Thấu đạt ý kinh cũng chính là đến được đỉnh núi cao trí huệ. Nếu hành giả muốn dễ thành tựu, phải gieo trồng đại nguyện. Khi tâm, pháp đều quên, thì mình cùng pháp giới chúng sanh đều chung lợi lạc. Có được như thế mới mong báo đáp ân sâu của Chư Phật.

## **PHẦN 2 - CHÚ ĐẠI BI (Phần Kinh Văn)**

- 1. Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đá Ra Dạ Da**
- 2. Nam Mô A Rị Da**
- 3. Bà Lô Yết Đế Thước Bát Ra Da**
- 4. Bồ Đề Tát Đỏa Bà Da**
- 5. Ma Ha Tát Đỏa Bà Da**
- 6. Ma Ha Ca Lô Ni Ca Da**
- 7. Án**

8. Tát Bàn Ra Phật Duệ
9. Số Đát Na Đát Tỏa
10. Nam Mô Tát Kiết Lật Đỏa Y Mông A Rị Da
11. Bà Lô Kiết Đế Thất Phật Ra Lăng Đà Bà
12. Nam Mô Na Ra Căn Trì
13. Hê Rị Ma Ha Bàn Đà Sa Mế
14. Tát Bà A Tha Đậ Du Bằng
15. A Thệ Dụng
16. Tát Bà Tát Đa, **Na Ma Bà Tát Đa<sup>1</sup>** Na Ma Bà Già
17. Ma Phật Đạt Đậ
18. Đát Diệt Tha, Án
19. A Bà Lô Hê
20. Lô Ca Đế
21. Ca Ra Đế
22. Di Hê Rị
23. Ma Ha Bồ Đề Tát Đỏa
24. Tát Bà Tát Bà
25. Ma Ra Ma Ra
26. Ma Hê Ma Hê, Rị Đà Dụng
27. Cu Lô Cu Lô Yết Mông
28. Độ Lô Độ Lô Phật Xà Ra Đế
29. Ma Ha Phật Xà Ra Đế
30. Đà Ra Đà Ra
31. Địa Rị Ni
32. Thất Phật Ra Da
33. Giá Ra Giá Ra
34. Mạ Mạ Phật Ma Ra
35. Mục Đế Lệ
36. Y Hê Y Hê
37. Thất Na Thất Na
38. A Ra Sâm Phật Ra Xá Lợi
39. Phật Sa Phật Sâm
40. Phật Ra Xá Da
41. Hô Lô Hô Lô Ma Ra

42. Hô Lô Hô Lô Hê Rị
43. Ta Ra Ta Ra
44. Tất Rị Tất Rị
45. Tô Rô Tô Rô
46. Bô Đê Dạ - Bô Đê Dạ
47. Bô Đà Dạ - Bô Đà Dạ
48. Di Đế Rị Dạ
49. Na Ra Cản Trì
50. Địa Rị Sắc Ni Na
51. Ba Dạ Ma Na
52. Ta Bà Ha
53. Tất Đà Dạ
54. Ta Bà Ha
55. Ma Ha Tất Đà Dạ
56. Ta Bà Ha
57. Tất Đà Du Nghệ
58. Thất Bàn Ra Dạ
59. Ta Bà Ha
60. Na Ra Cản Trì
61. Ta Bà Ha
62. Ma Ra Na Ra
63. Ta Bà Ha
64. Tất Ra Tăng A Mục Khư Da
65. Ta Bà Ha
66. Ta Bà Ma Ha A Tất Đà Dạ
67. Ta Bà Ha
68. Giả Kiết Ra A Tất Đà Dạ
69. Ta Bà Ha
70. Ba Đà Ma Yết Tất Đà Dạ
71. Ta Bà Ha
72. Na Ra Cản Trì Bàn Đà Ra Dạ
73. Ta Bà Ha
74. Ma Bà Rị Thắng Yết Ra Dạ
75. Ta Bà Ha

76. Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đá Ra Dạ Da
77. Nam Mô A Rị Da
78. Bà Lô Kiết Đế
79. Thước Bàn Ra Dạ
80. Ta Bà Ha
81. Án Tất Điện Đô
82. Mạn Đà Ra
83. Bạt Đà Dạ
84. Ta Bà Ha

<sup>1</sup> Các bản hiện đang lưu hành, được trì tụng rộng rãi ở Việt Nam thiếu 5 chữ này.

## KỆ TỤNG CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH TUYÊN HÓA

*Thủ nhĩn thông thiên đại tổng trì  
Chấn động tam thiên thế giới thì  
Hữu duyên vô duyên hàm nhiếp hóa  
Từ bi phổ độ Diêm phù đề.*

### PHẦN 2 - PHẦN GIẢNG (CÚ GIẢI)

Từ trước đến nay, nhiều người đã giảng rộng về Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, nhưng chưa có vị nào giảng giải về Chú Đại Bi. Thật vậy, rất khó giảng giải về Chú Đại Bi. Vì kinh văn thần chú này thuộc vào hệ **Mật Ngôn Chân Ngữ**. Nay để giảng giải về thần chú này, trước tiên tôi xin đưa ra một bài kệ để thuyết minh cho ý nghĩa của thần chú:

*Đại bi đại chú thông thiên địa  
Nhất bách nhất thiên thập vương hoan  
Đại từ đại bi năng khử bệnh  
Nghiệt kính nhất chiếu biến cao huyền.*

## **Nghĩa là:**

**Thần Chú Đại Bi** có công năng thông cả thiên đường, thấu cả địa phủ. Người nào thường trì niệm chú này mỗi ngày 108 biến, niệm ngàn ngày như thế thì có thể khiến Thập Điện Minh Vương hoan hỷ.

Năng lực Từ và Bi của thần chú có thể chữa lành tất cả mọi tật bệnh và làm cho đài gương chiếu tội sáng ngời ngời.

### **1. Đại bi đại chú thông thiên địa**

Khi quý vị niệm thần chú này thì trời đất đều chấn động, cả pháp giới chuyên rung. Trên thông cả cõi trời, dưới thấu khắp cả các cõi giới địa ngục. Khắp cả mọi pháp giới trời người đều cảm thông và tán dương công đức.

### **2. Nhất bách nhất thiên thập vương hoan**

Nếu quý vị niệm thần chú này mỗi ngày 108 biến, niệm ngàn ngày như vậy, tức là vào khoảng 3 năm. Niệm thần chú này liên tục trong 3 năm không gián đoạn, không bỏ sót một ngày, bất luận quý vị có bận rộn như thế nào cũng không quên niệm, thì có thể khiến cho mười vị Vua điều hành công việc ở chốn Địa Phủ cũng phải hoan hỷ. Có nghĩa là từ Vua Diêm La cai quản điện thứ 10, cùng tất cả các chung sanh đang bị tội báo ở trong 10 địa ngục ấy đều được vui mừng.

### **3. Đại từ đại bi năng khử bệnh**

Năng lực Từ và Bi của thần chú này có thể chữa lành tất cả mọi bệnh tật.

**Vì sao gọi là chú Đại Bi?** Là vì: “**Bi năng bạt khổ**”. Nghĩa là Bi có công năng làm cho mọi khổ nạn của chúng sanh được tiêu trừ. Còn “**Từ năng dĩ lạc**”. Lòng Từ thường đem lại niềm vui cho chúng sanh. Vì Thần Chú này khả năng bớt khổ ban vui cho mọi chúng sanh nên gọi là Chú Đại Bi. Chủ yếu nhất là công năng chữa lành mọi bệnh tật. Bất luận quý vị bị bệnh gì, nếu quý vị trì niệm Chú Đại Bi thì mọi bệnh khổ đều được tiêu trừ.

Có người sẽ thắc mắc: “Tôi đã niệm Chú Đại Bi rồi, tại sao không lành bệnh?” Quý vị chưa lành bệnh là vì quý vị chưa vận hết Lòng Thành trong lúc trì niệm. Với lòng Chí Thành, chắc chắn quý vị sẽ có được sự cảm ứng khi niệm chú.

### **4. Nghiệt kính nhất chiếu biến cao huyền**

Khi quý vị trì niệm mỗi ngày 108 biến Chú Đại Bi, niệm trong 1000 ngày như thế thì Thập Điện Minh Vương vui mừng và tất cả mọi bệnh tật đều được tiêu trừ. Trong suốt 1000 ngày, tức 3 năm này, quý vị thành tựu được khá nhiều công đức

rồi. Bởi vì trong 3 năm này, mỗi ngày quý vị đều gia tâm trì tụng Thần Chú nên không có điều kiện để tạo tác nghiệp nhân. Quý vị không uống rượu, không ăn thịt, không ăn ngũ vị tân.

Trong Địa Ngục có một đài gương báo tội gọi là “**nguyệt kính đài**”, nếu quý vị gây một nghiệp ác nào thì nghiệp ấy sẽ hiện rõ trong đài gương kia. Cũng giống như hình ảnh đang hiện ra trên màn ảnh xi nê vậy. **Ví như: “Một người, đời này gây tội sát nhân, thì trong gương báo tội sẽ hiện ra cảnh người ấy đang giết người. Nếu người ấy gây nghiệp trộm cắp thì trong gương sẽ hiện hình người ấy đang đi ăn trộm. Nếu người ấy gây nghiệp đốt phá nhà cửa người khác thì trong gương sẽ hiện ra rõ ràng hành động đốt nhà ấy”.**

Còn nếu quý vị không gây tạo ác nghiệp gì cả thì sao? Thì chẳng có gì hiện ra trong kính đó cả. Vậy nên, nếu quý vị trì tụng thần Chú Đại Bi trong 3 năm thì khi gương nghiệp soi chiếu đến, tội báo của quý vị sẽ được tẩy sạch. Nơi Địa Ngục ấy sẽ treo lên một tấm bảng ghi rằng: “**Người này đã từng trì tụng Chú Đại Bi, tội báo của người này đều đã được hóa giải toàn bộ**”.

Tất cả các vị Quỷ Thần trong Địa Ngục đều cúi đầu lễ bái sùng kính người trì chú này như lễ bái cung kính chư Phật trong 3 đời quá khứ, hiện tại, vị lai vậy. Đồng thời các vị Quỷ Thần ấy sẽ hộ trì người trì chú cũng như họ thường hầu cận chư Phật vậy, và các vị Quỷ Thần đều thông báo cho nhau biết là không nên quấy nhiễu người trì chú này. **Thần lực của Chú Đại Bi thật là không thể nghĩ bàn.**

## PHẦN 3 - CÚ GIẢI (Giảng Giải Từng Câu)

### 1. Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đá Ra Dạ Da

Hàng ngày chúng ta vẫn thường tụng Nam Mô A Di Đà Phật. Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Nhưng quý vị có biết Nam Mô có nghĩa là gì không?

Chắc là rất ít người biết được. Cách đây vài năm, có lần tôi đã đặt vấn đề này trong một pháp hội nhưng chưa một người nào có được câu trả lời hoàn chỉnh cả.

**Nam Mô** phiên âm chữ Nama từ tiếng Phạn. Trung Hoa dịch là “**Quy y**”; cũng dịch là “**Quy mạng kính đầu**”.

Có nghĩa là: “Con xin đem toàn thể sinh mạng của con về nương tựa vào chư Phật”. Cái bản ngã của chính mình không còn nữa. Mà con xin dâng trọn vẹn thân mạng mình lên chư Phật. Nếu chư Phật cho con sống thì con sống; bảo con chết thì



con chết. Con hoàn toàn tin vào chư Phật. Đó gọi là “**Quy mạng**”. Còn “**Kính đầu**” có nghĩa là hết sức cung kính và nương tựa vào đức Phật. **Đó là ý nghĩa của Nam Mô.**

Còn “**Quy y**” có nghĩa là đem hết thân và tâm của mình, đem hết cả mạng sống của mình trở về nương tựa vào đức Phật.

Nói tổng quát. **Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đát Ra Dạ Da** có nghĩa là “**Xin quy y Tam Bảo vô biên vô tận trong khắp mười phương**”.

Đó chính là bản thể của Bồ Tát Quán Thế Âm. Quý vị nên khởi tâm Từ Bi mà trì niệm. Mặc dù đó là bản thể của Bồ Tát Quán Thế Âm, nhưng cũng có nghĩa là quy y với toàn thể chư Phật trong mười phương, suốt cả 3 đời: quá khứ, hiện tại, vị lai. Khi quý vị trì niệm Thần Chú này. Không những chỉ nhắc nhở mình quy y với Tam Bảo thường trụ trong khắp mười phương vô biên vô tận mà còn khiến cho tất cả mọi loài hữu tình khi nghe được Thần Chú này cũng đều quay về quy y, kính lễ mười phương ba đời thường trụ Tam Bảo.

Quý vị có biết Tam bảo là gì không? Đó là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Quý vị nên biết rằng, trên thế gian này Phật bảo là cao quý nhất. Cũng thế, Pháp bảo và Tăng bảo là điều cao thượng và quý báu nhất. Không những cao quý ở thế gian mà còn cao quý đối với những cảnh giới xuất thế gian, cho đến đối với cõi trời phi tướng phi phi tướng nữa. Không còn có gì cao quý hơn Tam Bảo trong Phật Pháp nữa. Trong mười pháp giới thì cảnh giới Phật là cao nhất. Thế nên chúng ta cần phải cung kính quy ngưỡng và tín thọ nơi Tam Bảo cao quý, phát khởi tín tâm kiên cố và thâm sâu, không một mảy may nghi ngờ.

Có người sẽ hỏi: Quy y Tam Bảo sẽ có lợi ích gì? Tối thiểu nhất là:

+ Khi quý vị quy y Phật rồi thì đời đời kiếp kiếp không còn đọa vào địa ngục nữa.

+ Khi quý vị quy y Pháp rồi thì đời đời kiếp kiếp không còn đọa vào hàng ngạ quỷ (quỷ đói) nữa.

+ Khi quý vị quy y Tăng rồi thì quý vị không còn bị đọa làm loài súc sanh nữa.

Đây là những đạo lý căn bản của việc quy y Tam Bảo.

Nhưng khi đã quy y rồi, quý vị phải tự nguyện và tinh tấn thực hành các việc lành, tương ứng với lời dạy của đức Phật thì mới xứng đáng gọi là quy y. Nếu quý vị vẫn còn giữ nguyên các tập khí ngày trước như: sát sanh, trộm cắp, tà hạnh dâm dục, nói dối, nghiện ngập và làm mọi điều mình thích để thỏa mãn ngũ dục thì quý vị không thể nào tránh khỏi đọa vào 3 đường ác (ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh). Bỏ

vì trong Phật pháp không có sự nhân nhượng. Quý vị không thể nói: “Tôi đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi, nên tôi sẽ không bao giờ bị đọa vào địa ngục, nga quỷ, súc sanh nữa. Vậy nên tôi có quyền làm điều gì tôi muốn...”

Quý vị phải thay đổi, chuyển hóa mọi tập khí xấu của mình và tích cực thực hành những việc thiện, dứt khoát không bao giờ làm những việc ác nữa. Nếu quý vị còn tiếp tục làm những việc xấu ác, thì quý vị sẽ bị đọa ngay vào địa ngục.

Đạo Phật không giống như ngoại đạo. Họ tuyên bố rằng: “Quan trọng nhất là niềm tin. Nếu có niềm tin thì dù có làm việc ác, cũng có thể vào được thiên đường. Còn ngược lại, nếu ai thiếu lòng tin, dù có gắng sức làm việc phước đức thì cũng sẽ rơi vào hỏa ngục”.

Nếu quý vị tin vào đức Phật mà vẫn tạo các nghiệp ác thì nhất định quý vị sẽ bị đọa vào địa ngục. Dù quý vị không tin vào đức Phật, mà vẫn gắng sức làm việc phước thiện thì quý vị vẫn được lên thiên đường. Phật pháp không bao giờ mê hoặc con người bằng cách nói: “Nếu quý vị tin vào đức Phật thì mọi điều sẽ được như ý”. Ngược lại, nếu quý vị tin vào đức Phật mà vẫn không chịu từ bỏ các việc ác thì quý vị vẫn phải bị đọa vào địa ngục.

“Được rồi”. Quý vị lại thắc mắc: “Nếu đã tin Phật rồi mà cũng đọa vào địa ngục như không tin, thì tại sao phải quy y Tam Bảo?”

Chân chánh quy y Tam Bảo có nghĩa là: phải từ bỏ việc ác, quay về đường thiện, sửa đổi mọi lỗi lầm. Như một người được khai sinh lại với tên mới, từ đây chỉ làm thuần túy những việc lành. Không làm những việc xấu ác nữa. Như thế mới đạt được lợi ích thiết thực.

**Chính vì vậy mà câu chú: “Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đá Ra Dạ Da” có nghĩa là: “Quy y Tam bảo vô cùng vô tận trong khắp mười phương”.**

**Khi quý vị Trì Niệm Chú này, cũng có thể giúp tiêu trừ được những ách nạn cho quý vị. Lúc gặp tai chướng, quý vị hãy thường trì niệm: Nam mô hắc ra đát na đá ra dạ da thì tai chướng ấy liền được tiêu trừ. Tai nạn lớn sẽ biến thành tai nạn nhỏ, và nếu gặp tai nạn nhỏ thì cũng sẽ được tiêu sạch. Chú này được gọi là “Tiêu tai pháp”, là một trong năm bộ chú hộ ma.**

“Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đá Ra Dạ Da” cũng còn được gọi là “Tăng ích pháp”. Nghĩa là từ trước đến nay quý vị đã từng gieo trồng nhiều thiện căn, và vẫn thường trì tụng chú này, thì thiện căn của quý vị sẽ tăng trưởng thêm gấp nhiều lần, lợi lạc không kể xiết. Nên chú này được gọi là “Tăng ích pháp”.

Quý vị có thể niệm toàn bộ Chú Đại Bi, hoặc chỉ cần niệm câu chú đầu tiên này thôi: “**Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đát Ra Dạ Da**” là “Thành tựu pháp”, bất luận quý vị muốn điều gì, thì sở nguyện sở cầu của quý vị đều được thành tựu như ý muốn. Nếu quý vị không có con trai mà muốn cầu sinh con trai, hãy niệm “Nam mô hắc ra đát na đát ra dạ da” sẽ sinh được con trai. Nhưng quý vị phải trì niệm với Tâm Chí Thành, không phải chỉ niệm một hai ngày rồi thôi, mà phải niệm liên tục ít nhất là trong 3 năm. Nếu quý vị không có được bạn tốt, mà muốn gặp được một người, hay niệm “Nam mô hắc ra đát na đát ra dạ da” thì liền gặp được ngay bạn lành. Nếu quý vị trì niệm được toàn thể bài Chú Đại Bi thì quá tốt, nếu không chỉ cần niệm câu đầu tiên “Nam mô hắc ra đát na đát ra dạ da” cũng sẽ thành tựu những công đức không thể nghĩ bàn.

**Câu Chú này cũng còn được gọi là “Hàng phục pháp”**. Năng lực của câu chú đó có thể “hàng phục thiên ma, chế phục ngoại đạo” khi nó nghe đến câu chú này. Tuy vậy, câu chú này không phải là “Câu triệu pháp”. Khi quý vị trì niệm một câu chú thuộc trong “Câu triệu pháp” thì tất cả các loại yêu ma quỷ quái khắp nơi đều đến trình diện và có thể bắt giữ, hoặc sai khiến được chúng.

Vậy nên, câu chú “Nam mô hắc ra đát ra đát ra dạ da” này có công năng rất mạnh, không thể suy lường được. Nếu nói chi tiết thì không thể nào cùng tận được.

**Tóm lại:** trong câu “Nam mô hắc ra đát na đát ra dạ da” thì:

+ “**Nam Mô**” có nghĩa là “**quy mạng kính đầu**”.

+ “**Hắc ra đát na**” là “**Bảo**”.

+ “**Đát ra dạ**” có nghĩa là “**Tam**”.

+ “**Da**” nghĩa là “**Lễ**”.

**Nghĩa toàn câu là:** “*Xin đem hết thân, tâm, tánh mạng của mình quy y và kính lễ Tam Bảo vô tận vô biên trong khắp cả mười phương, suốt cả ba đời*”. Chúng ta phải cúi đầu đánh lễ thường trụ Tam Bảo.

**Vì sao gọi là vô tận vô biên?** Vì “chư Phật trong thời quá khứ là vô cùng vô tận. Chư Phật trong thời hiện tại là vô cùng vô tận. Chư Phật trong thời vị lai là vô cùng vô tận”. Cho nên Tam Bảo là vô biên vô tận.

## **2. Nam Mô A Rị Da**

+ “**Nam Mô**” như đã giảng ở trên, nghĩa là “đem hết thân tâm, tánh mạng quy y và kính lễ, học tập chư Phật và chư Bồ Tát”.

+ “**A Rị**” có nghĩa là “Thánh giả”. Có nghĩa là người xa lìa tất cả các ác pháp. Nên “**Nam Mô A Rị Da**” có nghĩa là “kính lễ các bậc Thánh giả, người đã xa lìa tất cả các pháp bất thiện”.

### 3. Bà Lô **Yết Đế** Thước Bát Ra Da

+ “**Bà Lô Yết Đế**” có nghĩa là “quán” trong danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Cũng được dịch là “quang” từ danh hiệu Vairocana (Tỳ Lô Giá Na) nghĩa là “Quang Minh Biến Chiếu”(Hào quang chiếu khắp mọi nơi). Còn được dịch là: “Sở quán sát” nghĩa là cảnh giới được quán chiếu, được quán sát đến.

+ “**Thước Bát Ra Da**” có nghĩa là “tự tại”.

**Ý nghĩa toàn câu là: quán chiếu quán sát một cách rộng khắp và tự tại.** Đó chính là ý nghĩa của danh hiệu Bồ Tát Quán Tự Tại, Bồ Tát Quán Thế Âm. Có nghĩa là quan sát, lắng nghe âm thanh ở cõi thế gian để cứu độ một cách tự tại.

### 4. Bồ Đề Tát Đỏa Bà Da

Mọi người đều biết “**Bồ Đề**” xuất phát từ tiếng Phạn là Bodhi. Có nghĩa là Giác.

+ “**Tát Đỏa**” có nghĩa là “độ” là vượt qua (bể khổ) cũng như đưa người khác vượt qua (bể khổ) đến bờ giải thoát.

+ “**Bồ Đề Tát Đỏa Bà Da**” có nghĩa là một vị Bồ Tát đã tự giác ngộ giải thoát và giúp cho mọi chúng sanh được giác ngộ giải thoát như mình.

+ “**Bà Da**” có nghĩa là “đánh lễ”.

+ “**Da**” có nghĩa là “khâu đầu đánh lễ”. Cúi đầu đánh lễ ai? Đánh lễ các vị Bồ Tát đã tự giác ngộ giải thoát cho chính mình rồi, còn giúp cho người khác được giác ngộ giải thoát.

Câu thần chú này là muốn nhắc đến “Bồ Tát Bất Không Quyển Sách” áp đại binh. Nghĩa là khi quý vị tụng câu thần chú này thì “Bồ Tát Bất Không Quyển Sách” đem binh tướng của cõi trời đến để hộ trì cho quý vị.

### 5. Ma Ha Tát Đỏa Bà Da.

**Ma Ha** có 3 nghĩa: **Đại**: lớn; **Đa**: nhiều; và **Thắng**: hoàn hảo.

+ **Ma Ha** với nghĩa là “**Đại**”: tức chỉ cho người phát Tâm Bồ Đề rộng lớn.

+ **Ma Ha** với nghĩa là “**Đa**”: tức chỉ cho số lượng. Có rất nhiều người phát Tâm Bồ Đề.

+ **Ma Ha** với nghĩa là **“Thắng”**: tức nói đến những người đã phát Tâm Bồ Đề rộng lớn đều đạt đến chỗ thành tựu viên mãn, được nhiều lợi lạc rất thù thắng.

+ **“Tát Đỏa”**: nghĩa của chữ **“Tát Đỏa”** trong câu chú này không giống như nghĩa trong câu trên.

Trong câu chú trên, **“Tát Đỏa”** có nghĩa là **“độ”** (vượt qua bờ bên kia). Có nghĩa là giải thoát.

Còn trong câu chú này, **“Tát Đỏa”** có nghĩa là **“Dũng mãnh giả”** là người can đảm, không sợ hãi. Cũng có nghĩa là **“Tinh tấn giả”**, là người tu hành rất siêng năng.

+ **“Bà Da”**: Hán dịch là **“Hướng tha đánh lễ”** nghĩa là: **“Con xin đê đầu đánh lễ các vị đại Bồ Tát, là những người rất dũng mãnh, rất tinh tấn, không bao giờ sợ hãi, và nguyện phát Tâm Bồ Đề trước chư vị Bồ Tát này”**.

Các vị đại Bồ Tát đã tự giác ngộ, giải thoát cho chính mình rồi còn phát nguyện giúp cho vô số chúng sanh khác được giác ngộ và giải thoát như mình.

## 6. Ma Ha Ca Lô Ni Ca Da

+ **“Ma Ha”** có 3 nghĩa: lớn, nhiều và thù thắng như trên đã giảng.

+ **“Ca Lô”** Hán dịch là **“Bi”**.

+ **“Ni Ca”** nghĩa là **“Tâm”**.

Hợp lại: **“Ma Ha Ca Lô Ni Ca”** có nghĩa là **“Tâm đại bi”**.

+ **“Da”** có nghĩa là đánh lễ, như đã giảng ở trên.

Toàn câu chú **“Ma Ha Ca Lô Ni Ca Da”** có nghĩa là: **“Cúi đầu đánh lễ Thần Chú Đại Bi Tâm Đà La Ni”**.

## 7. Án

+ **“Án”** nghĩa là **“Bồn mẫu”**, là **“Chú mẫu”** mẹ của tất cả mọi thần chú; cũng chính là **“Phật mẫu”** mẹ của tất cả chư Phật.

Mẹ của chư Phật có nghĩa là mẹ của nguồn tâm trong mọi loài chúng sanh, vì nguồn tâm của chúng sanh vốn có sẵn mọi trí huệ, thường xuất sanh các pháp lành, nên gọi là **“Bồn mẫu”**.

Thông qua năng lực của thần chú mà 10 pháp môn được hiển bày.

**1. Pháp môn thứ 1 là “Tự”**: là đầu nguồn, làm xuất sanh mọi chủng tử.

**2. Thứ 2 là “Cú”**. Trong kinh văn hoặc trong thần chú, **“Cú”** có nghĩa là một câu.

**3. Thứ 3 là “Quán”:** là quán chiếu, quán sát, vận dụng năng lực quán chiếu mà hành trì.

**4. Thứ 4 là “Trí”:** là trí huệ, dùng thanh gươm trí huệ để cắt đứt tất cả phiền não. Trí huệ tức là pháp môn lưu xuất từ Bát Nhã Ba La Mật, đó là trí huệ viên mãn nhất. Còn “quán” là lưu xuất từ pháp môn Thiền Định Ba La Mật.

**5. Thứ 5 là “Hành”:** nghĩa là tu tập, nương theo giáo pháp mà hành trì.

**6. Thứ 6 là “Nguyện”:** nghĩa là cần phải phát nguyện, nương theo giáo pháp chân chính mà tu hành.

**7. Thứ 7 là “Giáo”:** nghĩa là y cứ theo giáo pháp chân chánh mà tu hành.

Nếu quý vị không nương theo lời dạy của đức Phật mà tu hành, thì dù quý vị có tu hành đến nhiều kiếp như số cát Sông Hằng đi nữa thì vẫn không có kết quả gì cả. Cũng như thể nấu cát mà mong thành cơm vậy.

Tuy nhiên, để có thể tu tập xứng hợp với giáo lý chân chánh của đức Phật thì trước hết, quý vị phải thông hiểu về giáo pháp đó một cách tường tận.

**8. Thứ 8 là “Lý”:** nghĩa là đạo lý. Nếu quý vị có thể nhập được vào Phật pháp vi diệu thì mới có được sự hiểu biết thông đạt về giáo pháp ấy. Nếu quý vị không khéo hội được diệu pháp này, thì quý vị chỉ là người tu tập trong sự mù quáng. Dù quý vị có tu hành bao lâu đi nữa, cũng không đạt được sự thành tựu.

**9. Thứ 9 là “Nhân”:** Trong đời này quý vị phải gieo trồng những nhân thù thắng, nhân tốt lành, nhân thanh tịnh, thì **tương lai** quý vị sẽ gặt được quả thù thắng, quả vi diệu và quả thanh tịnh.

**10. Thứ 10 là “Quả”:** Quả tương ứng sẽ đạt được sau khi đã gieo trồng nhân. Đó là diệu quả, quả vị giác ngộ tối thượng.

Như vậy từ chữ “**Án**”, xuất sanh ra 10 pháp môn vi diệu. Nên khi quý vị Trì Niệm Thần Chú Đại Bi, niệm đến chữ “**Án**” thì tất cả các loài Quỷ Thần đều chấp tay vô cùng cung kính, không dám tỏ ra khinh suất hoặc lơ là khi nghe hành giả Trì Tụng Thần Chú Đại Bi.

Chữ “**Án**” có một năng lực mạnh mẽ mà đến nỗi khiến cho các loài ác quỷ, ác thần đều phải cung kính chấp trì. **Công năng của Thần Chú thật to lớn, thần lực thật không thể nghĩ bàn.**

## **8. Tát Bàn Ra Phạt Duệ**

+ “**Tát Bàn Ra**” Hán dịch là “tự tại”. Nghĩa là khi quý vị trì tụng thần chú này, thì Tứ Đại Thiên Vương đều đến làm hộ pháp cho quý vị.

+ “**Phạt Duệ**” Hán dịch là “Thế Tôn”, cũng dịch là Thánh Tôn.

**Nguyên câu chú này có nghĩa là “Tự tại Thế Tôn”. Tự Tại Thánh Tôn, tức là Đức Phật tự tại, ý là xưng tán Phật Bảo.**

## **9. Số Đát Na Đát Tỏa**

+ **Chữ “Số”** có hai âm là Shù và Shùo. Người ta thường niệm là “Shù”.

+ **“Số Đát Na”** có nghĩa là “pháp” (Dharma). Pháp gì? Pháp này còn gọi là “Diệu thắng pháp”. Cũng gọi là “Cao thượng thắng sinh”. Có nghĩa là không có gì vượt trội hơn pháp này nữa. Thắng sinh có nghĩa là từ pháp này xuất sanh ra năng lực rất thù thắng.

+ Còn một cách dịch khác của chữ “Số” là “Diệu sinh” hoặc “Thắng thân”.

➤ “Diệu sinh” tức là vượt lên trên mọi sự vi diệu.

➤ “Thắng thân” nghĩa là thể của pháp ấy rất thù thắng.

+ Còn có một cách dịch khác nữa của chữ **“Số”** là “Tối thượng thừa địa”.

Nghĩa là cảnh giới của hành giả sẽ trải qua sau khi chứng được Thập Địa của hàng Bồ Tát.

+ **“Đát Na”** là biểu tượng của Pháp Bảo.

+ **“Đát Tỏa”** là biểu tượng cho Tăng Bảo.

**Cho nên toàn thể câu chú “Án Tát Bàn Ra Phạt Duệ, Số Đát Na Đát Tỏa” là biểu tượng cho Tam Bảo.** Có nghĩa là chúng ta phải nên ngưỡng nguyện đến sự gia hộ của Tam Bảo. Nên khi trì niệm đến câu Thần Chú này, có nghĩa là thỉnh cầu, ngưỡng nguyện đến lực gia trì của Tam Bảo.

+ **“Đát Tả”** còn có nghĩa là: dùng giáo pháp để răn dạy các loài quý thần và dùng thần chú để triệu tập quý thần đến mà dạy bảo chúng theo tinh thần chánh pháp.

## **10. Nam Mô Tất Kiết Lật Đỏa Y Mông A Rị Da**

Xưa nay dường như quý vị luôn luôn **Nam Mô** với một người nào khác chứ chưa bao giờ **Nam Mô** với chính mình. Người tu hành không cần phải đi **Nam Mô** một khách thể nào khác mà phải **Nam Mô** ngay với chính mình.

+ **Nam Mô** có nghĩa là tôi, chính tôi quay trở về quy y với Tam Bảo vô cùng vô tận khắp mười phương.

+ **“Nam Mô”** còn có nghĩa là: đem tự ngã của chính mình thể nhập trọn vẹn vào cả pháp giới khắp cả mười phương. Tức là thể nhập vào Tam Bảo vô cùng vô tận khắp cả mười phương.

+ **“Tất Kiệt Lộ”** có nghĩa là “hoàn toàn”. Tức là đem hết toàn tâm, toàn ý để quy y và đánh lễ Tam Bảo.

+ **“Đọa Y Mông”** có nghĩa là “Ngã”. Đó chính là cái Ngã của Vô Ngã. Nên quý vị phải đem toàn tâm toàn ý đánh lễ bản ngã của chính mình, nhưng đánh lễ cái ngã của vô ngã. Như thế có nghĩa là không có mình hay sao? Ví như khi có người đánh quý vị, quý vị không cảm thấy đau; nếu họ mắng chửi, quý vị không thấy khó chịu; nếu họ nhục mạ, quý vị thấy như thể không có việc gì xảy ra. Quý vị không nhất thiết cần phải “nhẫn nhục”, vì nếu dùng phép “nhẫn nhục” là quý vị đã rơi vào “đệ nhị nghĩa” rồi. Trong trường hợp này, quý vị không nhất thiết cần phải “nhẫn”, vì vốn không có một bản ngã để dùng pháp nhân và không có một bản ngã để cho pháp nhân ấy tác động tới. Có nghĩa là quý vị phải hành pháp nhẫn trong “vô nhẫn”. Đó gọi là Ngã của Vô Ngã vậy.

+ **“A Ri Da”** ở trên đã giảng qua, có nghĩa là “Thánh giả”. ở đây tức là phải hết lòng đánh lễ “cái ngã” ấy của Thánh Giả. Vô lượng vô biên chư Bồ Tát, hết thảy Thiên Long Bát Bộ đều phải đánh lễ cái Ngã trong Vô Ngã của bậc Thánh Giả. Cái Ngã ấy bao trùm khắp vô lượng vô biên vũ trụ. Có rất nhiều bậc Thánh Giả. Họ là ai? Dưới đây, tôi sẽ giảng rõ.

## **11. Bà Lô Kiệt Đế Thất Phật Ra Lãng Đà Bà**

+ **“Bà Lô Kiệt Đế”** dịch là “Quán”.

+ **“Thất Phật Ra”** dịch là “Tự tại” hoặc là Thế Âm. Âm thanh ở trong thế gian. Đây chính là Bồ Tát Quán Thế Âm.

+ **“Bà Lô Kiệt Đế Thất Phật Ra”** là Quán Thế Âm, cũng chính là Quán Tự Tại. Hai danh hiệu này không nhất định phải là Bồ Tát Quán Thế Âm mới được gọi là Quán Tự Tại hay Quán Thế Âm, mà nếu khi quý vị đã đạt được tự tại rồi, thì quý vị chính là Bồ tát Quán Tự Tại. Khi quý vị có được năng lực cứu độ tất cả mọi loài chúng sanh thì quý vị chính là Bồ Tát Quán Thế Âm. Vì vậy, một khi quý vị đã thể nhập và vận dụng trọn vẹn pháp này rồi thì chính quý vị là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu tôi đạt được tự tại trong việc vận dụng pháp này thì chính tôi cũng là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm.

+ **“Lãng Đà Bà”** dịch là “hải đảo”, chỉ cho núi Phổ Đà, nơi Bồ Tát Quán Thế Âm thường thị hiện. Có sách nói núi Phổ Đà ở nước Trung Hoa. Phổ Đà có nghĩa là “hoa trắng nhỏ” vì nơi núi ấy có loài hoa trắng nở rất nhiều. Trên núi có một cung điện được kiến tạo ở trong hang đá gọi là “Cung Từ Bi”, đó là nơi Bồ Tát Quán Thế Âm thường thị hiện. Nơi đó được trang hoàng bằng 7 thứ châu báu: vàng,



bạc, xà cừ, pha lê, trân châu, ngọc bích, mã não. Nhưng không phải ai cũng đến được nơi cung điện này.

+ “**Bà Lô Kiệt Đế Thất Phật Ra**” là vị Bồ Tát có đầy tâm nguyện đại từ bi.

+ “**Lăng Đà Bà**” là cung điện Từ Bi, nơi Bồ Tát Quan Thế Âm thường thị hiện.

## 12. Nam Mô Na Ra Cẩn Trì

Trong câu chú này:

+ “**Nam Mô**” vẫn có nghĩa là “quy y” và “quy mạng kính đầu”.

+ “**Na Ra**” dịch nghĩa là “Hiền” (bậc hiền giả, chỉ cho hàng Bồ Tát).

+ “**Cẩn Trì**” dịch là “ái”, có nghĩa là tình thương yêu. Trong ý niệm lòng Từ Bi bảo hộ, che chở cho mọi loài. Thế nên lòng từ bi của bậc Hiền giả (Bồ Tát) thường đem đến sự bao bọc, che chở cho chúng sanh. Trước đây tôi đã giảng về 10 loại tâm được đề cập trong Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni. Quý vị nên y cứ theo 10 loại tâm này mà công phu tu tập.

+ “**Na Ra Cẩn Trì**” Hán dịch là “Hiền ái thiện hộ” có liên quan đến nghĩa thứ nhất, nghĩa thứ 6 và nghĩa thứ 10 trong 10 loại Tâm: Đó chính là Tâm Đại Bi, Tâm Cung Kính và Tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Câu chú này đại biểu cho 3 loại tâm như trên.

## 13. Hê Rị Ma Ha Bàn Đà Sa Mế

+ “**Hê Rị**” có nghĩa là “Tâm”. Tâm này có ý nghĩa gì trong 10 nghĩa? Nghĩa thứ 4 là vô nhiễm trước tâm. Tâm này giúp cho quý vị duy trì bản tâm thanh tịnh của mình. Khi quý vị khởi tâm niệm “tham, sân, si, mạn, nghi...” thì tâm quý vị liền bị ô nhiễm, không còn thanh tịnh nữa. Khi tâm quý vị không mong khởi những niệm ô nhiễm ấy, thì tâm quý vị được thanh tịnh.

+ “**Ma Ha**” có nghĩa là “Đại”, cũng có nghĩa là “Trường”.

+ “**Bàn Đà Sa Mế**” nghĩa là sao? Nếu tôi không nói, chắc chắn quý vị chẳng thể nào biết được. Nên quý vị muốn biết thì trước tiên tôi phải giảng. Lúc đó quý vị mới hiểu được. Quý vị mới nói rằng: “Thì ra ý nghĩa của câu chú ấy là như thế”.

+ “**Bàn Đà Sa Mế**” có nghĩa là “đại quang minh” nghĩa là hào quang rực rỡ chiếu khắp.

+ “**Bàn Đà Sa Mế**” lại còn được dịch là “Trường chiếu mệnh” nghĩa là ánh sáng thường chiếu soi rộng khắp mọi nơi.

+ Nguyên câu: “**Hê Rị Ma Ha Bàn Đà Sa Mê**” có nghĩa là “**Tâm đại quang minh**”. Nghĩa là ánh sáng của tâm lực, quang minh của tâm lực thường chiếu rộng khắp, mãi mãi siêu việt cả không gian vô cùng, thời gian vô tận. Từ một vi trần cho đến vô cùng vô tận thế giới đều có sự hiện hữu của ánh sáng ấy.

Quý vị sẽ nói: “à, cái đại quang minh của tâm ấy, tôi đã nghe trong kinh giảng nói rất nhiều rồi, và...”

Vâng, nhưng trừ phi quý vị không nghe tôi giảng giải Thần Chú Đại Bi thì quý vị không thể nào biết được. Tôi sẽ giảng cho quý vị rõ. Thật là khó gặp được người nào có thể giảng giải về Chú Đại Bi một cách rõ ràng tường tận. Thật vậy, hoàn toàn thật tình mà nói, không mấy người thể nhập được rốt ráo ý nghĩa của Thần Chú Đại Bi hoặc là chuyên được ý nghĩa của Thần Chú. Sẽ có người hỏi: “**Thế làm sao Sư Phụ biết được?**”

Quý vị khỏi cần phải hỏi tôi. Vì tôi đã không hỏi thì thôi, chứ quý vị đừng nên hỏi tôi tại sao mà tôi biết được. Dĩ nhiên là tôi phải biết. Nếu tôi không biết, tôi không thể nào giảng giải cho quý vị nghe được. Vì thế đừng nên hỏi tại sao tôi lại biết.

Thay vì quý vị hỏi tại sao tôi biết, thì quý vị hãy quay trở lại hỏi chính mình. Tại sao mình lại không biết? Nếu quý vị biết được lý do tại sao mình không biết, thì quý vị sẽ rõ được tại sao tôi biết. Trái lại, nếu quý vị không thể nào rõ được tại sao quý vị không biết, thì quý vị cũng không thể nào rõ được lý do tại sao tôi biết. Đó chính là điều làm nên sự kỳ diệu vậy.

Chẳng hạn có người đã hỏi tôi rằng: “**Tại sao Thầy làm người xuất gia?**” Tôi đã không trả lời câu hỏi đó, mà hỏi lại rằng: “**Tại sao anh lại không làm người xuất gia? Nếu anh biết được lý do vì sao anh không xuất gia thì anh sẽ hiểu được vì sao tôi lại xuất gia**”. Hỏi về đạo lý trong Phật pháp cũng như vậy. Thay vì quý vị hỏi: “**Làm sao mà tôi hiểu được đạo lý ấy?**”, thì quý vị hãy tự hỏi lại chính mình tại sao mình không hiểu được. Khi quý vị đã hiểu được tại sao mình không biết thì quý vị sẽ hiểu được tại sao tôi lại biết được đạo lý ấy. Nay quý vị đều là những người có nhiều thiện căn nên được dự pháp hội giảng Chú Đại Bi. Vậy quý vị phải nên hộ trì, bảo trọng cho thiện căn của mình. Tự mình phải khéo vận dụng thiện căn ấy để tu học và liễu nhập Phật pháp, đừng để lãng phí một phút giây nào cả.

Hiện tại chúng ta đang sống vào thời Mạt Pháp. Chư Phật và Bồ Tát rất ít thị hiện ở thế gian. Thời gian này, lòng người đang tiến dần đến chỗ hoang liêu, điêu tàn, không dễ gì gặp được Chánh Pháp, cũng không dễ gì gặp được bậc Chân Thiện Tri Thức.

Có lần tôi bảo các đệ tử rằng: “ở Đài Loan có mở Đại Giới Đàn, 5 huynh đệ các con nên đến đó cầu thỉnh để được thọ giới pháp”. Các đệ tử gửi thư cho tôi biết nhiều người ở Đài Loan nói với họ rằng: “Chẳng cần phải tu hành gì cũng có thể thành tựu đạo nghiệp”. Các đệ tử của tôi trả lời rằng: “Chúng tôi cũng là những con người như những con người khác, nếu không chịu tu hành thì làm sao có thể tựu thành Phật đạo? Nếu không công phu hành trì thì làm sao liễu ngộ được Chánh Pháp”. Nếu quý vị nói rằng không cần phải dụng công tu tập mà cũng thành Phật, liễu đạo thì trước đây đức Phật chẳng cần vào núi Tuyết tu suốt 6 năm làm gì, rồi sau đó đến ngồi dưới cội Bồ Đề tinh chuyên thiền định suốt 49 ngày, đến khi sao Mai vừa mọc thì Ngài tựu thành Chánh Giác.

Đức Phật còn phải tu hành mới thành tựu Chánh Giác. Còn mỗi chúng sanh như chúng ta, nếu không tinh tấn tu hành thì làm sao có thể thành Phật được? Ai ai cũng đều biết phải nhờ vào tu hành mới đạt được Phật quả, nhưng người chân thật tu hành thì rất ít; và ai cũng đều biết nếu không chịu tu hành thì đều có thể bị đọa vào địa ngục, nhưng người không chịu tu hành thì không sao kể xiết. Nghiệp lực thế gian thật là không thể nghĩ bàn!

Quý Phật tử! Sống trong thời mạt pháp mà có được điều kiện để nghiên cứu Phật Pháp thì nên đồng mãnh tinh tấn lên, không nên biếng nhác, hãy siêng năng công phu, tinh cần đạo nghiệp mới mong có ngày thành tựu. Nếu không tinh tấn đồng mãnh mà mong thành tựu đạo nghiệp thì không thể nào có được. Vì thế nên quý vị đừng ngại gian nan, khổ nhọc, chướng duyên, tai ách... mọi thứ nên quên. Phải đánh trống đồng mãnh lên để cho tinh thần phấn chấn, chỉ một hướng thẳng đến công phu mới mong có ngày thành tựu quả vị Phật.

Tôi đang nói về sự vi diệu của Phật pháp. Nếu quý vị không phát khởi niềm tin vào trí huệ siêu việt thì đạo lý này đối với quý vị cũng chẳng có lợi ích gì. Quý vị có thể thâm nhập Phật pháp từ mọi sinh hoạt trong cuộc sống, từ mỗi bước chân lạng lẽ của thời gian trong toàn thể pháp giới...

Trong Phật pháp, điều gì quý vị cũng muốn diễn bày cho rõ ràng minh bạch thì thường bị đánh mất những nghĩa lý sâu mâu vi diệu. Nay tôi dù có trình bày hết về diệu lý của Phật pháp, nhưng nếu quý vị không tin sâu và không hành trì thì điều tôi giảng không còn là diệu pháp nữa. Hơn nữa sự hành trì cần phải thường xuyên vào mọi lúc, mọi nơi với tinh thần tinh tấn, không lui sụt, không biếng nhác. Đây là điều khẩn thiết nhất. Nếu quý vị mọi thời, mọi lúc đều hướng về phía trước mà nỗ lực công phu thì nhất định một ngày kia sẽ trở nhận ra “mặt mày xưa cũ” của chính mình.

+ **“Bàn Đà Sa Mê”** dịch nghĩa là “đại quang minh” hay “trường chiếu minh”, tiêu biểu cho nghĩa thứ 5 trong 10 nghĩa của tâm, đó là “quán tâm không”.

Thông qua “quán tâm không”, hành giả mới có được trí huệ. Với trí huệ, hành giả mới có được quang minh. Có được quang minh, mới tỏa chiếu, soi sáng khắp mọi pháp giới được. Tức là không còn tối tăm, mê muội, tức là không còn vô minh.

Sao gọi là “vô minh”? Vì tâm của quý vị không có được sự tỏa chiếu soi sáng khắp mọi pháp giới, do vì quý vị không có được “đại quang minh”. Nếu quý vị có được “đại quang minh” thì tâm quý vị liền có được sự tỏa chiếu soi sáng khắp mọi pháp giới, có nghĩa là quý vị đã chuyển hóa được vô minh. Một khi vô minh đã bị chuyển hóa sạch rồi thì pháp tánh hiển hiện, đây chính là trí huệ chân thật của quý vị.

**Thuở xưa vào triều đại nhà Lương ở Trung Hoa có Thiền Sư Chí Công là một bậc Đại Đức Cao Tăng.**

Không sử sách nào ghi lại song thân của Thiền Sư là ai. Người ta thường kể với nhau rằng: Một hôm nọ, có người phụ nữ nghe tiếng khóc của một hài nhi trên cành cây cao. Cô ta trèo lên, thấy một hài nhi nằm trong tổ chim ưng, bèn đem hài nhi về nuôi. Tuy thân thể hài nhi này hoàn toàn giống như người nhưng những móng tay, móng chân giống như móng chim ưng. Khi trưởng thành, xuất gia tu đạo, chứng được “ngũ nhãn, lục thông”. Không biết cha mẹ Ngài là ai, chỉ biết Ngài sanh trong tổ chim ưng nên mọi người đều phỏng đoán Ngài được sinh ra từ trứng chim ưng vậy.

Thời ấy, vua Lương Vũ Đế cũng như mọi người đều rất kính trọng và tin phục các Thiền Sư. Bất luận khi họ gặp những sự kiện gì trong đời sống, như: sinh con, cha mẹ qua đời, cưới hỏi... họ đều cung thỉnh các Thiền Sư đến để tụng kinh chú nguyện.

Một hôm, có một gia đình giàu có thỉnh Thiền Sư đến tụng kinh chú nguyện nhân dịp đám cưới người con gái của họ, đồng thời thỉnh Thiền Sư ban cho vài lời chúc mừng để mong rằng trong tương lai, việc hôn nhân đều được tốt lành như ý. Thiền Sư Chí Công đến nhà ấy, khi nhìn thấy cô dâu chú rể, Ngài liền nói:

**“Thật cổ quái, thật cổ quái!”. “Cháu cưới bà nội”**

**“Thật cổ quái”** nghĩa là xưa nay chưa từng có một việc như vậy. Đây không phải là chuyện xưa nay thường xảy ra. Thật kỳ lạ khi nhìn một đứa cháu cưới bà nội mình làm vợ. Trên thế gian này, nếu không thông đạt những nhân duyên trong thời quá khứ thì không thể nào lý giải được những mối quan hệ: cha con, mẹ con,

vợ chồng, anh em, bè bạn... của nhau. Vì sao? Vì mọi người đều có thể là chồng hoặc vợ của nhau trong đời trước. Một người có thể là cha hoặc là con của nhau trong nhiều đời trước. Hoặc một người đều là mẹ và con gái của nhau trong đời trước. Ông nội của quý vị trong đời trước lại kết hôn với cháu gái của quý vị trong đời này. Hoặc là bà ngoại đời trước lại tái sinh làm con gái của quý vị. Tất cả mọi việc đều có thể xảy ra, và đều chịu sự biến hóa khôn lường.

Trong nhà này, chuyện “cháu cưới bà nội” là do trước kia, khi bà nội sắp mất, bà trần trời lại với toàn gia quyến: “Con trai ta vừa mới cưới vợ và đã có con nối dòng. Con gái ta cũng đã có chồng, ta không còn bận tâm gì nữa”. Bà ta hoàn toàn thỏa mãn và đã gạt mọi sự bận tâm qua một bên, ngoại trừ một điều: còn đứa cháu nội, “tương lai rồi sẽ ra sao? Ai sẽ chăm sóc nó? Liệu người vợ của nó có đảm đang hay không? Ta không thể nào không lo cho nó được!”

Bà nắm tay đứa cháu nội và qua đời. Người ta bảo rằng: nếu mọi việc đều toại nguyện, lúc lâm chung có được tâm trạng thơ thới thì người chết sẽ nhắm mắt. Còn nếu không thì người chết không nhắm mắt được. Bà lão nói: “Bà rất lo lắng cho cháu, bà chết không nhắm mắt được”. Nói xong, bà ra đi mà mắt vẫn mở. Thần Thức của bà vẫn còn lo âu. Khi đến gặp Diêm Vương, bà ta than khóc, thưa rằng: Tôi còn đứa cháu nội, không ai chăm sóc nó.

Diêm Vương đáp:

Được rồi, bà hãy trở lại dương gian chăm sóc cho nó.

Nói xong, bà ta được đầu thai trở lại trong cõi trần. Khi đến tuổi thành hôn, bà ta lấy người cháu nội trước đây của bà ta. Vì vậy nên nói “cháu lấy bà nội”. Quý vị thấy có phải là cổ quái thật không?

Chỉ vì một niệm ái luyến không buông xả được mà tạo nên biết bao duyên nghiệp buộc ràng về sau. Bà ta chỉ vì bận tâm vì đứa cháu, mà về sau phải làm vợ cho nó. Quý vị thử nghĩ lại xem, đây chẳng phải là chuyện cổ quái hay sao?

Quý vị sẽ hỏi: “Làm sao mà Thiên Sư Chí Công biết được điều ấy?” Thiên Sư biết được là vì Ngài đã đạt được “ngũ nhãn và lục thông”. Nên chỉ cần nhìn qua, là Ngài liền biết được ngay kiếp trước của cô dâu vốn là bà nội của chú rể. **Chỉ vì bà nội đã khởi một niệm ái luyến sai lầm nên nay phải đầu thai trở lại làm người, và làm vợ của đứa cháu nội mình.** Một niệm lành còn như thế huống gì là niệm ác, hoặc khởi trùng trùng niệm ác thì luân hồi trong tam đồ lục đạo biết bao giờ dứt, biết bao giờ mới mong ra khỏi.

\* Thiên Sư lại nhìn trong số khách đến dự đám cưới, có một bé gái đang ăn thịt, Ngài nói: “Con gái ăn thịt mẹ”.

Vì miếng thịt mà em bé đang ăn là thịt dê, con dê này vốn là mẹ của em bé đầu thai lại. Kiếp trước bà ta đã tạo nghiệp ác quá lớn nên đã phải đọa làm dê. Nay lại bị chính con mình ăn thịt. Vòng oán nghiệp khởi dậy do vô minh của chúng sanh không lời nào kể hết được. Chư Bồ Tát thương xót, phát tâm cứu độ chúng sanh là do điểm này.

\* Khi Thiên Sư nhìn các nhạc công, thấy có vị đang đánh trống. Ngài nói: “Con trai đang đánh bố”.

Vì cái trống ấy bịt bằng da lừa. Con lừa này chính là cha của anh nhạc công đầu thai vào. Con lừa này bị giết thịt, lấy da làm mặt trống. Thật là đau thương cho kiếp luân hồi.

\* Ngài nhìn quanh đám cưới, nói tiếp: “Heo dê ngòi ở trên”

Ngài thấy có vô số loài heo, cừu, dê, gà được đầu thai trở lại làm người, nay họ đều là bà con thân quyến của nhau nên cũng đến dự đám cưới này.

\* Nhìn trong bếp, Ngài nói: “Lục thân bị nấu trong nồi”.

Chính là: cha mẹ, anh em, bà con, bè bạn do kiếp trước đã sát sanh: “heo, gà” quá nhiều để ăn, nay lại bị đọa làm “heo, dê, gà” trở lại; rồi bị giết thịt, bỏ vào nồi chiên nấu trở lại.

\* Ngài nói tiếp: “Mọi người đều vui vẻ chúc mừng nhau”.

Mọi người đến dự đám cưới đều rất vui vẻ mà chúc tụng nhau. Ngài tự than với mình rằng:

“Trông thấy cảnh ấy mà lòng đau xót, ta biết đó chính là những oán nghiệp xoay vần vay trả, tạo nên nỗi khổ chất chồng”.

Thiên Sư Chí Công biết rõ “nhân quả” khi nhìn vào gia đình này. Làm sao chúng ta có thể hiểu được hết chuỗi nhân quả của từng gia đình với trùng trùng khác biệt nhau ra sao. Cho nên những người tu đạo phải rất cẩn trọng trong khi tu nhân, vì khi nhân duyên chín mùi sẽ gặt lấy quả tương ứng với nhân đã gieo.

**Tại sao người lại trở lại làm người? Là để trả nợ, trả những món nợ nhân quả ở thế gian. Nếu quý vị không tìm cách trả món nợ này thì nợ nần vẫn tiếp tục, như món nợ đã vay của ngân hàng vậy.**

### ❖ Tôi nhớ một câu chuyện này nữa.

Có một gia đình nuôi một con lừa, dùng nó để kéo cối xay và chuyên chở. Người chủ thấy Lừa quá chậm chạp nên thường dùng roi đánh nó để thúc giục. Con lừa làm việc miệt mài trong cực nhọc cho đến khi chết. Nó được đầu thai làm người.

Khi người chủ hay đánh đập lừa chết, lại đầu thai làm một người phụ nữ. Khi cả 2 người này đến tuổi thành hôn thì họ cưới nhau.

**Quý vị có biết cặp vợ chồng này sống với nhau như thế nào không?** Suốt ngày người chồng đánh đập người vợ. Ông đánh vợ bất kỳ lúc nào, bất luận đang cầm vật gì trên tay, cả lúc đang ăn cơm cũng đánh vợ bằng đũa. Ông ta vừa đánh vừa chửi, cho dù người vợ chẳng làm điều gì sai trái.

Một hôm Thiên Sư Chí Công đi qua nhà họ. Người phụ nữ bèn thưa với Ngài:

Chồng con ngày nào cũng đánh và chửi con quá chừng mà con không biết tại sao. Bạch Ngài, xin Ngài hãy dùng “ngũ nhãn, lục thông” bảo cho con biết mối tương quan “nhân quả” của chúng con đời trước ra sao mà đời này chồng con đánh đập và chửi mắng con hoài vậy?

Thiên Sư Chí Công đáp: Tôi sẽ nói rõ tương quan “nhân quả” của 2 người cho mà nghe.

Trong đời trước, bà là một người đàn ông. Ngày nào bà cũng đánh đập chửi mắng con lừa, thúc giục nó phải kéo cối xay bột.

**Ông chủ ấy thường đánh con lừa bằng cái chổi tre.** Nay ông chủ được đầu thai lại làm người phụ nữ, đó chính là bà. Còn con Lừa thì được đầu thai làm người chồng. Nay ông ta thường hay đánh đập chửi mắng bà cũng như kiếp trước bà đã thường đánh chửi ông tức là con Lừa vậy.

**Nay bà đã hiểu rõ nhân quả tương quan với nhau rồi, tôi sẽ bày cho một cách để chấm dứt vòng oán nghiệp này.** Bà hãy cất giấu tất cả mọi dụng cụ trong nhà ngoại trừ cái chổi đuôi ngựa (chổi dây). Khi người chồng thấy chẳng còn vật gì dùng để đánh cô, anh ta sẽ cầm chổi dây này để đánh. Cứ để cho anh ta đánh vài trăm roi thì nợ cũ của bà mới được trả. Lúc đó, bà mới bảo cho anh ta biết: “nhân đời trước và quả đời sau báo ứng với nhau rất rõ ràng như tôi vừa giải thích cho bà”. Anh ta sẽ không còn đánh bà nữa.

Người phụ nữ làm đúng như lời Thiên Sư Chí Công chỉ dạy. Khi người chồng về đến nhà, ông ta liền kiếm vật gì đó để đánh vợ. Chỉ còn thấy chiếc chổi đuôi ngựa, ông ta cầm lấy và đánh. Thông thường như mọi khi, cô ta tìm cách chạy trốn. Nhưng lần này cô ta kiên nhẫn ngồi đó chịu đòn cho đến khi ông chồng ngừng tay.

Thấy lạ, ông ta hỏi tại sao bà không bỏ chạy. Cô ta kể lại việc được Thiên Sư Chí Công giải thích cặn kẽ tương quan nhân quả của 2 người.

Ông chồng nghe xong ngẫm nghĩ: “Như thế thì từ nay ta không nên đánh chửi cô ta nữa. Nếu còn đánh thì kiếp sau cô ta sẽ đầu thai trở lại rồi tìm ta để đánh chửi”. Từ đó ông chồng không còn đánh mắng người vợ nữa.

Thế nên quý vị phải biết mọi người đều có sự quan hệ với nhau tương ứng với nhân đã tạo. Quý vị chẳng thể nào biết được trong đời trước, ai đã từng: là mẹ, là anh, là cha hay là chị em của mình. Cái nhân đã tạo ở đời trước sẽ tạo thành quả đời này và nhất định có liên quan đến bà con quyến thuộc của mình. Nếu quý vị hiểu được đạo lý nhân quả thì quý vị có thể chuyển hóa, biến cải được nhân bằng cách từ bỏ những việc ác.

### ❖ Còn một chuyện nữa về Thiên Sư Chí Công.

Một ngày Ngài ăn 2 con chim Bò Câu. Ngài rất thích món ăn này. Người đầu bếp nghĩ rằng món thịt Bò Câu chắc là rất ngon, nên ngày nọ anh ta quyết định nếm thử. Anh ta làm việc này với 2 ý nghĩ: một mặt là muốn thử xem thức ăn hôm nay mình làm có ngon hay không? một mặt khác anh ta nghĩ rằng Ngài Chí Công ngày nào cũng thích ăn Bò Câu, nhất định đây là một món ăn rất ngon, nên muốn thưởng thức một chút rồi mới đem đến cho Thiên Sư dùng. Khi người đầu bếp mang thức ăn đến. Ngài nhìn đĩa thức ăn và hỏi:

Hôm nay có ai nếm trộm thức ăn này? Có phải chính anh không? Người đầu bếp liền chối.

Thiên Sư liền bảo: Anh còn chối. Tôi sẽ cho anh thấy tận mắt ai là người nếm trộm. Hãy nhìn đây! Ngài liền ngồi ăn. Ăn hết 2 con Bò Câu rồi, Ngài liền há miệng rộng, trong đó, một con bò câu liền vẫy cánh bay ra, còn con kia thì bị mất một cánh, không thể bay lên được. Thiên Sư mới bảo:

Anh thấy đó, nếu anh không nếm trộm thì tại sao con Bò Câu này không thể bay được? Chính là vì ông đã ăn hết một cánh của nó.

Chuyện này làm cho anh đầu bếp biết Thiên Sư Chí Công không phải là người thường. Ngài chính là hóa thân của Bồ Tát. Thế nên Ngài có năng lực biến những con Bò Câu bị nấu thành thức ăn rồi thành Bò Câu sống. Không phải là Bồ Tát, không làm chuyện này được.

Thiên Sư Chí Công còn thường ăn một loại Cá gọi là Tuệ Ngư. Cũng đem cá ra nấu nướng rồi Ngài ăn từ đuôi lên đầu. Nhưng sau đó Ngài lại há miệng ra làm cá sống lại. Vì vậy, những việc này là rất thường đối với cảnh giới của hàng Bồ Tát. Thiên Sư Chí Công là một vị Bồ Tát, nhưng không bao giờ Ngài nói: “Các



người biết không, ta là một vị Bồ Tát, ta đang giáo hóa chúng sanh, ta có đại nguyện này, hạnh nguyện kia...”. Các vị không bao giờ mong khởi ý niệm ấy.

Cho nên chúng ta là hàng phàm phu, dù có thấy Chư Phật hay Bồ Tát cũng không thể nào nhận biết được. Việc làm của Bồ Tát cũng gần như hành xử của người thường, nhưng thực chất lại không giống nhau. Là vì phàm phu khi hành động chỉ nghĩ đến lợi ích của chính mình, không nghĩ đến sự giúp đỡ cho người khác. Còn Bồ Tát thì chỉ nghĩ đến lợi ích của người khác mà không nghĩ đến mình. Khác nhau là ở điểm này. Bồ Tát thì tự làm lợi ích cho mình còn lo làm lợi ích cho người khác. Tự giác ngộ mình xong rồi giúp cho người khác giác ngộ. Tự độ hoàn toàn, lợi tha hoàn toàn. Ý nghĩa của Chú Đại Bi mà tôi đang giảng cũng nằm trong đạo lý này vậy.

#### 14. Tát Bà A Tha Đâu Du Bằng

Câu chú này chia làm 3 phần. Khi trì tụng, câu chú có 3 nghĩa khác nhau:

+ **“Tát Bà”** có nghĩa là “tất cả”. Còn có nghĩa là “bình đẳng”. Nên **“Tát Bà”** biểu tượng cho ý thứ 2 trong 10 tâm, là “bình đẳng tâm”.

+ **“A Tha Đâu”** dịch nghĩa là “phú lạc vô bần” giàu có, an lạc, không nghèo nàn về tâm linh, đạo lý, Phật pháp. Còn dịch nghĩa là “như ý bất diệt”.

➤ **“Như ý”** nghĩa là ước nguyện điều gì cũng đều được thành tựu.

➤ **“Bất diệt”** nghĩa là sự thành tựu do nguyện ấy vĩnh viễn không tiêu mất.

Trong 10 loại tâm thì đây là “vô vi tâm” nghĩa là “phú lạc vô bần” và “như ý bất diệt”.

+ **“Du Bằng”** dịch là “nghiêm tịnh vô ưu”, là thanh tịnh và trang nghiêm. Trang nghiêm lại thêm thanh tịnh, cho nên không có sự lo phiền, ưu não.

Câu chú này biểu tượng cho tâm thứ 9 “Vô kiến thủ tâm”.

**“Kiến thủ”** là một trong 5 món “ngũ lợi sử”. Nghĩa là khi quý vị vừa trông thấy một vật gì, tâm liền khởi niệm muốn chiếm đoạt, giữ lấy. Nên với tâm thứ 9 “vô kiến thủ tâm” là trạng thái không có mảy may vọng động về sự chấp thủ đối với pháp và ngã; đối với chủ thể cũng như khách thể; đối với ngoại cảnh cũng như dòng chuyển biến của thức tâm.

#### 15. A Thệ Dựng

+ **A Thệ Dựng** là tiếng Phạn, dịch nghĩa “vô tỷ pháp”. Không có pháp nào có thể so sánh được với pháp này.

Còn có nghĩa là “vô tử giáo” nghĩa là không có đạo giáo nào có thể so sánh đọc.

Câu chú này biểu tượng cho tâm thứ 7, được gọi là “ty hạ tâm”, là tâm rất cung kính và tùy thuận bất kỳ người nào mình gặp.

Câu chú này còn biểu tượng cho tâm thứ 8, gọi là “vô tạp loạn tâm”. Đây chính là pháp thanh tịnh, không chút cấu nhiễm, chính là pháp bát nhã tâm của Quán Thế Âm Bồ Tát.

10 loại tâm này là tướng của Đà La Ni, chúng ta phải đem những đạo lý này hành trì không xao nhãng và gián đoạn. Chúng ta tu tập theo tinh thần của Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni thì chắc chắn sẽ thành tựu đạo nghiệp, đắc thành chánh quả.

## **16. Tát Bà Tát Đa, Na Ma Bà Tát Đa, Na Ma Bà Già**

+ “**Tát Bà Tát Đa**” là tiếng Phạn, dịch là “Đại thân tâm Bồ Tát”.

+ “**Na Ma Bà Tát Đa**”. Hán dịch là “đồng trình khai sĩ”, là tên gọi khác của Pháp Vương Tử, cũng là hàng Bồ Tát.

“**Đồng trình**” biểu tượng cho bản tánh.

Còn “**khai sĩ**” cũng là một danh hiệu khác của Bồ Tát, có nơi gọi là “đại sĩ”.

Các vị Bồ Tát lúc sắp thành tựu Phật quả, đều được gọi là Pháp Vương Tử, tên gọi của hàng Thập Địa Bồ Tát.

+ “**Na Ma Bà Già**” Hán dịch là “Vô đẳng đẳng”. Giống như ý nghĩa trong Bát Nhã Tâm Kinh “Cố Tri Bát Nhã Ba La Mật Đa, Thị Đại Thân Chú, Thị Đại Minh Chú, Thị Vô Thượng Chú, Vô Đẳng Đẳng Chú”.

Quý vị có thể hỏi: “Cái gì không thể sánh bằng?”. Đó là “**Bà Già**” Hán dịch là “Thế Tôn”. **Bà Già** là chư Phật thường trụ ở khắp trong mười phương.

## **17. Ma Phạt Đạt Đạt**

**Ma Phạt Đạt Đạt** dịch nghĩa là “Thiên thân, thế hữu”.

Câu chú này có nghĩa là: “Kính lạy chư Bồ Tát, xin hãy đuổi lòng từ cứu giúp con. Xin các Ngài hãy là thân quyến ở cõi trời của chúng con và là người bạn ở cõi thế gian này của chúng con, để hộ trì cho mọi thiện pháp được thành tựu”.

Câu chú này thỉnh nguyện sự gia trì của mười phương chư Phật và chư Bồ Tát.

## 18. Đát Diệt Tha, Ấn

Trong Bát Nhã Tâm Kinh có nói: “Cổ Thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa Chú, Tức Thuyết Chú Viết...”

+ “**Đát Diệt Tha**” Hán dịch là “tức thuyết chú viết”. Còn dịch là “Sở vị”. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Tâm Đại Bi mà nói ra chơn ngôn này, nói bằng các chủng tự của Phạm Thiên.

+ “**Đát Diệt Tha**” còn có nghĩa là “thủ ấn” nghĩa là: kết ấn bằng tay. Cũng gọi là “trí nhân” nghĩa là khai mở con mắt trí huệ của chúng sanh.

+ “**Đát Diệt Tha**” lại còn có nghĩa là vô lượng pháp môn tu học và trí huệ nhân vô lượng.

Đó là ý nghĩa của “Sở vị”.

+ Chữ **Ấn** như đã nói ở trước, khi quý vị trì niệm đến chữ **Ấn** thì Quỷ Thần đều phải chấp tay cung kính, lắng nghe người niệm chỉ giáo. Chữ **Ấn** còn có công năng lưu xuất nhiều pháp môn sau đây.

## 19. A Bà Lô Hê

“**A Bà Lô Hê**” chính là Bồ Tát Quán Thế Âm. Có nghĩa là “quán sát”. Dùng trí huệ để quán sát mọi âm thanh ở thế gian. Trong thế gian có nhiều loại âm thanh. Bồ Tát Quán Thế Âm quán sát âm thanh, tiếng kêu than cầu xin cứu khổ của người ở thế gian khi họ không thể vượt qua nổi những khổ nạn.

## 20. Lô Ca Đế

**Lô Ca Đế** nghĩa là “Tự tại” hoặc là “Thế Tôn”.

Hợp lại 2 câu trên: “**A Bà Lô Hê Lô Ca Đế**” nghĩa là Bồ Tát dùng trí huệ để quán sát âm thanh ở thế gian. Chính là danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm.

## 21. Ca Ra Đế

**Ca Ra Đế** dịch là “Bi giả” là người có lòng từ bi rộng lớn, thường cứu giúp chúng sanh thoát khỏi khổ đau và thất vọng. Người mà có thể cứu giúp cho chúng sanh vơi bớt khổ đau là một người “đại bi”.

**Ca Ra Đế** còn có nghĩa là “tác giả”. Người có thể làm cho đạo nghiệp sinh khởi, giúp cho mọi chúng sanh đều phát Tâm Bồ Đề, phát nguyện làm những việc khó làm như Hành Bồ Tát Đạo để tiến tới tựu thành Phật quả.

## 22. Di Hê Rị

**Di Hê Rị** dịch nghĩa là “Thuận giáo”. Khi quý vị trì tụng đến câu chú này, nghĩa là quý vị tự phát nguyện: “Con nhất quyết thực hành theo hạnh nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm, sẽ giáo hoá cho tất cả chúng sanh. Con nguyện nương theo giáo pháp Ngài đã dạy mà tu hành”.

**Di Hê Rị** còn có nghĩa là “Y giáo phụng hành”. Nương theo lời dạy của Bồ Tát Quán Thế Âm cũng như Quán Thế Âm của tự tâm để thực sự tu trì.

## 23. Ma Ha Bồ Đề Tát Đỏa

+ **Ma Ha** có nghĩa là “đại” là to lớn.

+ **Bồ Đề** có nghĩa là “giác ngộ”, là giác ngộ được đạo lý chân chánh.

+ **Tát Đỏa** Hán dịch là “đại dũng mãnh giả”. Câu này có nghĩa chư vị Bồ Tát là người phát Tâm Đại Bồ Đề rất dũng mãnh và phát tâm tu Hạnh Bồ Đề.

**Phát Bồ Đề Tâm** nghĩa là gieo trồng nhân giác ngộ.

**Tu Bồ Đề Hạnh** là vun trồng, tưới tắm cho hạt giống Bồ Đề đã gieo được nảy mầm, rồi mới mong gặt được quả giác ngộ, tức là quả vị Vô Thượng Bồ Đề.

Đây là ý nghĩa của câu chú **Ma Ha Bồ Đề Tát Đỏa**. Câu chú này thuyết minh về công hạnh trang nghiêm viên mãn của chư vị Bồ Tát là do định huệ song tu. Khi Định đã lắng trong thì Huệ cũng được chiếu sáng. Khi Huệ đã viên mãn thì Định viên dung. Vì Bồ Tát Quán Thế Âm đã đạt được định lực viên mãn, nên xuất sanh trí huệ sáng suốt. Vì Bồ Tát đã đạt được trí huệ viên mãn, nên Ngài mới đạt được định lực lắng trong. Không có Định thì chẳng có Huệ và không có Huệ thì chẳng đạt được Định. Nên gọi Định Huệ không hai là vậy.

Do nhờ tu tập vô số công hạnh mà Bồ Tát được trang nghiêm thân tướng nên chư vị không rời bỏ một pháp nào dù nhỏ bé hoặc vô cùng vi tế. Dù một việc thiện nhỏ nhất, cho đến lớn nhất, chư vị Bồ Tát đều hoàn tất chu đáo. Nên kinh có dạy: *“Chớ khinh việc thiện nhỏ mà không làm. Chớ xem thường việc ác nhỏ mà không tránh”*.

Các vị Bồ Tát thường siêng năng làm các điều thiện và dứt khoát từ bỏ các việc ác, chư vị phát Bồ Đề Tâm và đạt được quả vị giác ngộ Vô Thượng Bồ Đề. Chư vị trang nghiêm pháp thân bằng vô số công hạnh. Chư vị phát Đại Bi Tâm, thực hành đại pháp vô duyên từ tùy theo tâm lượng của chúng sanh mà làm Phật sự. Nhưng chính các vị Bồ Tát, tự bản tánh và bản thể của các Ngài không hề gợn một mảy may tướng trạng của chúng sanh tâm. Các Ngài tự thấy mình và toàn thể chúng sanh có đồng một thể tánh, không hề phân hai. Các Ngài không chỉ chịu khổ

cho riêng mình, mà ước nguyện giúp cho chúng sanh thoát khỏi mọi khổ lụy. Dù các Ngài chuyển hoá tất cả mọi sự thống khổ cho chúng sanh mà không hề dính mắc chút nào vào việc mình có độ thoát cho chúng sanh. Các Ngài không bao giờ tự cho rằng:

“Tôi đã cứu độ cho anh rồi, nay anh phải cảm ơn tôi. Tôi đã giúp anh thoát khỏi mọi phiền não, anh phải tỏ ra biết ơn tôi”.

Chính vì chư vị Bồ Tát không có tâm niệm như vậy, nên các Ngài mới có thể ứng hiện 32 thân tướng, để kịp thời đáp ứng mọi tâm nguyện của mọi loài chúng sanh. Chẳng hạn như: *“cần ứng hiện thân Phật để độ thoát chúng sanh thì chư vị Bồ Tát liền ứng hiện thân Phật để giảng dạy giáo pháp cho chúng sanh khiến họ được giải thoát. Nếu cần thiết hiện thân Bích Chi Phật thì các Ngài liền ứng hiện thân Bích Chi Phật để giáo hoá chúng sanh, giúp họ được giải thoát”*. Cũng như vậy, các Ngài có thể ứng hiện thân A La Hán, Vua Chúa... để giúp cho chúng sanh được độ thoát. Chư vị Bồ Tát có khả năng hóa hiện thành 32 ứng thân để cứu độ các loài chúng sanh. Các Ngài cũng có được “14 Pháp Vô Úy và 4 Pháp Bất Khả Tư Nghì”. Đó là 4 loại thân thông diệu dụng không thể nghĩ bàn. Các Ngài đã chứng đạt được quả vị chân thật viên thông, đã thành tựu quả vị Vô Thượng Bồ Đề. Đó là sự thành tựu quả vị của Bồ Tát Quán Thế Âm.

## 24. Tát Bà Tát Bà

**Tát Bà Tát Bà** Hán dịch là “nhất thiết lợi lạc”. Câu chú này bao hàm cả Bảo Thủ Nhãn Ấn Pháp, nghĩa là mang đến mọi thứ lợi lạc cho mọi người.

Bằng cách hành trì ấn pháp này, quý vị có khả năng đem sự an vui lợi lạc đến cho hết thảy mọi loài chúng sanh. Thiên Vương, Diêm Vương, Quỷ Vương đều chấp hành theo người trì tụng ấn chú này.

Quý vị bảo họ: “Hãy thả tội nhân này ra” thì Diêm Vương liền tức khắc thả ra liền. Vì sao vậy? Vì quý vị đã có được Bảo Ấn này. Bảo Ấn này cũng như ấn của Vua vậy. Trên chiếu thư có ngọc ấn của Vua thì khắp thiên hạ, ai có trách nhiệm gì cũng phải tuân theo chiếu thư mà thi hành, không ai dám chống lại. Với Bảo Ấn, quý vị có thể làm lợi lạc, an vui cho mọi loài chúng sanh. Quý vị có thể chỉ bảo cho họ biết sự lợi lạc để phát nguyện hành trì. Và sẽ đạt được sự an lành. Vì vậy nên gọi là “Nhất thiết lợi lạc”.

Người Trung Hoa đều biết có một vị Tiên, biết sử dụng một ấn chú gọi là “Phiên thiên ấn”. Người con của Quảng Thành Vương cũng có một “Phiên thiên

ân”. Chính là ân này vậy. Đạo Lão gọi là “Phiên thiên ân”. Bồ Tát Quán Thế Âm gọi là “Bảo ân”.

Nếu quý vị dụng công hành trì thì nhất định sẽ thành tựu Bảo Ân này. Khi thành tựu rồi, nếu có người vừa mới chết hoặc sắp chết, quý vị chỉ cần trì Ân này vào một tờ giấy, và viết vài dòng cho Diêm Vương: “Hãy tha cho người này sống lại ngay. Hãy tha cho anh ta trở về dương gian”. Diêm Vương không dám từ chối. Diệu dụng của Bảo Ân có thể giúp cho người chết sống lại. Nhưng để sử dụng được Bảo Ân này, trước hết quý vị phải thành tựu công phu tu tập đã. Nếu công phu chưa thành tựu thì chẳng có kết quả gì.

Thế nào nghĩa là thành tựu công phu tu hành? Cũng giống như đi học. Trước hết, quý vị phải vào tiểu học, rồi lên trung học, rồi thi vào đại học. Rồi cuối cùng có thể được học vị Tiến Sĩ.

Tu tập để thành tựu Bảo Ân này cũng như đạt được học vị Tiến Sĩ vậy. Nhưng tạm ví dụ vậy thôi, chứ Bảo Ân này không có gì so sánh được.

**Tát Bà Tát Bà** nghĩa là “lợi lạc cho tất cả mọi loài chúng sanh”. Quý vị thấy sự diệu dụng vô biên đến như thế. Nên gọi Ân này là Bảo Ân. Nếu quý vị muốn sử dụng được Bảo Ân này thì phải công phu tu trì qua cả 42 Thủ Nhân. **Tát Bà Tát Bà** chỉ là một trong 42 ân pháp ấy mà thôi.

Có người nghe tôi giảng như vậy sẽ khởi nghĩ rằng: “Ta sẽ tu tập Bảo Ân này ngay để bất kỳ lúc nào có người sắp chết, ta sẽ sử dụng ân này, ra lệnh cho Diêm Vương không được bắt người ấy chết”. Quý vị cứ thực hành, quý vị có thể giúp người kia khỏi chết, nhưng đến khi quý vị phải chết thì chẳng có người nào giúp quý vị thoát khỏi chết bằng Bảo Ân này cả.

**Tôi đã có dịp sử dụng ân này 2 lần. Một lần ở Mãn Châu và một lần ở Hương Cảng.**

▪ **Lần ở Mãn Châu là trường hợp cứu một người sắp chết.**

Người này chắc chắn sẽ chết nếu tôi không sử dụng Bảo Ân này. Vào một chiều trời mưa ngày 18 tháng 4 âm lịch. Một người tên là Cao Đức Phúc đến chùa Tam Duyên, nơi tôi đang ngụ. Anh ta quỳ trước tượng Phật, cầm một cây dao bọc trong giấy báo, chuẩn bị sẵn sàng chặt tay để cúng dường chư Phật.

Quý vị nghĩ sao? Anh ta khôn ngoan hay không? Dĩ nhiên là quá ngu dại. Tuy nhiên sự ngu dại của anh ta lại xuất phát từ lòng hiếu đạo. Quý vị biết không. Mẹ anh ta bị bệnh trầm trọng gần chết. Do vì thường ngày mẹ anh ta nghiện thuốc phiện nặng. Nhưng bệnh bà quá nặng đến mức hút thuốc phiện cũng không được nữa. Bà ta nằm co quắp, chẳng ăn uống gì. Đầu lưỡi đã trở sang màu đen, môi

miệng nứt nẻ. Bác sĩ Đông, Tây Y đều bó tay, không hy vọng gì còn chữa trị được. Nhưng người con trai của bà nguyện: “Lạy Bồ Tát rất linh cảm, con nguyện đến chùa Tam Duyên chắt tay cúng dường chư Phật. Với lòng chí thành, con nguyện cho mẹ con được lành bệnh”.

Ngay khi chàng trai sắp chắt tay, có người nắm tay anh ta lôi lại đằng sau rồi nói: “Anh làm gì thế, anh không được vào đây mà tự sát”. Anh ta trả lời:

- “Tôi chỉ chắt tay cúng dường chư Phật, cầu nguyện cho mẹ tôi được lành bệnh. Ông đừng cản tôi”.

Chàng trai chống lại, nhưng người kia không để cho anh ta chắt tay nên liền cho người báo cho Hoà Thượng Trụ Trì biết. Hoà Thượng cũng không biết phải làm sao, Ngài liền phái cư sĩ Lý Cảnh Hoa, người hộ pháp đắc lực của chùa đi tìm tôi.

Dù lúc ấy, tôi vẫn còn là chú Sa Di. Tôi được giao nhiệm vụ như là Tri Sự ở chùa Tam Duyên, chỉ dưới Hoà Thượng Trụ Trì. Tôi chỉ là một chú tiểu, nhưng không giống như những chú tiểu cùng ăn chung nồi, cùng ngủ chung chiếu. Tôi thức dậy trước mọi người và ngủ sau tất cả mọi người. Tôi làm những việc mà không ai muốn làm và chỉ ăn một ngày một bữa trưa, không ăn phi thời. Tu tập chính là sửa đổi những sai lầm vi tế. Nếu khi chưa chuyển hóa được những lỗi lầm nhỏ nhất ấy, có nghĩa là mình còn thiếu năng lực trong công phu.

Hoà Thượng Trụ Trì giao việc đó cho tôi. Tôi liền đến bạch Hoà Thượng:

“Phật tử đến cầu Hoà Thượng cứu giúp. Nay Hoà Thượng lại giao cho con. Hoà Thượng làm cho con thật khó xử”.

Hoà Thượng Trụ Trì bảo: “Con hãy đem lòng từ bi mà cứu giúp họ”.

Hoà Thượng dạy những lời rất chí lý. Tôi vốn chẳng ngại khó nhọc, nên khi nghe những lời đó, tôi rất phấn khích, tôi thưa: Bạch Hoà Thượng, con sẽ đi.

Tôi bảo chàng trai: Anh hãy về nhà trước, tôi sẽ theo sau.

Anh ta nói: Nhưng thầy chưa biết nhà con?

Tôi đáp: Đừng bận tâm về tôi. Hãy cứ về nhà trước.

Lúc ấy là vào khoảng 5 giờ chiều, mặt trời vừa xế bóng. Anh ta đi theo đường lộ chính, còn tôi đi theo đường mòn. Nhà anh ta cách chùa chừng 6 dặm. Anh ta quá đổi sửng sốt khi về đến nơi, anh ta đã thấy tôi ngồi đợi anh trong nhà.

Bạch Thầy, sao mà thầy biết nhà con mà đến sớm thế?

Tôi nói: Có lẽ anh vừa đi vừa chơi, hoặc anh ham xem bóng đá hay truyền hình gì đó.

Cậu ta đáp: Thưa không, con cố hết sức đi thật nhanh để về nhà.

Tôi nói: Có lẽ xe đạp của anh đi không được nhanh như xe tôi, nên tôi đến trước. Ngay khi vào thăm bà mẹ, tôi thấy không thể nào cứu sống bà ta được. Nhưng tôi vẫn quyết định cố gắng hết sức để cứu bà. Tôi dùng Bảo Ấn viết mấy dòng: “Chàng trai này có tâm nguyện rất chí thành, nguyện chặt tay cúng dường chư Phật để cứu mẹ sống. Tôi đã ngăn cản anh ta chặt tay. Bằng mọi cách, xin cho mẹ anh ta được sống”.

Tôi gửi Bảo Ấn đi, sáng hôm sau bà ta vốn đã nằm bất động suốt bảy, tám ngày nay, chợt ngồi dậy gọi con trai bằng tên tục.

Phúc ơi... Phúc ờ... mẹ đói quá, cho mẹ tí cháo...

Chàng trai suốt bảy, tám ngày nay không nghe mẹ gọi. Nay cực kỳ vui sướng. Anh ta chạy đến bên giường nói với mẹ:

Mẹ ơi, mẹ đã nằm liệt giường suốt 8 ngày nay. Nay mẹ khoẻ rồi chứ?

Bà ta trả lời: Chẳng biết bao lâu nữa. Mẹ bị rượt chạy trong một cái hang tối đen thăm thẳm không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng ánh sao hay đèn đuốc gì cả. Mẹ chạy và cứ chạy hết ngày này qua ngày khác để tìm đường về nhà mình. Mẹ có kêu, nhưng chẳng ai nghe. Cho đến đêm hôm qua, mẹ mới gặp một vị Sư Khổ Hạnh mang Y Cà Sa đã mòn cũ, vị này đã dẫn mẹ về nhà... Con cho mẹ ăn tí cháo loãng để cho đỡ đói.

Người con nghe mẹ nói đến vị Sư, liền hỏi: Nhà Sư mẹ gặp dung mạo như thế nào?

Bà đáp: Ngài rất cao. Nếu mẹ được gặp lại, mẹ sẽ nhận ra ngay. Lúc đó tôi đang nghỉ trên giường. Anh ta liền đến bên tôi, chỉ cho mẹ và hỏi: Có phải vị Sư này không?

Bà nhìn tôi chăm chú rồi kêu lên: Đúng rồi, chính thầy là người đã đưa mẹ về nhà.

Lúc đó, toàn gia quỳ chùng 10 người, gồm cả già trẻ, đều quỳ xuống trước mặt tôi thưa:

Bạch Thầy, Thầy đã cứu mẹ con sống lại. Nay toàn gia đình chúng con cầu xin được quy y thọ giới với Thầy. Bất luận nhà chùa có việc gì, con nguyện đem hết sức mình xin làm công quả, và tuân theo lời chỉ dạy của Thầy để tu hành. Về sau, dân cả làng này đều đến chùa xin quy y và cầu xin tôi chữa bệnh cho họ.

Tôi bảo: Tôi chỉ có phép chữa bệnh bằng cách đánh đòn. Quý vị có chịu thì tôi chữa.

Họ đồng ý và tôi phải chữa. Có nghĩa là bắt người bệnh nằm xuống, đánh một người 3 hèo bằng cái chổi tre. Đánh xong, tôi hỏi: Đã hết bệnh chưa?



Thật là ngạc nhiên. Họ lành bệnh thật!

Đó là một chuyện phiền phức xảy ra ở Mãn Châu.

▪ **Lần thứ 2 tôi dùng Bảo Ấn này là ở Hương Cảng.**

Khi bố của cô Madalena Lew 79 tuổi bị bệnh. Các vị bói toán đều bảo rằng ông ta chắc chắn sẽ qua đời trong năm nay. Ông ta đến gặp tôi xin quy y Tam Bảo để cầu nguyện gia hộ cho ông được sống thêm ít năm nữa.

Ông thưa: Bạch Thầy. Xin Thầy giúp cho con được sống thêm một thời gian nữa.

Tôi bảo: Thế là ông chưa muốn chết. Tôi sẽ giúp cho ông sống thêm 12 năm nữa? Được chưa?

Ông rất mừng vội đáp: Thưa vâng, được như thế thật là đại phúc.

Rồi tôi chú nguyện cho ông ta và ông ta được sống thêm 12 năm nữa.

Tuy nhiên, quý vị không nên dùng Ấn Pháp này để giúp cho người ta khỏi chết hoặc là cứu họ sống lại khi họ đã chết rồi. Nếu quý vị làm như vậy, quý vị trở nên đối đầu với Diêm Vương.

Lúc ấy Diêm vương sẽ nói: Được rồi. Thầy đã giúp cho người ta khỏi chết, nay Thầy phải thế mạng.

Đến khi quý vị gặp cơn vô thường; chẳng có ai dùng Bảo Ấn này để giúp được cả. Nếu quý vị nghĩ rằng mình có thể sử dụng Bảo Ấn để cứu mình khỏi chết là quý vị lầm. Diệu dụng của Ấn Pháp cũng giống như lưỡi dao, tự nó không thể cắt đứt được chuôi dao của chính nó. Nên khi quý vị gặp bước đường cùng thì cũng giống như chuyện vị Bồ Tát bằng đất nung: Bồ Tát bằng đất nung đi qua biển. Khó lòng giữ thân được vẹn toàn.

Vậy nên nếu quý vị dù đã thông thạo trong khi sử dụng Ấn Pháp này, cũng phải công phu hành trì thêm. Vì lý do này mà tôi ít để ý đến việc riêng của người khác nữa.

## **25. Ma Ra Ma Ra**

Hai câu chú này, Hán dịch là “tăng trưởng”. Cũng có nghĩa là “như ý” hoặc “tùy ý”. Đó là công năng của Như Ý Châu Thủ Nhân, làm tăng trưởng phước huệ, làm cho mọi việc đều được tốt lành như ý.

“**Như ý**” nghĩa là: tùy thuận với tâm nguyện mà được đáp ứng.

Quý vị có thấy lợi ích vô biên của Ấn Pháp này không? Vì vậy nên công năng Ấn Pháp này là thứ nhất trong 42 Thủ Nhãn Ấn Pháp. Diệu dụng của Như Ý Châu Thủ Nhãn vượt ngoài sự diễn tả bằng ngôn ngữ.

Nếu quý vị muốn giàu có, hãy hành trì theo Thủ Nhãn Ấn Pháp này. Một khi đã thành tựu rồi thì quý vị sẽ có được mọi thứ và không còn bận tâm vì nghèo khổ nữa. Quý vị luôn luôn giàu có và được vô lượng phước lạc.

## 26. Ma Hê Ma Hê Rị Đà Dụng

+ **Ma Hê Ma Hê** Hán dịch là “Vô ngôn cực ý”.

➤ “**Vô ngôn**” nghĩa là không cần phải nói nữa.

➤ “**Cực ý**” có nghĩa là ý niệm kia đã đạt đến chỗ tối thượng, đã đạt chỗ vi diệu rồi.

+ **Ma Hê Ma Hê** cũng còn có thể dịch là “tự tại”. Tự tại như Đại Phạm Thiên Vương: không buồn, không phiền, không lo, không giận. Suốt ngày đều được tự chủ và an vui. Đây là “ngũ sắc vân thủ nhãn”. Khi biết Ấn này, sẽ làm lưu xuất ra mây lành ngũ sắc và hành giả sẽ đạt được năng lực tự tại phi thường. Diệu dụng và năng lực tự tại của Ấn Pháp này thật là vô lượng vô biên.

+ **Rị Đà Dụng** là “Thanh Liên Hoa Thủ Nhãn”. Có nghĩa là “Liên hoa tâm”.

Khi quý vị hành trì Ấn Pháp này thành tựu, sẽ được mùi hương hoa sen xanh tỏa ra, và được mười phương chư Phật tán thán. Sự vi diệu thật khó có thể nghĩ bàn. Đúng là: “*Pháp Phật cao siêu thật nhiệm mầu. Trăm ngàn ức kiếp khó tìm cầu*”!

## 27. Cu Lô Cu Lô Yết Mông

+ **Cu Lô Cu Lô** Hán dịch là “tác pháp”, hoặc dịch là “tác dụng trang nghiêm”, lại còn có nghĩa là “xuy loa giải giới”. Đây ta chính là Bảo Loa Thủ Nhãn Ấn Pháp.

Nay chúng ta đang sống trong thời Mạt Pháp. Nhiều người nghĩ rằng: chỉ cần trì tụng Chú Đại Bi là khế hợp với chân tinh thần Phật pháp rồi, nhưng thật ra không phải thế. Chú Đại Bi là gọi thay cho 42 Thủ Nhãn Ấn Pháp và diệu dụng của Chú Đại Bi là diệu dụng của 42 Thủ Nhãn Ấn Pháp, đó chính là toàn thể của Chú Đại Bi. Nếu quý vị chỉ biết trì niệm Chú Đại Bi mà không hành trì 42 Thủ Nhãn Ấn Pháp thì như người có tay mà không có chân, nên không thể đi được.

Mặt khác, nếu quý vị chỉ biết hành trì **42 Thủ Nhãn Ấn Pháp** mà không trì niệm Chú Đại Bi thì cũng như người có chân mà không có tay, không làm gì được cả. Cũng vô dụng mà thôi. Vậy nên để liễu triệt Chú Đại Bi, trước hết quý vị phải

thông đạt 42 Thủ Nhãn Ấn Pháp rồi phải trì tụng Chú Đại Bi nữa, mới được gọi là người thành tựu rốt ráo diệu pháp này của chư Phật.

Không phải chỉ vừa mới nghe pháp sư giảng về Chú Đại Bi xong rồi liền nói: À! Tôi đã hiểu được câu chú đó nghĩa là gì rồi.

Hiểu như thế cũng chẳng ích lợi gì cả. Cũng giống như người có thân thể nhưng chẳng có tay chân gì cả. Quý vị đã có đủ cả thân thể, tay chân, phải giúp cho chúng hoạt động phối hợp với nhau mới làm nên phước đức được.

**Bảo Loa Thủ Nhãn Ấn Pháp** là dùng để tác pháp khi quý vị kiến lập đạo tràng, quý vị nên dùng **Bảo Loa Ấn Pháp** này. Khi quý vị tác pháp này thì những âm thanh vang lên tận cõi trời, thấu tận địa ngục. Khắp cõi nhân gian và khắp mọi nơi đều có ảnh hưởng. Bất kỳ mọi nơi nào nghe đến âm thanh này đều ở trong sự điều khiển của người trì **Ấn Pháp**. Các loài yêu ma quỷ quái đều phải tuân phục, không thể xâm hại. Đây còn gọi là sự kết giới.

**Ấn Pháp** này còn gọi là “tác dụng trang nghiêm”. Có nghĩa là dùng con lóe quang minh tâm lực của **Bảo Loa Ấn Pháp** sẽ tạo nên một pháp âm vi diệu, khiến cho đất bằng hóa thành vàng ròng, đều được trang nghiêm bằng 7 thứ châu báu. Thật là vi diệu khó thể nghĩ bàn. Quý vị Phật tử đang tu học Phật Pháp nên biết rằng trong 300 năm trở lại đây, không có ai hành trì được **42 Thủ Nhãn Ấn Pháp** và cũng chẳng có ai thông hiểu được các **Ấn Pháp** này.

Nay chúng ta đã hiểu được Chú Đại Bi, chúng ta nên chí thành và phát tâm kiên cố hành trì **42 Thủ Nhãn Ấn Pháp** này. Rồi sẽ có được diệu dụng.

+ **Yết Mông** là tiếng Phạn, vốn là ngôn ngữ của Đại Phạm Thiên, chứ không phải là ngôn ngữ của Ấn Độ, nhưng văn pháp ngôn ngữ Ấn Độ cũng căn cứ trên ngôn ngữ của Đại Phạm Thiên.

+ **Yết Mông** là tiếng Phạn Hán dịch là “biện sự”, cũng dịch là “công đức”. Có nghĩa là: làm tất cả mọi việc có công đức lợi lạc cho mọi người. Làm việc lợi lạc công đức cho mọi người cũng chính là tạo công đức cho chính mình. Bồ Tát thực hành hạnh tự lợi và lợi tha, tự giác ngộ giải thoát cho mình và giác ngộ giải thoát cho người khác.

Câu chú này nói đến sự thực hành lục độ và vạn hạnh. Đó chính là Bạch Liên Hoa Thủ Nhãn Ấn Pháp. Hãy tưởng tượng quý vị đang cầm trong tay đóa hoa sen trắng. Tay quý vị cầm cành hoa sen và miệng trì niệm Chú Yết Mông Yết Mông...

Không những quý vị trì tụng Chú mà còn hành trì Mật Ấn. Khi trì tụng cả 2 pháp này, quý vị mới có thể tạo nên mọi công đức.

Khi quý vị trì tụng Chú Đại Bi, đồng thời cũng thông hiểu được cách hành trì **42 Thủ Nhãn Ấn Pháp** thì quý vị mới có thể thành tựu Lục Độ Vạn Hạnh. Diệu dụng bất khả tư nghì, không bao giờ nói hết được. Nếu có thể nói được chỗ nhiệm mầu ấy thì nó phải có ngàn mé. Mà những điều mầu nhiệm thì không có hạn lượng, không có chỗ khởi đầu và kết thúc. Với sự trì niệm Yết Mông, quý vị có thể thành tựu được vô lượng công đức. Trong nhiều đời sau, quý vị mãi mãi được trang nghiêm bởi hương thơm của hoa sen trắng và luôn luôn được hộ trì.

**Sự vi diệu, mầu nhiệm của Chú Đại Bi dù có tán thán cũng không bao giờ hết, không bao giờ cùng tận.**

## **28. Độ Lô Độ Lô, Phật Xà Ra Đế**

+ **Độ Lô Độ Lô** Hán dịch là “độ hải” nghĩa là vượt qua biển khổ sanh tử. Còn dịch nghĩa “minh tịnh”.

Khi đã vượt qua biển khổ sanh tử rồi, quý vị sẽ đạt được trí huệ sáng suốt, chứng nhập bản thể thanh tịnh, đến được bờ bên kia, tức thể nhập Niết Bàn. Từ trong bản thể sáng suốt thanh tịnh ấy, trí huệ sẽ được lưu xuất, quý vị sẽ hiểu rõ được tất cả mọi pháp môn, chắc chắn quý vị sẽ chấm dứt được vòng sanh tử. Với Đại Định, tâm quý vị hoàn toàn thanh tịnh. Đó là định lực, khi quý vị có được định lực chân chánh thì có thể vắng sanh ở cõi Tịnh Độ tươi sáng, đó là Thế Giới Cực Lạc.

Đây là Nguyệt Tinh Ma Ni Thủ Nhãn Ấn Pháp, là diệu pháp Đà La Ni do Bồ Tát Nguyệt Quang tuyên thuyết. Ấn Pháp Nguyệt Tinh Thủ Nhãn này có công năng đưa mọi người đến chỗ sáng suốt và an lạc.

**Phật Xà Ra Đế** là Bàn Bi Thủ Nhãn Ấn Pháp.

**Phật Xà Ra đế** Hán dịch là “Quảng bác trang nghiêm”, còn có nghĩa là “Quảng đại”. Cũng dịch là “độ sinh tử”. Nếu quý vị tu tập hành trì Bàn Bi Thủ Nhãn Ấn Pháp này thì quý vị có thể vượt qua biển khổ sanh tử, có nghĩa là giải thoát. Nếu quý vị không công phu hành trì Bàn Bi Thủ Nhãn Ấn Pháp này thì không thể nào vượt thoát bể khổ sanh tử, đến bờ giải thoát, Niết Bàn được.

## **29. Ma Ha Phật Xà Ra Đế**

Câu chú này có nghĩa là “Tôi thắng, đại pháp đạo”.

Pháp là quảng đại, tôi thắng và đạo cũng quảng đại, tôi thắng. Pháp đạo là chân lý vượt lên trên tất cả mọi sự thù thắng nhất trên đời.

Đây là Bảo Kích Thủ Nhãn Ấn Pháp. Ấn Pháp này có công năng hàng phục các loại thiên ma và ngoại đạo. Công năng của Ấn Pháp này rất lớn. Chẳng hạn Ấn Pháp này có thể bảo vệ quốc gia chống nạn ngoại xâm.

Nếu quốc gia của quý vị sắp bị xâm lăng, và nếu quý vị hành trì Ấn Pháp này thì vô hình trung, quân giặc bắt buộc phải rút lui.

### 30. Đà Ra Đà Ra

Tiếng Phạn rất khó hiểu. Ngay cả những ai đã học tiếng Phạn thông thạo rồi cũng khó có thể hiểu được mật chú và giảng giải rõ ràng được. Tôi chỉ nhờ hiểu một chút ít Thần Chú Đại Bi mà thôi.

**Đà Ra Đà Ra** là Tịnh Bình Thủ Nhãn Ấn Pháp. Trong Tịnh Bình này chứa nước Cam Lộ. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng cành dương liễu rưới nước Cam Lộ lên khắp chúng sanh trong 6 đường. Bất luận ai gặp nạn khổ hay bệnh tật gì, nếu được Bồ Tát Quán Thế Âm rưới nước Cam Lộ thì đều giải thoát khỏi tai nạn ấy.

**Đà Ra Đà Ra** Hán dịch là “Năng tổng trì ấn”, là tâm lượng của toàn chúng sanh. Chính là Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Cam Lộ Thủ Nhãn Ấn Pháp, Tịnh Bình Thủ Nhãn Ấn Pháp và Dương Chi Thủ Nhãn Ấn Pháp – tất cả 3 Ấn Pháp ấy để rưới nước Cam Lộ lên toàn thể chúng sanh, cứu độ chúng sanh ra khỏi tam đồ lục đạo.

### 31. Địa Rị Ni

**Địa Rị Ni** Hán dịch rất nhiều nghĩa.

+ Thứ nhất là “thậm dũng” nghĩa là “dũng khí mãnh liệt”. Cũng có nghĩa là “tĩnh diệt hoặc khiết tịnh”.

➤ “**Thậm dũng**” là dạng tướng động.

➤ “**Tĩnh diệt**” là dạng tĩnh.

+ Còn dịch là “Gia trì và thôi khai”.

➤ “**Gia trì**” có nghĩa là: làm cho các ác pháp đều được chuyển hoá, hướng về phụng hành theo thiện pháp.

➤ “**Thôi khai**” là làm cho các nghiệp chướng, tai nạn của chúng sinh đều được tiêu trừ.

Đây là Cu Thi Thiết Câu Thủ Nhãn Ấn Pháp. Gọi tắt là Thiết Câu Ấn Pháp, có công năng làm cho tất cả Quỷ Thần, Thiên Long Bát Bộ đến hộ trì cho hành giả.

Nếu quý vị công phu hành trì thành tựu Thủ Nhân này thì có thể bảo Thiên Long làm mưa và sẽ có mưa ngay. Nếu hành giả cần có gió, họ sẽ làm ra gió ngay, khi hành giả muốn mưa gió đừng hoành hành thế gian nữa, mưa gió sẽ hết ngay.

Quý vị sẽ nói: “Tôi không tin nhọt vậy”. Đúng vật! Đó chính là lý do mà tôi muốn nói cho quý vị nghe, tất cả chỉ là vì quý vị không tin. Không có niềm tin và không ở trong cảnh giới này thì khó lòng hiểu nổi.

Nếu muốn, quý vị có thể hỏi những người vừa mới từ Đài Loan trở về ngày hôm nay về cơn mưa ở Đài Loan. Khi tôi nói chuyện với Phật tử ở Đài Loan qua điện thoại, họ cho biết trời đang mưa và rất lạnh. Họ mong muốn thời tiết được ấm áp và bớt mưa. Tôi bảo họ hãy yên tâm, chuyện đó sẽ xảy ra. Họ lại thắc mắc:

Sư phụ có thể khiến trời hết mưa hay sao? Tôi chỉ nói vắn tắt: Quý Phật tử hãy đợi xem trời có tạnh mưa hay không?

Ngay khi tôi vừa cúp điện thoại thì trời bắt đầu tạnh ráo. Họ đều cho đó là chuyện lạ kỳ. (Những ai đã đến Đài Loan năm 1969 để dự Giới Đàn, đều có thể chứng kiến chuyện này. Trời mưa dầm ở Keelung Đài Loan ít nhất cũng là 48 ngày, nhiều nhất là 53 ngày. Chúng tôi đang ở Đài Loan để Thọ Giới. Cả Tự Viện không còn chất đốt, một khi củi đã bị ướt rồi, thì không còn cách nào để sưởi cho khô lại được. Tuy nhiên, vào sáng ngày 18/4 như đã nói ở trên, đúng ngay lúc chúng tôi vừa chấm dứt cuộc điện đàm thì mặt trời vừa hiện ra, bầu trời trở nên sáng trong và khí trời trở nên ấm áp liền. Chú thích của người dịch từ Hoa văn sang Anh Ngữ).

Thật ra, đó chẳng phải là gì khác, chính là năng lực của Thiết Câu Thủ Nhân Ấn Pháp. Quý vị chỉ cần Kiết Ấn và gọi: “Thiên Long, đừng làm mưa nữa!” thì trời sẽ dứt mưa ngay. Loài Rồng sẽ chấp hành theo lệnh của quý vị và chỉ khi quý vị đã thành tựu Ấn Pháp này và đã thông thạo Thiết Câu Thủ Nhân. Rồng phun mưa sẽ tuân theo Ấn Pháp này và đình chỉ việc làm mưa liền.

Quý vị sẽ nghĩ là tôi nói đùa nhợt đúng là nhọt vậy. Bây giờ, tôi đang giảng kinh cho quý vị nghe và tôi đang nói với quý vị bằng chân ngữ. Đây không phải là chuyện nói đùa.

### **32. Thất Phật Ra Da**

Mỗi khi quý vị niệm **Thất Phật Ra Da** thì toàn pháp giới này có một luồng chớp sáng phát ta. Cứ mỗi niệm **Thất Phật Ra Da** là có một luồng quang minh phóng ra bao trùm cả vũ trụ.

**Thất Phật Ra Da** được dịch là “phóng quang”. Còn dịch là “tự tại”. Phiên âm từ tiếng Phạn “Isara” như trong chữ “Avalokihesvara”. ở đây có nghĩa là

“Quán”, vì có quán chiếu thâm sâu rồi mới được “tự tại”. Nếu quý vị không có sức quán chiếu thâm sâu thì quý vị sẽ không đạt được năng lực tự tại.

Quán chiếu nghĩa là hướng vào bên trong tự tâm mà công phu chứ không phải hướng ra ngoại cảnh bên ngoài. Nghĩa là hướng vào bên trong mà quán chiếu không ngừng. Hãy tự hỏi: “Ta có hiện hữu hay không?”. Ông chủ có hiện hữu trong chính tự thân quý vị hay không? Quý vị có làm chủ được mình hay không?

Mặt mũi xưa nay của ông chủ có hiện hữu hay không? Thường Trụ Chân Tâm Thể Tánh Thanh Tịnh có hiện hữu hay không? Nếu những cái đó đều hiện hữu, có nghĩa là quý vị đạt được tự tại. Còn nếu không hiện hữu, có nghĩa là quý vị không có được tự tại.

Sự phóng quang cũng mang ý nghĩa tự tại. Nếu quý vị đạt được năng lực tự tại thì quý vị có thể phóng quang. Nếu chưa có được năng lực tự tại thì không thể phóng quang được.

**Thất Phạt Ra Da** cũng được dịch là “Hoả diệm quang”, cũng gọi là Hoả quang. Đó là lửa, nhưng không phải là lửa phát sinh từ tập khí phiền não, như quý vị thường nói: “Tôi vừa nổi nóng như lửa”. Đó cũng không phải là lửa xuất phát từ sự sân hận, phẫn nộ, căm hờn của quý vị, mà đó chính là lửa trí huệ. Đó cũng chính là nước từ trí huệ tiết ra để dập tắt lửa vô minh. Trí huệ chân chánh hiển lộ khi lửa vô minh bị dập tắt. Đó chính là Hoả Diệm Quang.

Khi quý vị trì tụng **Thất Phạt Ra Da** tức là quý vị đang phóng quang. Nhưng trước tiên quý vị phải có được năng lực tự tại. Không có năng lực tự tại thì quý vị không thể nào phóng quang được. Hãy nhớ kỹ điều này.

**Đây là “Nhật Tinh Ma Ni Thủ Nhãn Ấn Pháp”. Ấn Pháp này có công năng chữa trị bệnh mắt mờ không thấy rõ. Dùng Ấn Pháp này khiến cho mắt được sáng lại.**

### **33. Giá Ra Giá Ra**

**Giá Ra Giá Ra** dịch nghĩa là “hành động”. Đó là hành động như quân đội thi hành một mệnh lệnh hành quân. Hành quân là một mệnh lệnh nếu quý vị không tuân hành, có nghĩa là chống lệnh.

Đây là Bảo Đạc Thủ Nhãn Ấn Pháp. Khi quý vị rung chuông, âm thanh vang lên khắp không gian, thông cả thiên đàng, chấn động cả địa giới. Nếu quý vị cần thực hiện việc gì, chỉ cần rung chuông lớn, các loài “chư thiên, thiện thần, yêu ma quỷ quái” đều tuân theo mệnh lệnh của quý vị. Chẳng hạn như khi có động đất, quý

vị chỉ cần rung chuông lên rồi ra mệnh lệnh: “Quả đất không được rung lên như vậy”, trái đất trở về trạng thái yên bình ngay.

Bảo Đạc Thủ Nhãn Ấn Pháp cực kỳ diệu dụng. Nếu quý vị muốn hát với một âm điệu tuyệt vời thì hãy công phu hành trì Ấn Pháp này. Khi công phu thành tựu rồi, tiếng hát của quý vị trong suốt như tiếng đại hồng chung vang lên trong không gian.

### **34. Mạ Mạ Phạt Ma Ra**

+ **Mạ Mạ** Hán dịch là “ngã sở thọ trì”. Đó chính là một loại mệnh lệnh hành động. Có nghĩa là “mọi việc tôi làm bảo đảm chắc chắn phải được thành tựu”.

**Mạ Mạ** là Bạch Phát Thủ Nhãn Ấn Pháp. ở Trung Hoa, các đạo sĩ và Tăng Sĩ Phật Giáo thường sử dụng phát trần, các vị Cao Tăng thường cầm phát trần khi đăng bảo tọa để thuyết pháp.

Bạch Phát Thủ Nhãn Ấn Pháp có công năng trừ sạch mọi nghiệp chướng của thân, trừ được mọi chướng nạn và bệnh tật. Chỉ cần phát lên thân vài lần là có thể tiêu trừ mọi nghiệp chướng và chữa lành mọi ma chướng sanh ra bệnh tật.

Bạch Phát Thủ Nhãn Ấn Pháp có rất nhiều công dụng, nhưng người biết cách dùng Ấn Pháp này lại rất ít. Tôi biết hiện nay có rất ít người sử dụng được Ấn Pháp này.

Năm người Tây Phương đầu tiên vừa đi thọ giới Cụ Túc ở Đài Loan đã trở về. Họ đã trở thành những vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni chân chánh. Họ vừa về đến phi trường vào lúc 4 giờ 30 chiều nay, chuyến bay 910 của hãng hàng không Trung Hoa.

Ngày nay Phật Giáo Giảng Đường đã có được nhiều xe hơi nên toàn thể Phật tử hộ pháp trong đạo tràng cũng như toàn thể Phật tử ở San Francisco – Cựu Kim Sơn – Hoa Kỳ - đều có thể ra phi trường để đón mừng các vị Tân Tỳ Kheo.

Bình thường, tôi chẳng muốn đến phi trường nhưng trong chuyến bay ấy có chở về vài tượng Phật, nên tôi ra phi trường để nghênh đón tượng Phật chứ không phải để đón các đệ tử của tôi. Các đệ tử của tôi cũng không cần tôi đón, cũng chẳng cần đưa. Khi họ đi Đài Loan thọ giới, tôi đã nói với họ rằng:

**“Khi mê thì thầy độ**

**Khi ngộ rồi tự độ”.**

Nay họ phải tự độ chính họ, họ đã ra đi, nay lại trở về. Chắc chắn họ phải tự tìm ra con đường từ phi trường về chùa. Họ chẳng cần tôi phải chỉ dẫn: “Queo ở đó, đi theo đường này, đó là đường về chùa”.



Điều buồn cười nhất là khi họ viết thư báo cho tôi biết họ đã bỏ quên một thùng Kinh. Tôi bảo:

“Bỏ quên Kinh chẳng có gì quan trọng. Điều quan trọng chính là không có ai trong các con bị bỏ quên”. Năm người đi Thọ Giới và nay 5 người đều đã trở về. Sao vậy? Vì tôi đã mua bảo hiểm ở chư vị Bồ Tát, nên để cho bất kỳ ai bị bỏ sót lại là điều không thể chấp nhận được. Nếu một người không về, tức là chư vị Bồ Tát không thực hiện đúng hợp đồng. Thế nên tôi rất tin tưởng rằng tất cả các Giới Tử sẽ trở về và dịch vụ bảo hiểm của chư vị Bồ Tát không cần phải thanh toán hợp đồng.

Quý vị nên nhớ một điều. Những người Thọ Giới Cụ Túc trở về hôm nay là những vị Tổ khai sơn của Phật Giáo Mỹ quốc. Đừng xem việc này đơn giản. Điều này rất chân thật. Đừng như những kẻ tự cho mình là Phật tử, chỉ nằm ở nhà mà thích gọi mình là “Tổ tại gia”. Thật vậy, cách đây vài hôm, có một vị Tổ Sư tự phong đến đây và muốn hát tặng cho tôi nghe. Tôi giễu cợt ông ta: “Thật chán khi nghe ông hát”. Ông ta chỉ bật lên: “ồ!”, một tiếng rồi bỏ đi.

+ **Phật Ma Ra** là “Hàng ma kim cương hộ pháp”, tay cầm bánh xe bằng vàng. Vị Hộ Pháp này có thể hóa thân lớn như núi Tu Di.

**Phật Ma Ra** Hán dịch là “Tối Thắng Ly Cấu”, có nghĩa đó là pháp thù thắng nhất, xa lìa tất cả mọi cấu nhiễm ở thế gian. Còn có nghĩa là “vô tỷ như ý”. Vì không có gì có thể sánh với pháp này và tùy tâm nguyện của mình mà mọi điều xảy ra như ý muốn.

Đây là Hóa Cung Điện Thủ Nhãn Ấn Pháp. Nếu quý vị hành trì được Ấn Pháp này thành tựu, thì đời đời quý vị sẽ được sống cùng một trụ xứ với đức Phật (như trong một cung điện), không còn phải thọ sanh vào các loài thai sanh, noãn sanh và thấp sanh nữa.

**Công dụng của sự thành tựu Ấn Pháp này là đời đời được sống cùng chư Phật.**

### **35. Mục Đế Lệ**

**Mục Đế Lệ** là Dương Chi Thủ Nhãn Ấn Pháp của đức Phật. Đó là “Nhánh Cây” mà quý vị thường thấy Bồ Tát Quán Thế Âm cầm ở một tay, còn tay kia Bồ Tát cầm một “Tịnh Bình”. “Nhành dương” này được Bồ Tát nhúng vào “Tịnh Bình” rồi rưới lên cho tất cả mọi chúng sanh bị đau khổ. Nước này không như nước thường. Đó là nước Cam Lộ. Chúng sanh nào được nước này tưới nhuận sẽ có nhiều lợi lạc.

Nước Cam Lô có thể giúp cho mọi chúng sanh thoát khỏi khổ lụy đói khát và bản tâm đạt được thanh lương.

**Mục Đế Lệ** còn dịch nghĩa là “giải thoát”. Đó là giải thoát khỏi mọi khổ nạn, bệnh tật và chướng ngại. Nên Bồ Tát Quán Thế Âm thường dùng Dương Chi Thủ Nhãn Ấn Pháp này để giúp giải thoát cho chúng sanh khỏi mọi bệnh tật, khổ nạn và những điều bất như ý. Bề ngoài, chú này dường như không có gì quan trọng lắm, nhưng một khi quý vị công phu hành trì Ấn Pháp này thành tựu rồi thì không những quý vị có thể giúp giải thoát cho chúng sanh khỏi bệnh tật và khổ nạn, mà còn có thể hàng phục cả Thiên Ma Ngoại Đạo. Khi những Thiên Ma Ngoại Đạo được thấm nhuần nước cảnh dương này, họ tự nhiên hồi tâm hướng thiện, thực hành theo chánh pháp. Do vậy, Dương Chi Thủ Nhãn có diệu dụng vô cùng vô tận, không thể nghĩ bàn.

Giọt nước Cam Lô từ bàn tay Bồ Tát Quán Thế Âm không những chỉ giúp cho quý vị thoát khỏi mọi “bệnh tật, khổ nạn”. Mà còn có một diệu dụng khác: khi một người sắp chết, nếu có phước duyên, được Bồ Tát Quán Thế Âm **rảy** nước Cam Lô thì có thể sống lại. Tất cả các loài cây cỏ thảo mộc đã khô héo nếu được nước Cam Lô tưới xuống cũng được hồi sinh. Cây cỏ là loài vô tình, mà khi được nước Cam Lô tưới tắm còn được nảy mầm, đơm hoa, kết trái như vậy, nên chúng sanh là loài hữu tình sẽ được lợi lạc biết bao. Đó là diệu dụng của Dương Chi Thủ Nhãn Ấn Pháp.

### **36. Y Hê Y Hê**

**Y Hê Y Hê** là Độc Lâu Trọng Ấn Thủ Nhãn Ấn Pháp. Hán dịch là “thuận giáo”. Nghĩa là một khi quý vị nhờ ai làm việc gì đó, họ đều ưng thuận. Khi quý vị dùng Chánh Pháp để giáo hóa, họ đều vâng lời.

Câu Chú này còn dịch là “tâm đảo”. Nghĩa là trong tâm hành giả ước nguyện điều gì, nhờ năng lực của Chú này đều được thành tựu. Câu Chú này khiến cho Ma Hê Thủ La Vương, là một Thiên Ma Ngoại Đạo thường cho rằng mình là vĩ đại nhất, cũng phải cung kính chấp tay đến nghe lời chỉ giáo khi nghe có người trì tụng Thần Chú này, không dám trái nghịch. Thế nên khi quý vị trì niệm câu **Y Hê Y Hê** thì Ma Hê Thủ La Vương liền đến, bất kỳ tâm nguyện của hành giả như thế nào, vị này liền thi hành ngay, đáp ứng đúng như sở nguyện của người trì chú.

### 37. Thất Na Thất Na

Câu Chú này được dịch là “Đại trí huệ”, cũng dịch là “Hoằng thế nguyện”. Đây là Bảo Cảnh Thủ Nhãn Ấn Pháp. Bảo Cảnh được ví như Đại Viên Cảnh Trí của chư Phật.

**“Đại trí huệ” là gì?** Đó là khi chúng sanh không còn dính mắc vào vọng tưởng nữa. Có “đại trí huệ” thì mỗi niệm đều là biểu hiện của Trí Bát Nhã, mỗi tâm niệm đều lưu xuất từ Đại Quang Minh. Nếu quý vị có trí huệ chân chánh thì sẽ có được Quang Minh. Còn nếu chưa thể nhập trí huệ tự tánh thì vẫn còn trong màn tối tăm của vô minh.

- Quang Minh là ánh sáng dương, còn bóng tối vô minh là âm.

+ Tại sao người ta ngủ tối? Bởi vì lực âm trời lên quá mạnh.

+ Do đâu người ta có trí huệ sáng suốt? Bởi vì ánh sáng dương lớn mạnh hơn.

Những người có trí huệ không có lỗi suy nghĩ như những kẻ phàm phu. Họ có khả năng phân biệt rõ ràng chánh - tà. Họ không cần phải hỏi người khác, họ biết mọi điều ngay nơi tự thân của mình. Họ không đi vào con đường tử, họ bước đi vào ngay chánh lộ và hạ thủ công phu. Trong khi hành trì, trước tiên quý vị phải đạt được trí huệ. Rồi quý vị phải biết rõ ràng chánh - tà để rồi mới tiến vào con đường chánh lộ và tránh con đường tà vạy.

Nhưng quý vị không thể nào biết rõ việc làm nào hư ngụy nên cứ mãi khăng khăng tạo nghiệp ác. Quý vị không thể nào biết được rõ ràng thế nào là phạm giới, nên cứ thế mà làm, ráng hết sức để làm cho được, cứ muốn nhìn cho được dù thật sự đó là những thứ chướng ngại. Những hành vi như thế là sự ngu muội tột cùng, biểu lộ hoàn toàn sự non yếu trí huệ.

Ồ! Không – Quý vị có thể phản đối – Tôi là người có trí tuệ, tôi chỉ sai lầm trong nhất thời thôi!

Chỉ sai lầm một lần thôi cũng có nghĩa là vô minh, không có trí huệ rồi. Người có “đại trí huệ” không hề có tư tưởng sai lầm. Thế nên Tôn Giả A Nan đã phát nguyện:

***“Tiêu ngã ức kiếp diên đảo tưởng  
Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân”.***

Nghĩa là:

***“Giúp cho con tiêu trừ vọng tưởng sai lầm trong muôn ức kiếp.  
Khiến con chẳng cần trải qua A Tăng Kỳ kiếp mà chứng ngộ được pháp thân”.***

Tôn Giả đã phát nguyện tiêu trừ vọng tưởng không những chỉ 1, 2, 3, 4, năm hay 100 kiếp nhưng trong vô số kiếp.

Nhưng tại sao trong tâm ta lại có quá nhiều vọng tưởng như thế? Khi một vọng tưởng đi qua, vọng tưởng khác kế tiếp theo, và khi vọng tưởng ấy tiêu mất, vọng tưởng sau lại sanh khởi tiếp nối. Giống như sóng trên mặt biển. Quý vị cứ nghĩ rằng đại dương là vật vô tình, nhưng thật sự nó chẳng phải là thứ ở ngoài tâm quý vị mà có. Biển cả cũng được lưu xuất từ trong tâm niệm của chúng sanh. Sóng biển không ngừng nổi lên rồi chìm xuống, cũng hoàn toàn giống như vọng tưởng của chúng sanh chẳng bao giờ ngừng. Nó liên tục mãi. Vọng tưởng trước vừa biến mất, vọng tưởng sau liền tiếp nối, vọng tưởng này tiếp nối vọng tưởng kia, xoay vần tương tục, nối theo nhau không dứt, như dòng thác không bao giờ ngừng. Không có vọng tưởng nào muốn rơi lại đằng sau cả, chúng đều hoàn toàn muốn phóng vọt lên phía trước.

Vì sao mà quý vị lại mắc phải quá nhiều vọng tưởng như vậy? Chỉ vì không có trí huệ. Nếu quý vị có trí huệ thì chẳng còn mảy may vọng tưởng và sóng cũng không còn xao động nữa. Như trong câu thơ:

**“Thanh phong đồ lai  
Thủy ba bất hung”.**

**Nghĩa là:**

**“Gió trong lành thổi đến  
Biển không còn sóng xao”.**

Khi trong công phu mà quý vị đạt được định lực, cũng như sóng biển đã lặng yên. Khi có được định lực thì nước trí huệ hiển hiện, không còn một gợn sóng, chẳng còn một niệm vọng tưởng nào nữa. Lúc đó là thanh tịnh chân thật. Đó là lúc:

**“Nhất trần bất nhiễm  
Vạn lự giai không”.**

Thật vậy, khi một người không còn bị vướng dù chỉ một hạt bụi vô minh thì chẳng còn phải lo nghĩ một điều gì nữa cả, mọi thứ trên đời này đều là không. Đó chính là biểu hiện của đại trí huệ.

**Người có trí huệ thường thành công trong bất kỳ mọi việc, còn người thiếu trí huệ thường bị thất bại trong bất kỳ việc gì mà họ nhúng tay vào. Do vậy nên trí huệ là vô cùng quan trọng.**

Ngu muội là gì? Vô Minh chính là ngu muội. Ngu muội cũng chỉ là từ vô minh mà ra. Khi vô minh sanh khởi, con người hoàn toàn bị mất sáng suốt. Quý vị hãy hỏi một người vừa mới làm một việc sai lầm xong thì rõ:

Tại sao anh lại làm việc đó?

Họ sẽ trả lời: Tôi không rõ nữa ...

Đó chính là do ngu muội, do sự thiếu sáng suốt, thiếu trí huệ. Nhưng dù họ hành động mê lầm do vô minh, nhưng họ lại không chịu từ bỏ vô minh.

Họ lại khăng khăng: Tôi biết chứ. Tôi biết nó sai mà!

Thật là quái lạ. Con người mê muội chỉ do vì không có trí huệ, không đạt được **Đại viên cảnh trí**, vì họ không chịu công phu hành trì **Bảo Cảnh Thủ Nhân Ấn Pháp**. Nếu họ tu tập Ấn Pháp này thì sẽ không còn ngu muội nữa; bất luận chuyện gì xảy ra. Đó là khi:

### **“Phùng quỹ sát quỹ Phùng Phật sát Phật”.**

Đây cũng như việc cầm một cây dao thật bén, chặt ngay mọi vọng tưởng vừa lóe lên. “Đại trí huệ” cũng như một con dao bén hay còn được ví như thanh gươm. Quý vị có thể nói: “*Gươm trí huệ rất nặng, không, không dễ gì cầm kiếm ấy được*”! Đó là vì quý vị chưa từng cầm nó. Thật ra, sử dụng kiếm này chẳng cần sử dụng chút sức lực nào cả. Nếu quý vị chưa từng cầm nó lên thì thấy nó quá nặng. Nếu quý vị đã cầm lên rồi thì thấy nó nhẹ. Nếu quý vị không chịu cầm lên thì nhẹ biến thành nặng. Nếu quý vị chịu cầm lên thì nặng biến thành nhẹ. Sao vậy? Vì quý vị đã cầm lên rồi!

Nếu quý vị nói: “Tôi biết rằng gươm trí huệ rất quan trọng, nhưng quá nặng. Tôi không thể nhắc lên nổi”. Và quý vị không sờ tới kiếm. Thế nên gươm trí huệ càng nặng thật. Nhưng một khi quý vị đã sờ vào kiếm, đã vung gươm lên rồi thì mọi sự hiểu biết đều bén nhọn như lưỡi gươm, chẳng còn một chút rắc rối nào nữa cả. Thế nên tôi thường nói với quý vị rằng: **“Mọi việc đều tốt đẹp cả”**. Chính là phát xuất từ đạo lý này. Nếu quý vị gặp nhiều việc rắc rối là vì quý vị không có thanh gươm trí huệ. Nếu quý vị có được thanh kiếm trí huệ ấy thì sẽ chẳng còn chuyện gì rắc rối nữa cả. Mà nhiệm là ở điểm này.

Núi sông đất liền, lâu đài nhà cửa, thế giới, Y Báo cũng như Chánh Báo đều không vượt ra ngoài tâm niệm hiện tiền của chúng ta.

+ Cái gì là thế giới Y Báo? Núi sông, đất liền, lâu đài nhà cửa gọi là thế giới Y Báo.

+ Thế giới Chánh Báo là thân tâm của chúng ta, chính là nơi mà con người chúng ta thọ nhận sự báo ứng. Nếu quý vị đã hiểu được sự báo ứng khi chính mình thọ nhận, nghĩa là quý vị không còn vô minh nữa. Không còn vô minh nghĩa là có trí huệ. Điều này được ví như tấm gương:

***“Vật lai tắc ảnh  
Vật khứ tắc không”.***

Nghĩa là:

***“Vật đến liền chiếu  
Vật biến hoàn không”.***

Tấm gương chẳng lưu giữ dấu vết gì cả. Kẻ trí thường thản nhiên với mọi chuyện và cứ để nó trôi qua mà lòng chẳng còn vướng bận điều gì.

Mặc dù kẻ trí chẳng lưu giữ điều gì lại trong lòng, nhưng mọi vật thường tự hiển bày. Và mặc dù nó thường tự hiển bày nhưng chẳng hề bị vướng mắc.

Chúng ta là hàng phàm phu, chưa có được “đại trí huệ”, phải nỗ lực vượt bậc để thường nhớ trì tụng Chú Đại Bi, hoặc thường niệm câu: ***“Y Hê, Y Hê, Thất Na, Thất Na”.***

Khi đã tụng một lần rồi là không còn quên nữa, đã tụng được 2, 3 lần, vài trăm lần rồi thì chẳng thể nào quên được nữa. Đó là phải cố gắng để ghi nhớ. Còn khi quý vị chỉ cần nhìn hoặc nghe lướt qua 1 lần rồi nhớ mãi không quên, chẳng cần phải dụng công ghi nhớ nữa, đó là khi trí huệ của quý vị chiếu sáng như một đài gương trong.

Người có trí huệ đều biết rằng: mọi hiện tượng đều lưu xuất từ tự tâm của mình. Nếu quý vị hiểu được điều này thì mình sẽ không còn “tham, sân, si, mạn, nghi” nữa. Sao vậy? Vì mọi sự việc đều lưu xuất từ tâm mình, nên những thứ vui buồn giận ghét đều là sở hữu của chính mình. Dù nó tốt hay xấu, cũng chẳng có vấn đề gì cả. Mặc dù nói về cảnh giới ấy thì rất dễ, nhưng tiếp xúc với cảnh giới ấy không phải dễ dàng gì, cần phải có công phu mới tiếp xúc được với cảnh giới ấy. Những người không có công phu sẽ nói:

***“Đối với tôi, chẳng có vấn đề gì rắc rối cả”.***

Bên ngoài thì như thế, nhưng vấn đề rắc rối đang phát sanh và chống đối với nhau ở bên trong. Những người có trí huệ chân chánh thì rất hiếm.

Quý vị cũng nên phân biệt rõ trí huệ thế gian và trí huệ xuất thế gian.

+ **Trí huệ thể gian** còn gọi là **Thế trí biện thông**, là có thể nhào nặn ngay ra một đạo lý khi nào cần đến. Nơi nào không có đạo lý, họ có thể tạo dựng ra, khiến mọi người nghe rất hợp lý. Những kẻ mê muội nghe họ nói liền nghĩ rằng:

“Ồ! Họ đề cập đến những đạo lý rất đúng”. Thật ra, nếu quý vị có được trí huệ chân chánh, quý vị sẽ không bị đắm chìm trong mớ lý luận ngu muội của họ.

Người ta thường nói: “**Trong dương có âm**”. Cũng vậy, trong trí huệ cũng có sự ngu muội – sự ngu muội một cách trí huệ.

Mặt khác, “**trong âm có dương**”. Bên trong sự ngu muội ẩn chứa một trí huệ. Chẳng hạn như quý vị có thể thấy một người chẳng nói năng gì cả, dường như là kẻ quê mùa dốt nát, nhưng anh ta làm những việc chân chánh. Anh ta có thể hiện thân một kẻ hồ đồ mê muội, nhưng luôn luôn ứng xử khế hợp với đạo lý. Có rất nhiều người như vậy.

Khi quan sát người khác, quý vị sẽ tự chiêm nghiệm ra chính tự thân mình có được trí huệ sáng suốt hay không. Nếu quý vị có trí huệ chân chánh thì quý vị không bị người khác sai sử, dẫn dắt đến chỗ sai lầm. Còn nếu quý vị không có trí huệ, quý vị sẽ bị người khác xui khiến làm điều xằng bậy.

Trí huệ và ngu muội có một mối quan hệ trực tiếp. Đó là 2 mặt của một chính thể. Vắng bóng Vô Minh thì Trí Huệ hiển bày. Và Vô Minh sinh khởi khi thiếu vắng Trí Huệ. Trong Vô Minh có Trí Huệ và chính trong Trí Huệ có bóng dáng của Vô Minh. Sao lại như thế? Vì trí huệ và vô minh là một. Nếu quý vị biết vận dụng thì đó là trí huệ. Còn nếu không biết vận dụng thì đó là vô minh. Chẳng hạn như khi quý vị nâng thanh gươm trí huệ lên thì đó chính là trí huệ; còn khi quý vị buông thanh gươm ấy xuống thì đó là vô minh. Đó không phải là hai mà chỉ là một. Thế nên quý vị đừng bao giờ nói rằng mình đang đi tìm kiếm trí huệ và đang xua đuổi vô minh. Không ai làm được việc ấy bao giờ. Chủ yếu chỉ là sự “hồi đầu”.

Có thể lấy ví dụ của bàn tay để biểu tượng cho trí huệ và mặt kia là biểu hiện cho vô minh. Nếu quý vị muốn cầm nắm một đồ vật bằng mặt kia của bàn tay thì không thể nào làm được cả, nhưng nếu quý vị dùng chính bàn tay của mình thì mới lấy được đồ vật. Việc không lấy được đồ vật là biểu tượng cho vô minh và việc sử dụng bàn tay để lấy được vật là biểu tượng cho trí huệ. Đó là hai khía cạnh của chỉ một ý nghĩa chung nhất, tùy thuộc vào sự vận hành của quý vị.

Có người lại nói: “*Nay tôi đã hiểu rồi. Vô minh và trí huệ chính là bàn tay của tôi*”. Lại sai lầm nữa! Bàn tay chỉ là ví dụ. Đừng nên cho rằng trí huệ và vô minh chính là bàn tay. Cũng giống như ví dụ ngón tay và mặt trăng (trong Kinh

Thủ Lăng Nghiêm). Đức Phật lấy ví dụ dùng ngón tay để chỉ cho người thấy mặt trăng. Đừng nhầm lẫn ngón tay chính là mặt trăng.

**Thất Na Thất Na** là “đại trí huệ” và còn có nghĩa là “hoàng thệ nguyện”(là phát nguyện rộng lớn). Khi muốn hoàn thành một việc gì, phải phát thệ nguyện làm cho đến cùng. Như đức Phật A Di Đà trước khi thành Chánh Giác, khi đang tu tập nhân địa với hình tướng của một Tỳ Kheo, Ngài đã phát 48 lời nguyện rộng lớn. Bồ Tát Phổ Hiền cũng đã phát 10 Đại Nguyện Vương. Bồ Tát Quán Thế Âm cũng phát vô số lời nguyện cũng như các vị Tổ Sư đã từng phát nguyện. Tôi đang giảng cho quý vị nghe về việc phát đại nguyện. Còn có lập nguyện được hay không là do ở quý vị. Tôi đưa đề tài này ra giảng vì tôi đoán chắc là quý vị chưa được thông hiểu. Nhưng không phải là tôi bắt buộc quý vị phải phát nguyện. Nay quý vị đang tu học Phật pháp, mỗi người nên tự mình lập hạnh nguyện, càng lớn càng tốt. Lập nguyện càng lớn thì sự thành tựu càng cao. Hiện nay chúng ta đều đang tu nhân và chưa ai thành Phật cả, chúng ta nên phát lời nguyện ở nơi nhân địa mà tu hành. Mỗi người nên viết ra lời nguyện của mình thật chi tiết. Đừng phát nguyện một cách hời hợt, qua loa, cho có nguyện mà phải thiết thực như: *“Con nguyện cứu độ tất cả mọi loài chúng sanh”*.

Thật chứ? Làm sao quý vị có thể độ chúng sanh được. Khi suốt ngày quý vị cứ tìm mọi cách để được ăn ngon, mặc đẹp, ở nơi xa hoa tráng lệ. Việc cứu độ chúng sanh trước hết là độ chúng sanh nơi cái miệng chuyên nói lời vọng ngôn của quý vị, độ cái bụng ham ăn, độ cái thân ham thích sung sướng của chính mình trước đã. Cho nên quý vị phải thẳng thắn và minh bạch trong khi phát nguyện. Hiện tại mình phát nguyện gì? Tương lai sẽ ra sao? Như ở trong quá khứ, chúng ta có thể quên lãng những gì đã từng ứng dụng tu hành. Nhưng trong tương lai chúng ta sẽ thực hành điều gì? Mỗi người Phật tử đều phải nên có lời phát nguyện. Nay ở trong nhân địa, lời phát nguyện càng lớn thì trong tương lai, kết quả sẽ càng cao. Nếu quý vị đặt tất cả nguyện lực của mình vào một lỗ chân lông thì quý vị có thể phát một thệ nguyện lớn ngay từ trong lỗ chân lông.

Phát nguyện là một lời hứa thiêng liêng mà mọi người Phật tử đều nên thực hiện. Phát nguyện rất quan trọng, vì không có nó cũng như không có người hướng dẫn. Giống như đi đường mà không biết mình sẽ đi hướng nào, chẳng biết nên rẽ phải hay nên rẽ trái để đến đích. Nếu quý vị phát nguyện, cũng như khi du lịch có người hướng dẫn đường đi và nơi đến.



Tại sao chư Phật và chư Bồ Tát đều phát nguyện khi tu đạo? Vì khi đã phát nguyện rồi, mình mới tự mình hành động tương ứng với nguyện đã lập. Ví dụ như Bồ Tát Địa Tạng khi tu hành ở nhân địa, Ngài đã phát lời nguyện vĩ đại:

*...“Địa Ngục vị không Thệ bất thành Phật  
Chúng sanh độ tận Phương chứng Bồ Đề”.*

**Nghĩa là:**

*“Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ Đề  
Địa ngục nếu còn con chưa thành Phật”.*

Nguyện lực này cực kỳ vĩ đại. Chúng ta cũng nên phát nguyện. Mỗi quý vị nên phát một hạnh nguyện phù hợp với những việc hằng ngày quý vị thích làm.

### **38. A Ra Sâm Phật Ra Xá Lợi**

+ **A Ra Sâm** dịch là “Chuyển luân pháp vương”, tức là vị Đại Pháp Vương thường chuyển cỗ xe đại pháp, thường tuyên thuyết diệu nghĩa đại thừa. Giáo nghĩa này thậm thâm vi diệu, không ai có thể diễn nói tường tận được, nhưng hiện nay quý vị đang được nghe giảng từng chi tiết rõ ràng.

Đó là ý nghĩa của câu chú này. Đây là “Chứng Thượng Hóa Phật Ấn Thủ Nhân Ấn Pháp”. Quý vị nên hành trì Ấn Pháp này. Khi thành tựu rồi, đời đời khi được sinh ra liền thân cận bên Phật để học hỏi giáo pháp.

Có rất nhiều cách để giảng giải Chú Đại Bi. Chẳng hạn có một vị pháp sư khác giảng mỗi Thủ Nhân này là danh hiệu của một vị Bồ Tát. Chẳng hạn vị ấy cho rằng: Chứng Thượng Hóa Phật Thủ Nhân này là Chứng Thượng Hóa Phật Bồ Tát. Đây chính là trường hợp sai một ly đi một dặm. Sao vậy? ở đây hoàn toàn chẳng có một vị Bồ Tát nào cả. Quý vị có thể đọc hết cả Tam Tạng Kinh Điển nếu quý vị muốn nhưng sẽ chẳng thấy vị Bồ Tát nào có danh hiệu là Chứng Thượng Hóa Phật Bồ Tát cả.

Có thể nói như thế này: Chứng Thượng Hóa Phật Ấn Thủ Nhân Ấn Pháp là pháp tu của chư vị Bồ Tát, chứ không thể gọi đó là Chứng Thượng Hóa Phật Bồ Tát. Nếu gọi như thế là một sai lầm.

Nên khi nói Bảo Bát Thủ Nhân Ấn Pháp quý vị có thể hiểu rằng: Bảo Bát Ấn Pháp là pháp tu của chư vị Bồ Tát. Còn Bảo Bát không phải là danh hiệu của một vị Bồ Tát. Mới đây tôi được xem qua bộ “Đại Bi Kinh giảng nghĩa” ở Hồng Kông gửi sang, trong kinh này họ đã giảng 42 Thủ Nhân Ấn Pháp là danh hiệu của 42 vị Bồ Tát. Đó hoàn toàn sai lầm. 42 Thủ Nhân Ấn Pháp trong kinh là các pháp tu của hàng Bồ Tát. Người học Phật Pháp nên ghi nhớ kỹ điểm này, không nên xác

tín mà không căn cứ trên sự thực hiện nhiên. Trong khi giải thích Phật Pháp cho người nghe, quý vị phải có một lập trường vững chãi, chính xác về những gì mình đưa ra, còn không quý vị sẽ phạm sai lầm.

+ **A Ra Sâm** là Chương Thượng Hóa Phật Thủ Nhãn Ấn Pháp mà các vị Bồ Tát đều phải tu hành.

Quý vị lại hỏi: “Bồ Tát nào?”

Đây chẳng phải là một vị Bồ Tát nào riêng biệt cả. Bất kỳ người nào hành trì 42 Thủ Nhãn Ấn Pháp thì người ấy chính là Bồ Tát. Bất luận người nào không tu tập 42 Ấn Pháp thì người ấy không phải là Bồ Tát. Nếu quý vị tu tập 42 Thủ Nhãn Ấn Pháp được thành tựu thì có thể minh chứng rõ ràng quý vị đã dự vào hàng Bồ Tát rồi.

+ **Phật Ra Xá Lợi** dịch là “giác thân tử”. Đây là Sở Châu Thủ Nhãn Ấn Pháp hoặc là Niệm Châu Ấn Pháp, là pháp môn của chư vị Bồ Tát tu tập. Khi Bồ Tát tu tập Thủ Nhãn này thành tựu, thì chư Phật trong 10 phương nhiếp thọ và tiếp dẫn hành giả đến các thế giới Phật khắp trong 10 phương.

### 39. Phật Sa Phật Sâm

**Phật Sa Phật Sâm** dịch là “Hoan ngữ hoan tiêu”. Có nghĩa là rất hoan hỷ khi giảng nói. Còn dịch nghĩa là “Đại trượng phu” và “Vô thượng sĩ”.

Đây là Bảo Cung Thủ Nhãn Ấn Pháp. Khi hành trì thành tựu Ấn Pháp này, nếu là người tại gia thì có thể được làm quan cận thân, người xuất gia có thể chứng được quả vị A La Hán.

### 40. Phật Ra Xá Da

Ở câu trên, **Phật Ra Xá Lợi**. “**Xá Lợi**” dịch nghĩa là “Giác thân tử”.

Còn trong câu **Phật Ra Xá Da**. “**Xá Da**” dịch là “Tượng”: con voi. Nghĩa là khi quý vị đã giác ngộ rồi, thì tâm thể quý vị được ví như một con voi chúa, còn được gọi là Pháp Vương Tử. Quý vị có thể là Pháp Vương tối cao trong tất cả các pháp môn. Nói chung, ý nghĩa của câu chú này là: Tâm giác ngộ như một tượng vương cao quý.

**Phật Ra Xá Da** là nói về bốn thể của đức Phật A Di Đà. Đức Phật A Di Đà là bốn sư của Bồ Tát Quán Thế Âm. Vì Bồ Tát Quán Thế Âm tỏ lòng tôn kính đức bốn sư của mình nên Bồ Tát đã đánh lễ đức Phật A Di Đà trong khi tuyên thuyết Chú Đại Bi. Nên đức Phật A Di Đà phóng hào quang để tiếp độ cho người trì chú này.

**Phật Ra Xá Da** là Tử Liên Hoa Thủ Nhãn Ấn Pháp. Trong 42 Thủ Nhãn, có Bạch Liên Hoa Thủ Nhãn, Thanh Liên Hoa Thủ Nhãn, Hồng Liên Hoa Thủ Nhãn Ấn Pháp. Khi hành trì thành tựu các Ấn Pháp này, hành giả sẽ được diện kiến 10 phương chư Phật. Vì vậy Tử Liên Hoa Thủ Nhãn Ấn Pháp rất trọng yếu.

#### **41. Hô Lô Hô Lô Ma Ra**

**Hô Lô Hô Lô Ma Ra** Hán dịch là “Tác pháp như ý”. Cũng dịch là “Tác pháp mạc ly ngã”.

Đây là Kim Trọc Ngọc Hoàn Thủ Nhãn Ấn Pháp. Trong 42 Ấn Pháp, khi hành giả hành trì 42 Thủ Nhãn Ấn Pháp này được gọi là “tác pháp”.

“Như ý” nghĩa là tùy theo tâm nguyện đều được như ý. Khi hành giả tu tập thành tựu Ấn Pháp này rồi, thì mọi việc đều được như tâm nguyện nên gọi là “Như ý”.

Còn “Tác pháp mạc ly ngã” có nghĩa chính hành giả là người tu tập, không phải người nào khác. Nên khi hành giả tác pháp này, thì Ấn Pháp không rời khỏi hành giả và hành giả không rời khỏi Ấn Pháp. Pháp và Ngã là một. Thế nên chẳng có pháp và cũng chẳng có ngã, pháp chấp và ngã chấp đều không. Đó là ý nghĩa của “Tác pháp mạc ly ngã”.

Hành trì Kim Trọc Ngọc Hoàn Ấn Pháp. Có thể khiến tất cả chúng sanh đều vãng theo sự giáo hóa của hành giả. Dạy họ tu pháp gì, họ đều tu theo pháp môn ấy không sai lệch.

#### **42. Hô Lô Hô Lô Hê Ri**

**Hô Lô Hô Lô** Hán dịch là “tác pháp vô niệm” cũng dịch là “tác pháp tự tại”. Trong câu chú **Hô Lô Hô Lô Ma Ra** đã giảng ở trước có nghĩa là “tác pháp như ý”, khi tác pháp vẫn còn khởi lên ý niệm.

Còn trong câu chú **Hô Lô Hô Lô Hê Ri** thì vắng bật sự khởi niệm khi tác pháp. Nếu khi hành trì Ấn Pháp này, mà còn khởi niệm tức là còn vọng tưởng. Nếu hành giả không khởi niệm, tức là không còn vọng tưởng nên đạt được khả năng “tác pháp tự tại” và trở thành người có năng lực Quán Tự Tại. Đó chính là vị Bồ Tát thường quán sát âm thanh ở thế gian để cứu độ một cách tự tại, Bồ Tát Quán Thế Âm.

Câu chú này là Bảo Bát Thủ Nhãn Ấn Pháp, là Ấn Pháp thứ 3 trong số 42 Thủ Nhãn Ấn Pháp. Ấn Pháp này có công năng giải thoát cho chúng sanh khỏi những tai ương bệnh hoạn.

Các vị xuất gia khi gặp người bệnh, trì chú này vào trong ly nước, cho người bệnh uống thì có thể được khỏi bệnh. Nếu bệnh không lành, thì phải quán sát lại toàn bộ nhân duyên. Nếu gặp duyên lành, khi quý vị uống nước có trì Chú Đại Bi thì liền được lành bệnh, là do đã đặt hết niềm tin vào Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu không được lành bệnh, có thể là do quý vị thiếu lòng tin nơi Bồ Tát.

Sự thật là như vậy, nay tôi sẽ truyền pháp này cho quý vị luôn. Để cho ly nước có trì Chú Đại Bi, có được năng lực như vậy, quý vị không cần phải trì tụng toàn văn bài chú này, mà chỉ cần trì tụng câu **Hô Lô Hô Lô Hê Rị** 5 lần rồi dùng tay Kiết Ấn 3 lần búng vào phía trên ly nước. Rồi trao cho người bệnh uống sẽ được khỏi hẳn. Có khi bệnh không lành, có khi bệnh lành hẳn. Tất cả đều tùy thuộc vào nhân duyên giữa hành giả và người bệnh. Nếu quý vị có nhân duyên sâu dày với người bệnh, thì khi họ uống xong nước có trì Chú Đại Bi liền được khỏi bệnh. Còn nếu người bệnh không có duyên với hành giả, thì dù họ có uống nước đã trì chú, nhưng vì họ không có niềm tin ở Bồ Tát Quán Thế Âm thì bệnh họ không được lành hẳn.

Nói chung có vô lượng nhân duyên để tạo thành pháp duyên cơ bản này. Nếu người bệnh đã có công phu hành trì và phát tâm chí thành, khi uống nước có Trì Chú vào là liền khỏi bệnh. Còn nếu quý vị có tu tập nhưng thiếu lòng chí thành, thiếu sự tin tưởng vào Chú Đại Bi thì dù uống nước đã trì chú cũng chẳng ích lợi gì. Còn nếu quý vị có **Tâm Chí Thành** và dù không tu tập đi nữa, thì khi uống nước đã trì chú cũng có được sự lợi ích. Những người vốn đã tạo nghiệp chướng sâu dày, nếu được uống nước đã trì chú vào thì không đủ tạo nên năng lực để chuyển hóa bệnh của họ. Còn nếu người có nghiệp nhẹ khi uống nước đã trì chú vào thì có thể phát sinh năng lực to lớn. Đó là năng lực do thường xuyên trì niệm Chú Đại Bi, đã tạo ra một năng lực cảm ứng đạo giao. Chính năng lực này đã chữa lành bệnh.

Thế nên bất luận trường hợp nào, có trùng trùng duyên khởi quyết định sự thành công. Đừng nghĩ rằng: “Tôi đã hành trì Bảo Bát Thủ Nhãn Ấn Pháp, tôi đã trì Chú Đại Bi vào trong nước, tại sao chẳng có chút nào hiệu nghiệm?”

Đó chẳng phải là nước trì Chú Đại Bi không có hiệu nghiệm. Chỉ vì công phu của quý vị chưa được đặc lực, nên hiệu quả không được bao nhiêu.

Có một số phái ngoại đạo cũng dùng pháp trì Chú Đại Bi vào nước để chữa bệnh và đạt được công hiệu linh ứng. Đó là vì họ có sự trợ giúp của loài Thiên Ma khiến cho người được lành bệnh tin vào họ, rồi dẫn dắt vào hàng quyến thuộc của Thiên Ma Ngoại Đạo. Vì thế, tuy cũng hành trì một pháp môn mà có thiên sai vạn biệt kết quả.

Dùng nước Đại Bi để chữa bệnh cho người là một pháp môn thực hành Bồ Tát Đạo. Nhưng quý vị muốn tu pháp này trước hết phải thực hành mọi hạnh nguyện của hàng Bồ Tát. Phải luôn luôn giữ tâm niệm “vô ngã”, “vô nhân”. Nghĩa là trong tâm không còn 4 tướng: ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả nữa. Quý vị đừng nghĩ rằng: *“Tôi chữa lành bệnh của chúng sanh được, khi tôi trì Chú Đại Bi, tôi tạo ra được sự cảm ứng vô cùng lớn lao”*.

Nếu quý vị khởi niệm như thế, nghĩa là quý vị đã khởi dậy ngã chấp. Với ngã chấp ấy, liền bị rơi vào “ma chướng”, dù quý vị không có tâm niệm ngã chấp nhưng rất dễ bị gặp “ma chướng” khi tu tập pháp môn này. Bệnh nào cũng do “nghiệp chướng” hoặc “ma chướng”. Nếu bệnh vì “nghiệp” thì chẳng có vấn đề gì khi quý vị chữa trị cho họ. Còn nếu bệnh do “ma chướng”, khi quý vị chữa trị cho họ có nghĩa là quý vị tuyên chiến với Ma Vương, nó có thể hãm hại quý vị. Nếu đạo lực của quý vị chưa đầy đủ, quý vị có thể bị thu phục vào cảnh giới của ma. Còn nếu quý vị có được đạo lực và tạo được đôi chút ảnh hưởng với chúng, thì chúng sẽ liên tục tìm mọi cách để đánh bại quý vị.

Tôi vốn thích chữa bệnh cho mọi người nên khi có ai bị bệnh, tôi tìm mọi cách để chữa cho họ. Nhưng sau đó, tôi phải đối đầu với “ma chướng” rất trầm trọng. Ở Mãn Châu, có một loài Thủy Quái muốn đìm chết tôi, nhưng nó thất bại.

Tuy vậy, có 50 – 60 người bị chết và hơn 800 căn nhà bị Thủy Quái này phá hủy. Sau đó, trên đường đi từ Thiên Tân đến Thượng Hải, loài Thủy Quái đó lại tìm cách lật thuyền của tôi, chỉ chút xíu nữa là tôi biến thành thức ăn của cá. Từ đó mỗi khi đi hoẵng hóa đây đó, tôi thường ít khi chữa bệnh.

Thế nên chữa bệnh là cách tốt nhất để kết duyên, nhưng đó cũng rất dễ kết oán với quyền thuộc nhà ma. Nó có điểm tốt và cũng có điểm không hay. Nếu quý vị làm việc đó mà tâm niệm không vướng mắc vào 4 tướng: “ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả” thì quý vị có thể xoay chuyển mọi tình huống. Còn nếu quý vị không tự chuyển hóa mọi tâm niệm của chính mình khỏi 4 tướng trên thì rất dễ rơi vào “ma chướng”. Cho nên, kết duyên với chúng sanh qua việc chữa bệnh cho họ là một vấn đề đòi hỏi năng lực tu tập rất cao.

### **43. Ta Ra Ta Ra**

Quý vị nghe âm vang của câu chú này rất hùng, phải không?

**Ta Ra Ta Ra** dịch là “Kiên cố lực”, là thần lực rất mạnh mẽ, không một thứ gì có thể lay chuyển được. “Kiên cố lực” này có thể phá hủy và hàng phục tất cả các loài Thiên Ma Ngoại Đạo.

Đây là Kim Cang Xử Thủ Nhân Ấn Pháp. Công năng của Ấn Pháp này là hàng phục tất cả các loại ma oán.

#### **44. Tất Rị Tất Rị**

**Tất Rị Tất Rị** có 3 nghĩa:

+ **Thứ nhất là “dũng mãnh”** như trong chiến trận, người dũng mãnh là luôn luôn chiến thắng, không hề bị đánh bại.

+ **Thứ 2 là “thù thắng”** nghĩa là vượt lên trên tất cả sự hoàn hảo, không bao giờ bị thất bại.

+ **Thứ 3 nghĩa là “cát tường”**. Vì khi hành giả có được sự dũng mãnh mới có được sự thắng vượt mọi chướng ngại, mới có được sự cát tường.

Tôi thường nói với các đệ tử của tôi rằng: khi làm bất kỳ việc gì, dù ở cương vị nào cũng phải phát tâm dũng mãnh, thắng vượt chứ không bao giờ được thoái thất. Nếu ai lui sụt, đừng trở về gặp mặt tôi nữa. Những người yếu đuối, bại hoại thì có ích gì? Họ chẳng khác gì một thứ mà người Quảng Đông thường gọi là “thủy bì” là túi da đựng nước mềm nhũn. Còn ở Đông Bắc thì gọi là “thảo bao”, là cái túi rom để đựng hạt giống mềm yếu và vô dụng. Nên hãy nhớ điều này: bất kỳ ai muốn phát nguyện trở thành đệ tử của tôi là phải luôn luôn vượt thắng mọi điều, phải có tâm kiên cố như Chùy Kim Cang vậy. Còn như “thủy bì” và “thảo bao” thì không thể nào theo nổi.

**Tất Rị Tất Rị** là Hợp Chương Thủ Nhân Ấn Pháp. Có thể khiến cho tất cả Long Xà, Hồ Lang, Sư Tử, Nhân cùng Phi Nhân phát tâm kính ngưỡng. Tuy nhiên, hành giả phải thật sự có tâm dũng mãnh, vượt thắng và tâm bất thoái chuyển. Công năng của Ấn Pháp này không phải là ở chỗ ngôn thuyết mà phải bằng nỗ lực hành trì.

#### **45. Tô Rô Tô Rô**

**Tô Rô Tô Rô** Hán dịch là “cam lồ thủy”. Đây cũng chính là Cam Lồ Thủ Nhân Ấn Pháp. Trước đây tôi đã giảng về diệu dụng của nước Cam Lồ rồi. Có thể giúp cho các loài Quỷ Đói được no đủ và mọi tâm nguyện đều được như ý, làm tiêu tan mọi sự đói khát, thọ nhận được nhiều điều tốt lành khác nữa.

Nước Cam Lồ này còn gọi là “Bát tử dục”. Nếu có người sắp chết uống nước Cam Lồ này thì sẽ được sống lại. Nhưng không dễ gì gặp được nước Cam Lồ này nếu không có duyên lành.

## 46. Bồ Đề Dạ - Bồ Đề Dạ

**Bồ Đề Dạ** Hán dịch là “Giác đạo”. Muốn thành tựu giác đạo thì trước hết, quý vị phải có được giác tâm. Nếu không có giác tâm thì không thể nào tu tập để thành tựu đạo giác ngộ.

Hành giả trước hết phải có tâm liễu ngộ chân thật rồi mới có thể tu tập đến chỗ thành tựu đạo nghiệp được.

Hai câu chú này gọi là Bất Thoái Kim Luân Thủ Nhãn Ấn Pháp. Đó chính là Tâm Bồ Đề kiên cố không bao giờ thoái chuyển. Từ nay cho đến khi thành tựu quả vị Phật, quý vị phải phát tâm dũng mãnh ngày càng tinh tấn hơn. Đừng nên dừng lại hoặc lui sụt. Chẳng hạn như khi quý vị nghe giảng kinh, hãy khởi tâm niệm rất khó có dịp được nghe giảng kinh Phật. Rất hiếm khi được gặp pháp hội. Mặc dù chuyện này xem có vẻ bình thường, nhưng nếu quý vị lảng lờ suy gẫm kỹ sẽ thấy giá trị vô cùng. Thử xem có nơi đâu trên thế giới này có được một pháp hội tinh tấn như thế này, ngày nào cũng đến đây để nghe giảng kinh? Còn có nơi đâu khác trên thế giới mà pháp âm tuôn trào như thác, như sông mãi không ngừng như ở đây?

Nên khi đã có duyên gặp gỡ được pháp hội, quý vị phải thu xếp công việc, dù có bận rộn bao nhiêu, bất luận pháp sư giảng đề tài gì, người nào giảng cũng phải đến nghe. Đừng có phân biệt giữa pháp sư giảng hay và người giảng kém, rồi chỉ đến nghe người giảng hay. Nếu quý vị vẫn kiên trì đến nghe bất luận pháp sư nào giảng, lâu ngày chày tháng, chắc chắn quý vị sẽ thâm nhập được vào dòng đạo lý chân thật. Dù ai giảng đi nữa, quý vị cũng nên đến nghe để hộ trì cho pháp hội. Nếu một tuần có giảng pháp 7 đêm thì quý vị cũng nên tham dự cả 7 đêm. Đừng nên lười biếng!

Pháp môn này khó gặp được đã từng hằng triệu kiếp nay rồi. Một khi đã có duyên được gặp thì phải nên tinh tấn tu học. Sự tinh tấn chính là “Tâm Bồ Đề” kiên cố dũng mãnh vậy.

Nếu bỏ mất Tâm Bồ Đề mà mong ngày thành đạo thì không khác gì nấu cát mà mong thành cơm. Nên trong Kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy:

***“Vong thất Bồ đề tâm, tu chư thiện pháp, thị chư ma nghiệp”.***

Nghĩa là:

***“Bỏ quên tâm Bồ đề dù tu ngàn thiện pháp như làm việc ma vậy”.***

### ❖ Về bất thoái, có 3 dạng:

+ **Thứ 1 là “vị bất thoái”**: Nếu hành giả đã chứng quả A La Hán tột, thì không còn trở lại hàng phàm phu nữa. Nếu hành giả đã chứng quả Bồ Tát rồi thì

không còn rơi lại hàng A La Hán nữa. Nếu hành giả đã chứng đắc quả vị Phật rồi thì không còn trở lại hàng Bồ Tát nữa. Trừ những vị muốn thị hiện hóa thân để giáo hóa chúng sanh. Ví dụ như hành giả có thể phát nguyện: “Nay tôi đã thành tựu quả vị Phật rồi, tôi muốn hiện thân Tỳ Kheo để giáo hóa chúng sanh”. Điều ấy hoàn toàn đúng.

+ **Thứ 2 là “niệm bất thoái”**: Đôi khi hành giả phát khởi tâm niệm: “Tu học Phật pháp thật chán, tôi không còn muốn tu hành hoặc đi giảng pháp gì nữa cả!”. Đây là “niệm thoái thất”. Khi hành giả khởi “niệm thoái thất” thì ma chướng liền theo ngay, vì Ma Vương rất vui khi người tu hành khởi niệm lui sụt.

Một khi quý vị đã đạt được “niệm bất thoái” thì càng nghe pháp, càng muốn được nghe nhiều hơn.

“**Niệm bất thoái**” là tâm lượng của hành giả không còn bị trôi lăn trong dòng thức biến “bất giác vọng động nữa”, không còn trải qua 4 tướng “sanh - trụ - dị - diệt” của niệm khởi nữa. “Niệm bất thoái” luôn được lưu xuất từ Bồ Đề Tâm, là bạn đồng hành của tâm kiên cố. Kiên cố là nét đặc trưng của Tâm Bồ Đề. “Niệm bất thoái” và “tâm kiên cố” là nền tảng của đại nguyện Bồ Tát. “Niệm bất thoái” là “niệm mà vô niệm”. Vô niệm mà tự niệm “niệm vô niệm, vô niệm nhi tự niệm”. Niệm này là niệm vi mật hiện tiền, không thể suy lường. “Niệm bất thoái” luôn luôn đi với “hạnh bất thoái”.

+ **Thứ 3 là “hạnh bất thoái”**: Nghĩa là thực hành đạo Bồ Tát. Tuy làm mọi việc trong vô số cảnh giới mà không hề rời bản tâm, rời đại nguyện, rời niệm bất thoái. Niệm Kim Cang Nguyện, thực hành Kim Cang Hạnh không thể nghĩ bàn.

Đứng trên Nhân Thừa mà luận, thì hạnh bất thoái là sự hành trì tinh tấn, miên mật với tâm tinh tấn đồng mãnh hướng tới Phật Thừa.

Khi quý vị hành trì Bất Thối Kim Luân Thủ Nhãn Ấn Pháp, thì từ nay cho đến khi thành tựu quả vị Phật, quý vị sẽ không còn thoái chuyển. Nhưng quý vị phải tinh tấn hành trì!

## 47. Bồ Đà Dạ - Bồ Đà Dạ

Câu chú này với câu trước giống nhau, chỉ khác âm giữa **Bồ Đà Dạ**. Hán dịch là “trí giả” và “tác giả”.

+ **Trí** là hiểu biết chân chánh, là trí huệ.

+ **Giác** là sự tỉnh thức.

Người có được sự hiểu biết chân chánh là người đã giác ngộ đích thực và có được trí huệ.



Đây là Đảnh Thượng Hóa Phật Thủ Nhân Ấn Pháp. Chữ “Hóa Phật” trong Đảnh Thượng Hóa Phật Thủ Nhân Ấn Pháp chính là “giác giả”. Vị Bồ Tát hành trì thành tựu Đảnh Thượng Hóa Phật Ấn Pháp cũng chính là “trí giả”. Cơ bản, “trí” và “giác” vốn chẳng khác nhau.

**Giác** là sự giác ngộ, là giai đoạn sau của cái biết tròn đầy chân thật (trí).

**Trí** là cái biết toàn triệt, là giai đoạn trước của giác ngộ. Nếu quý vị tu tập Đảnh Thượng Hóa Phật Ấn Pháp thành tựu rồi thì quý vị sẽ là người có trí huệ chân chánh, là người đã tự mình giác ngộ rồi. Nếu quý vị tu tập Ấn Pháp này thì 10 phương chư Phật sẽ liền đến xoa đầu thọ ký cho quý vị trong tương lai sẽ chứng được quả vị Phật.

Trong khi đang niệm Phật hoặc Trì Chú, hoặc Tọa Thiền, hành giả đôi khi có cảm giác là lạ trên đỉnh đầu, như thể có một loài côn trùng bò quanh đầu vậy, nhưng khi quý vị lấy tay sờ đầu thì thấy không có gì lạ. Tôi sẽ nói cho quý vị biết đó là gì. Lúc ấy, chính chư Phật trong 10 phương đến xoa đầu thọ ký cho quý vị sẽ thành tựu Phật quả trong tương lai. Nhưng vì quý vị chưa có được Thiên Nhĩ Thông nên không nghe được; vì chưa có được Thiên Nhãn Thông nên quý vị không thấy được. Tuy vậy, chư Phật trong 10 phương thật sự đã rời bỏ độ du hành đến đạo tràng xoa đầu thọ ký cho quý vị. Thế nên nếu quý vị có phước duyên gặp được, thì đây là một cảm ứng xuất phát từ công phu hành trì của quý vị. Nhưng quý vị không được khởi tâm mê đắm, hay ngã mạn mà nghĩ rằng: “À! Chư Phật vừa đến xoa đầu thọ ký hộ trì cho tôi”. Nếu quý vị khởi niệm vui mừng hay hãnh diện vì điều này cũng đều là chấp trước. Dù đây là triệu chứng tốt lành, mà khi quý vị đã khởi tâm đắm chấp rồi, thì cũng trở nên xấu.

Trong chương cuối của Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Đức Phật trình bày rất nhiều cảnh giới, tất cả đều là cảm ứng xuất phát từ nỗ lực dụng công tu hành. Nhưng nếu hành giả nghĩ rằng mình đã chứng được cảnh giới vi diệu, thì hành giả trở nên bị chấp trước và liền lạc vào tà ma ngoại đạo, liền bị “ma chướng”. Do vậy, khi tu tập pháp này, quý vị phải tự an trú trong trạng thái “như như bất động”. Cho dù có gặp cảnh giới tốt hoặc xấu, cũng giữ tâm không dao động. Khi tâm không dao động, là quý vị có được định lực, trí huệ sẽ phát sinh. Có trí huệ chân chánh, quý vị sẽ trở thành “trí giả” và “tác giả”.

#### **48. Di Đế Rị Dạ**

**Di Đế Rị Dạ** Hán dịch là “chánh lượng”. Cũng dịch là “đại lượng”; nghĩa là số lượng rất nhiều, không đếm được.

Còn dịch là “đại từ bi tâm” nghĩa là tâm từ bi quá rộng lớn, không có ngăn mé. Tâm từ bi này bảo hộ che chở cho tất cả mọi loài chúng sanh và giúp cho họ được an vui, khiến cho chúng sanh thể nhập với bản tâm của mình, thoát khỏi sợ hãi và tránh xa mọi tai ương.

Đây là Tích Trượng Thủ Nhãn Ân Pháp. Trên đầu tích trượng có 9 vòng tròn bằng đồng. Lúc xưa, người xuất gia đi đâu cũng mang theo tích trượng. Mỗi khi đi đường, 9 vòng kim loại này sẽ tạo nên âm thanh, báo động cho các loài côn trùng tránh xa để khỏi bị dẫm đạp lên mình. Tích Trượng là một loại pháp khí trong Phật Giáo. Bồ Tát Địa Tạng thường dùng tích trượng như là chìa khóa để mở cửa các địa ngục. Vì vậy nên hành giả tu tập Ân Pháp này phải nuôi dưỡng lòng từ bi rộng lớn, phát nguyện cứu giúp cho toàn thể mọi loài chúng sanh.

#### **49. Na Ra Cẩn Trì**

**Na Ra Cẩn Trì** Hán dịch là “Hiền Ái” hoặc là “Hiền Thủ” cũng dịch là “Thiện Hộ”, “Thiện Đảnh”. Nghĩa là người đứng đầu trong các bậc Thánh Hiền, họ là thượng thủ, là bậc khó tìm cách bảo bọc, che chở cho chúng sanh, khéo độ thoát cho chúng sanh đến quả vị tối cao.

Đây là Bảo Bát Thủ Nhãn Ân Pháp. Cũng gọi là Hồ Bình Ân Pháp. Bình nước này có thể tẩy trừ mọi uế trược ở thế gian, cứu giúp chúng sanh thoát khỏi bệnh khổ. Bồ Tát tu tập thành tựu Ân Pháp này sẽ có năng lực hộ niệm cho toàn thể chúng sanh. Khi quý vị tu tập Ân Pháp này thành tựu rồi, quý vị sẽ có khả năng cứu giúp mọi loài chúng sanh, giúp họ ngăn ngừa được mọi tai ương, chướng nạn. Nên còn được gọi là “Thiện hộ”, “Thiện đảnh”.

#### **50. Địa Rị Sắc Ni Na**

**Địa Rị Sắc Ni Na** Hán dịch là “Kiên lợi”. Còn có nghĩa là “Kiếm”. Đây là Bảo Kiếm Thủ Nhãn Ân Pháp. Trước đây khi giảng về 42 Thủ Nhãn Ân Pháp, tôi có nói rằng Ân Pháp này có công năng hàng phục mọi loài ly, my, vông, lượng. Khi quý vị tu tập thành tựu Ân Pháp này rồi, tất cả các loài “Thiên Ma Ngoại Đạo, ly, my, vông, lượng” đều ngoan ngoãn quy phục, bởi vì họ sợ Ân Pháp Bảo Kiếm này của hành giả. Ân pháp này rất oai hùng. Nếu có loài Thiên Ma Ngoại Đạo nào không tuân phục Ân Pháp, hành giả có thể trừng phạt ngay bằng Bảo Kiếm này.

#### **51. Ba Dạ Ma Na**

**Ba Da Ma Na** có 3 ý:

+ **Thứ nhất** là “danh văn” nghĩa là tên của hành giả được lưu truyền khắp 10 phương thế giới.

+ **Nghĩa thứ 2** là “Hỷ xung” là 10 phương thế giới đều vui mừng khen ngợi công đức của hành giả.

+ **Thứ 3** là “thành danh”, “nhất thiết nghĩa thành tựu”. Có nghĩa là mọi danh tiếng, mọi công hạnh đều được thành tựu thật nghĩa và rất ráo.

Đây là Bảo Tiền Ấn Pháp. Nếu quý vị hành trì Ấn Pháp này thành tựu sẽ liền gặp được thiện hữu tri thức.

## 52. Ta Bà Ha

Trong Chú Đại bi, câu **Ta Bà Ha** rất là quan trọng. Câu này được lặp lại đến 14 lần.

**Ta Bà Ha** Hán dịch có 6 nghĩa. Bất kỳ chữ này xuất hiện ở bài chú nào cũng có đủ 6 nghĩa này.

+ **Nghĩa thứ nhất là “thành tựu”**. Khi trì niệm câu chú này, tất cả sở cầu, sở nguyện của hành giả đều được thành tựu. Nếu quý vị chưa có được sự cảm ứng khi hành trì, là do vì tâm chưa đạt đến sự Chí Thành. Nếu quý vị có Tâm Chí Thành và có niềm tin kiên cố, thì chắc chắn sẽ được thành tựu. Nhưng chỉ cần móng khởi một chút tâm niệm không tin vào chú này, thì không bao giờ được thành tựu.

+ **Nghĩa thứ 2 là “Cát tường”**. Khi hành giả niệm câu chú này thì mọi sự không tốt lành, đều trở thành tốt lành như ý. Nhưng quý vị phải có lòng thành tín. Nếu quý vị có lòng thành tín hoặc nửa tin nửa ngờ khi trì chú này thì chư Bồ Tát đều biết rõ. Vì thế nếu quý vị muốn mọi việc đều được đến chỗ thành tựu thì trước hết phải có niềm tin chắc thật. Ví như khi cha của quý vị có bệnh, muốn cha mình được khỏi bệnh thì quý vị phải hết sức “thành tâm” và “chánh tín”. Trì tụng chú này mới có cảm ứng.

Hoặc khi quý vị nghĩ rằng: *“Từ lâu mình chưa được gặp người bạn thân. Nay rất muốn gặp anh ta”*. Quý vị niệm chú này một cách Chí Thành, liền gặp bạn ngay. Hoặc quý vị nghĩ: *“Ta chẳng có người bạn nào cả, muốn có người bạn tốt”*. Quý vị Trì Chú này một cách Thành Tâm và liên tục, liền có được bạn lành, ngay cả gặp được thiện tri thức.

+ **Nghĩa thứ 3 là “viên tịch”**.

Khi các vị Tỳ Kheo xả bỏ báo thân hoặc nhập Niết Bàn thì được gọi là “viên tịch”. Nhưng ở đây, chữ “viên tịch” không có nghĩa là chết. Chẳng phải niệm câu chú **Ta Bà Ha** là để cầu sự “viên tịch”. Thế thì công dụng của câu chú này là gì?

“Viên tịch” có nghĩa là “công vô bất viên”. Là công đức của hành giả hoàn toàn viên mãn; “đức vô bất tịch” là đức hạnh của hành giả đạt đến mức cao tột cực điểm. Chỉ có chư Phật và Bồ Tát mới biết được công hạnh rốt ráo tròn đầy ấy chứ hàng phàm phu không suy lường được.

+ **Nghĩa thứ 4 là “tức tai”**. Nghĩa là mọi tai nạn đều được tiêu trừ.

+ **Nghĩa thứ 5 là “tăng ích”**. Là sự tăng trưởng lợi lạc của hành giả. Khi niệm câu **Ta Bà Ha** thì công hạnh đều được tăng trưởng, hành giả sẽ đạt được chỗ lợi lạc an vui.

+ **Nghĩa thứ 6 của câu này**, tôi thiết nghĩ trong quý vị ít có ai biết được. Vì trước đây tôi chưa từng nói bao giờ.

**Ta Bà Ha** có nghĩa là “vô trú”. Nghĩa “vô trú” này nằm trong ý nghĩa của câu “ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm” trong Kinh Kim Cang.

“Vô trú” nghĩa là không chấp trước, không vướng mắc hay bám chấp một thứ gì cả.

“Tâm vô trú” là không có một niệm chấp trước vào việc gì cả.

Không chấp trước nghĩa là tâm tùy thuận với mọi việc, thấy mọi việc đều là tốt đẹp. Đây chính là trường hợp: “Vô vi nhi vô bất vi” (*không khởi niệm tác ý nhưng điều gì cũng được thành tựu*).

“Vô trú” chính là “vô vi” theo nghĩa ở trên, và “vô vi” chính là “vô trú”. Khi quý vị vừa móng khởi lên một niệm tưởng, đừng nên vướng mắc vào một thứ gì cả, đó là nghĩa thứ sáu của **Ta Bà Ha**.

Quý vị đừng nên trụ vào các niệm “tham, sân, si, mạn, nghi”. Nếu quý vị có tất cả các tâm niệm trên thì phải nhanh chóng hàng phục chúng, chuyển hóa chúng để tâm mình không còn trụ ở một niệm nào cả. Hàng phục, chuyển hóa được những tâm niệm chúng sanh ấy gọi là “vô trú”. Dùng cái gì để chinh phục chúng? Dùng Bảo Kiếm Ân Pháp này để hàng phục.

Quý vị nói rằng tâm quý vị bị đầy dẫy niệm tham chế ngự. Tôi sẽ dùng Bảo Kiếm này để cắt sạch. Nếu tâm quý vị có đầy ma oán, tôi cũng sẽ dùng Bảo Kiếm này đuổi sạch. Nếu tâm quý vị bị ma Si Mê chiếm đoạt, tôi sẽ dùng Kiếm Trí Huệ này chặt đứt chúng từng mảnh.

Tôi sẽ chặt đứt tất cả các loài ma ấy bằng Bảo Kiếm Kim Cang Vương này, tức là dùng Kiếm Trí Huệ để hàng phục. Nếu quý vị muốn hàng phục Thiên Ma Ngoại Đạo thì trước hết quý vị phải chuyển hóa được mọi vọng tưởng của mình. Khi quý vị chuyển hóa được vọng tưởng trong tâm mình, thì Thiên Ma Ngoại Đạo

cũng được hàng phục luôn, cho dù chúng có muốn đến để quấy phá, chúng cũng chẳng tìm được cách nào để hãm hại được cả.

Trên đây là 6 nghĩa của **Ta Bà Ha**. Bất luận câu chú nào dưới đây có chữ **Ta Bà Ha** đều mang đầy đủ 6 nghĩa trên.

**53. Tát Đà Dạ**

**54. Ta Bà Ha**

**55. Ma Ha Tát Đà Dạ**

**56. Ta Bà Ha**

Chữ **Ta Bà Ha** có 5 nghĩa:

+ Thứ nhất là *“Thành tựu đốn kiết”*.

+ Thứ 2 là *“thành biện”*.

+ Thứ 3 là *“thành lợi”*.

+ Thứ 4 là *“nhất thiết nghĩa thành tựu”*.

+ Và thứ 5 là *“sở cung xưng tán”*.

**“Thành tựu đốn kiết”** nghĩa là khi sử dụng thần chú này thì mọi sở cầu, sở nguyện của hành giả liền tức khắc (đốn) được an lành (kiết), toại nguyện.

Có người hỏi: *“Tại sao tôi cũng trì Chú Đại Bi, mà không được toại nguyện tức thì”*? Vì sự trì niệm Chú Đại Bi đòi hỏi phải có sự tương ứng từ nỗ lực dụng công. Nếu không có sự nỗ lực hành trì tương ứng thì sẽ không có sự thành tựu. Nếu có sự cảm ứng, dung thông thì mọi sở cầu, sở nguyện của hành giả đều được thành tựu.

❖ **Tát Đà Dạ:**

+ Còn có nghĩa là **“thành biện”**. Nghĩa là hành giả làm bất cứ việc gì thì kết quả đều đạt được viên mãn.

+ Cũng gọi là **“thành lợi”** là vì mọi việc làm đều được thành tựu lợi ích.

**“Nhất thiết nghĩa thành tựu”** có nghĩa là làm bất kỳ việc gì cũng đều được thành tựu.

**“Sở cung xưng tán”** có nghĩa là mọi người đều đến khen ngợi, cung kính tán dương công đức của hành giả.

❖ **Ma Ha Tát Đà Dạ.** Ai cũng đều biết **Ma Ha** có nghĩa là lớn.

Câu chú này có nghĩa là hành giả đạt được mọi sự nghiệp to lớn, thành tựu được công đức thù thắng và đạo nghiệp viên mãn. Trong mọi việc, hành giả đều đạt được sự thành tựu viên mãn cao tốt.

**Cả 2 câu chú hợp lại “Tất Đà Dạ Ta Bà Ha. Ma Ha Tất Đà Dạ Ta Bà Ha”** là Bảo Kinh Thủ Nhãn Ấn Pháp. **Bảo Kinh** là sự quý giá vô ngần của Kinh Điển, chính là Pháp Bảo. Nếu quý vị tu tập Ấn Pháp này thì sẽ đạt được lợi lạc vô cùng vô tận. Trong tương lai, trí huệ và sức ghi nhớ của quý vị sẽ rất tinh anh. Nghĩa là có được khả năng “bác văn cường ký”(nghe nhiều, nhớ kỹ).

**Ký ức của chúng ta thường hoạt động theo một lối riêng. Cũng như không thể nào đi nếu không có cây gậy. Sau khi đọc được điều gì, chúng ta không thể nhớ rõ ràng hết được. Chỉ khi nào cần cho sự học tập của mình, chúng ta mới lục lại tìm kiếm hay tra cứu lại những ghi chép.**

Tại sao trí nhớ của mình lại quá kém. Vì quý vị chưa từng hành trì Bảo Kinh Thủ Nhãn Ấn Pháp này. Nếu quý vị hành trì Ấn Pháp này, quý vị sẽ đạt được sự hiểu biết thông tuệ và kiến thức rất đa dạng. Giống như Tôn Giả A Nan, là đệ tử “đa văn đệ nhất” của đức Phật. Có thể nói Ngài A Nan đã hành trì Bảo Kinh Ấn Pháp mà chẳng nghi ngờ gì. Ngài đã thành tựu Ấn Pháp này từ vô lượng kiếp rồi, nên khi nghe được điều gì thì không còn quên nữa.

Ngay cả Ngài có thể nhớ được những điều Ngài chưa từng nghe. Tại sao tôi nói như vậy?

Vì Tôn giả A Nan ra đời cùng ngày đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo. Như thế nên 20 năm trước, khi A Nan chưa xuất gia, thì những bài thuyết pháp của đức Phật Ngài A Nan chưa được nghe. Thế thì làm sao A Nan có thể kết tập toàn bộ Kinh Điển sau khi đức Phật nhập Niết Bàn? Vì A Nan được nghe các vị trưởng lão giảng lại những bài Kinh mà đức Phật đã thuyết từ trước, hoặc chính do đức Phật giảng lại cho A Nan nghe khi A Nan nhập định, nên A Nan thừa biết rõ nguyên nhân của sự nhớ giỏi này là nhờ đã hành trì Bảo Kinh Thủ Nhãn Ấn Pháp thành tựu.

Có người hỏi tôi: “Làm thế nào để có được trí nhớ tốt?” Câu trả lời đơn giản là hãy hành trì Bảo Kinh Ấn Pháp. Những người nhớ được Kinh rõ ràng là có duyên với Ấn Pháp này.

Ở trong đồ hình mạn đà la, đây là Ấn Pháp Bồ Tát Phóng Quang. Ngài phóng ra hào quang và tay cầm một tràng phan màu đỏ. Toàn thân Bồ Tát phóng ra những luồng hào quang sáng chói biểu tượng cho sự khai mở trí huệ, sự cường ký, trí lực đa văn quảng kiến và công đức thành tựu viên mãn.

### **57. Tất Đà Du Nghệ**

### **58. Thất Bàn Ra Dạ**

### **59. Ta Bà Ha**

+ **Tất Đà** Hán dịch là “thành tựu lợi ích”.

+ **Du Nghệ** Hán dịch là “Vô vi” hay còn gọi là “hư không”.

+ **Thất Bàn Ra Dạ** Hán dịch là “Tự tại”. Đây là Bảo Hiếp Thủ Nhãn Ấn Pháp. Hành giả thành tựu Ấn Pháp này có thể sử dụng lấy tất cả các thứ châu báu ẩn giấu trong lòng đất để làm lợi ích cho chúng sanh.

Ý của câu chú này nói rằng: ở nơi thể tánh mà thường được tự tại và thành tựu vô lượng công đức.

### **60. Na Ra Cẩn Trì**

### **61. Ta Bà Ha**

**Na Ra Cẩn Trì:** Hán dịch là “ái hộ” nghĩa là thường nỗ lực bảo bọc che chở tất cả chúng sanh. Câu chú này cũng mang ý nghĩa “Đại Từ Bi”.

Đây là Bảo Bình Thủ Nhãn Ấn Pháp.

### **62. Ma Ra Na Ra**

### **63. Ta Bà Ha**

+ **Ma Ra:** Hán dịch là “Như ý”.

+ **Na Ra:** Hán dịch là “Tôn thượng”.

Đây là Quyển Sách Thủ Nhãn Ấn Pháp. Ấn Pháp này có công năng mang lại sự an vui như ý đến cho hành giả, khiến cho các thứ bệnh tật, chướng nạn đều được tiêu trừ.

Quyển Sách Thủ Nhãn Ấn Pháp có rất nhiều diệu dụng. Hành giả có thể kết một sợi dây ngũ sắc rồi hành trì quyển sách Ấn Pháp vào sợi dây ấy. Thành tựu rồi thì khi phóng sợi dây này ra, các loài “yêu ma quỷ quái, ly, my, vọng, lượng” đều bị trói chặt. Không thể nào chạy thoát được. Từ đó sẽ tìm cách giáo hóa cho các loài ấy hồi tâm hướng thiện. Đây là diệu dụng của Ấn Pháp này. Mới xem qua thì có vẻ bình thường nhưng công năng thật khó lường.

Trong Đạo Giáo gọi Ấn Pháp này là “Khôn tiên thăng”.

## 64. Tất Ra Tăng A Mục Khur Da

### 65. Ta Bà Ha

+ **Tất Ra Tăng:** Hán dịch là “thành tựu – ái hộ”. Nghĩa là thường đem hết sức mình để bảo hộ che chở cho tất cả chúng sanh.

+ **A Mục Khur Da:** Hán dịch là “bất không, bất xả”.

➤ **“Bất không”** có nghĩa là hữu. Nhưng đây có nghĩa là diệu hữu.

➤ **“Bất xả”** có nghĩa là “Bất xả nhất pháp”. Không từ bỏ một việc gì, phải thông thạo tất cả các pháp.

Nên có câu kệ:

**“Chân như lý thượng bất lập nhất trần. Phật sự môn trung bất xả nhất pháp”.**

Nghĩa là:

**“Trên phương diện bản thể, lý tánh tức chân như, thì không cần lập một thứ gì nữa cả, dù chỉ là hạt bụi. Nhưng về mặt sự tướng, có nghĩa là việc hành trì, tu đạo thì không được bỏ qua một pháp nào cả”.**

+ **A Mục Khur Da** còn có nghĩa nữa là “ái chúng, hòa hợp”. Nghĩa là thương yêu, hòa hợp, thường cứu giúp tất cả chúng sanh.

Câu chú này còn có nghĩa khác là trong tự tánh của mỗi chúng sanh đều có đủ tánh tự tại và tánh công đức thường vẫn tròn đầy.

Đây là Bảo Phủ Thủ Nhãn Ấn Pháp. Khi hành trì Ấn Pháp này thành tựu, hành giả có thể tránh được nạn tù tội, bất kỳ nơi đâu, bất kỳ mọi lúc, hành giả đều không bị vướng phải các chướng nạn về quan quyền nữa.

Quý vị sẽ hỏi: “Nếu tôi tu tập Ấn Pháp này, liệu tôi có thể phạm pháp mà vẫn không bị bỏ tù hay sao?”.

Không! Là Phật tử, quý vị không được phạm pháp. Nếu quý vị đã thông hiểu Phật pháp và phát tâm tu học Phật pháp rồi, thì làm gì có chuyện phạm pháp nữa? Còn nếu quý vị làm chuyện phạm pháp, tất nhiên phải bị bắt và ở tù.

Tuy nhiên, đôi khi có những người vô tội bị bắt ở tù. Đây là vì họ chưa bao giờ tu tập Bảo Phủ Thủ Nhãn Ấn Pháp này.

## 66. Ta Bà Ma Ha A Tất Đà Dạ

### 67. Ta Bà Ha

Như quý vị đã biết, thế giới chúng ta đang sống là thế giới Ta Bà.

**Ta Bà** có nghĩa là **“kham nhẫn”**. Còn được dịch là **“nhẫn ái”**. Còn dịch là **“Thiện thuyết, thiện đạo”**.



“**Kham nhẫn**” có nghĩa là chúng sanh như chúng ta khó có thể chịu đựng nổi những sự thống khổ ở cõi giới Ta Bà này.

“**Nhẫn ái**” có nghĩa là chúng sanh thế giới Ta Bà này không những có thể chịu đựng mọi khổ đau mà còn sanh khởi lòng thương yêu mọi loài nữa.

“**Thiện thuyết, thiện đạo**” nghĩa là, luôn luôn nói lời tốt đẹp, lợi ích khi ở trong thế giới Ta Bà. Cùng khuyến khích mọi người hiện thân đến ở cõi giới Ta Bà này.

+ **Ma Ha** là lớn. Đây có nghĩa là pháp Đại Thừa, tức là Bồ Tát đạo.

+ **A Tát Đà Dạ**: Hán dịch là “vô lượng thành tựu”. Nghĩa là tu tập pháp Đại Thừa của hàng Bồ Tát có công năng đưa hành giả đến bờ bên kia một cách rất ráo và thành tựu vô lượng công đức.

Đây là Bồ Đào Thủ Nhãn Ấn Pháp. Khi quý vị tu tập thành tựu Ấn Pháp này thì trong miệng hành giả thường có vị ngọt của nho, còn hơn vị ngọt của đường.

Quý vị hãy chú ý điểm này, trong khi hành trì Ấn Pháp này mà thấy trong miệng có vị ngọt nghĩa là bắt đầu có sự cảm ứng.

Khi thành tựu Ấn Pháp này rồi, khi quý vị có trồng trọt các loại nông sản, ngũ cốc, thì sâu bọ côn trùng không thể phá hoại mùa màng của quý vị. Còn các loại cây ăn quả như: cam, đào, hạnh, lê,... sẽ sinh trưởng rất nhanh và có vị ngọt khác thường.

Công năng của Bồ Đào Ấn Pháp này rất lớn và sự thành tựu của pháp Đại Thừa là vô lượng vô biên.

+ **Tất Ra Tăng A Mục Khư Da**. Ở trong đồ hình mạn đà la là hình ảnh biểu tượng cho bản thể của Dược Vương Bồ Tát, người đã dùng vô số phương tiện, dược liệu để chữa bệnh cho chúng sanh.

+ **Ta Bà Ma Ha A Tát Đà Dạ Ta Bà Ha** là bản thể của Bồ Tát Dược Thượng, người cũng thường dùng vô số phương thuốc để chữa lành bệnh cho chúng sanh.

## 68. Giả Kiết Ra A Tát Đà Dạ

### 69. Ta Bà Ha

+ **Giả Kiết Ra A Tát Đà Dạ**: Hán dịch là “Kim Cang Luân”. Còn gọi là Kim Cang Bạt Chiết La. Kim Cang Luân này có hình tròn nhưng có khác so với Kim Cang Luân khác.

Câu chú này còn có nghĩa là “Hàng phục oán ma”. Khi trong tâm luôn luôn sinh khởi xung khí và bất bình thì gọi là ma. Khi ấy họ thường phê phán mọi điều. Họ nói “Chư Phật thường làm những việc sai trái, cho đến hành Bồ Tát, A La Hán,

Chư Thiên, Diêm Vương cũng đều như thế”. Họ phản đối kịch liệt và hẳn học đòi với tất cả mọi điều. “Tất cả đều là tà vạy”. Họ giống như kẻ cuồng si, chẳng để ý gì đến pháp luật nữa. Họ luôn xung khắc với toàn cả thế gian. Trong nhân gian gọi loại người này là điên cuồng. Trong hàng Quỷ Thần thì hạng người này được gọi là Ma. Nộ Khí của loài “ma oán” này thường xông khắp cõi Trời. Nó thường giận dữ: Ai cũng đều quá vô lễ với ta!”. Hoặc nó nói: “Phật hả? Ta sẽ đánh bại ngay. Bồ Tát hay A La Hán ta cũng hạ gục luôn. Còn loài người, ta sẽ ăn thịt hết. Ma Quỷ thì ta sẽ chà nát dưới gót chân. Ta sẽ xé nát thân chúng ra cho đến chết!” Oán khí loại ma này thật ghê rợn.

Đây là Bạt Chiết La Thủ Nhã Ấn Pháp. Với Kim Cang Luân, hành giả có thể đập tan các loài “Thiên Ma Ngoại Đạo, Quỷ Thần” thành từng mảnh vụn. Bất luận đó là loại ma nào, nó đều bị thu phục và vâng lời khi hành giả dùng Kim Cang Luân để thi hành Ấn Pháp này. “Ma oán” sẽ cung kính đánh lễ hành giả và thưa: “Con nguyện quy phục Ấn Pháp. Nguyện theo mọi quy luật, không dám xâm hủy”.

Kim Cang Luân Ấn Pháp không những chỉ có công năng hàng phục Thiên Ma Ngoại Đạo, mà còn có công năng phát ra âm thanh chấn động. Đạo Giáo gọi âm thanh này là “Ngũ Lô Oanh Đảnh”.

Sấm sét vốn thường phát sinh từ trên Trời, nhưng các Đạo Sĩ Lão Giáo có thể phóng ra tiếng sấm từ lòng bàn tay khi họ kết một loại Ấn gọi là Chưởng Tâm Lô. Tiếng sấm sét vang ra khiến cho thiên ma bị chấn động, thậm chí còn có thể khiến thịt da nó bị tan tành từng mảnh.

Khi giảng Kinh Thủ Lăng Nghiêm, tôi có nói về một người bạn thân, có khả năng sử dụng được Ấn Pháp này. Khi quý vị hành trì thành tựu Ấn Pháp này rồi, thì sấm sét sẽ vang rền khi quý vị sử dụng Ấn Pháp và tiếng vang của nó sẽ hàng phục được tất cả các loài “ma oán”.

+ **A Tất Đà Dạ:** Hán dịch là “Vô tử thành tựu”. Hành giả trì chú này sẽ được thành tựu công đức rất lớn; không có gì so sánh được, cho nên mới khiến cho các loài “ma oán” đều quy đầu phục thiện.

## **70. Ba Đà Ma Yết Tất Đà Dạ**

### **71. Ta Bà Ha**

+ **Ba Đà Ma:** Hán dịch là “Hồng Liên Hoa”.

+ **Yết Tất Đà Dạ:** Hán dịch là “Thiện trắng”.

Hồng Liên Hoa này là siêu việt tất cả mọi loài và thành tựu vô lượng công đức. Khi quý vị tu tập Hồng Liên Hoa Thủ Nhãn Ấn Pháp này thành tựu rồi, nếu quý vị muốn sanh ở cõi Trời thì ước nguyện ấy rất dễ thành tựu như ý.

## 72. Na Ra Cẩn Trì Bàn Đà Ra Dạ

### 73. Ta Bà Ha

+ **Na Ra Cẩn Trì:** Hán dịch là “Hiền thủ”.

➤ **Hiền** là thánh hiền.

➤ **Thủ** là giữ gìn, canh giữ hộ trì.

+ **Bàn Đà Ra Dạ** dịch nghĩa là Quán Thế Âm, Quán Tụ Tại.

Đây là Thí Vô Úy Thủ Nhãn Ấn Pháp mà Bồ Tát Quán Thế Âm thường dùng để cứu độ chúng sanh, giúp cho mọi loài không còn sợ hãi trong mọi lúc, mọi nơi.

## 74. Ma Bà Rị Thắng Yết Ra Dạ

### 75. Ta Bà Ha

+ **Ma Bà Rị Thắng:** Hán dịch là “Đại đồng”, cũng dịch là “anh hùng đức”, nghĩa là đức hạnh của bậc đại anh hùng. Bồ Tát Quán Thế Âm cũng được gọi như thế.

+ **Yết Ra Dạ:** Hán dịch là “sinh tánh” hoặc là “bổn tánh”. Nghĩa là tự tánh bản hữu của chúng sanh vốn sẵn có đức hạnh của bậc đại anh hùng. Đức hạnh của đại anh hùng chính là do hành trì Tổng Nhiếp Thiên Tý Thủ Nhãn Ấn Pháp, Ấn Pháp này có công năng hàng phục mọi loài ma oán không chỉ ở thế giới này mà khắp cả đại thiên thế giới.

Hành giả tu tập Ấn Pháp này nên biết đây là Ấn Pháp quan trọng nhất trong tất cả 42 Ấn Pháp. Vì khi hành trì Ấn Pháp này, thì tất cả 42 Ấn Pháp kia đều có đủ trong Ấn Pháp này.

Quý vị có thể thắc mắc: “*Thế thì tôi chỉ cần hành trì một ấn pháp này thôi cũng đủ, chẳng cần hành trì 41 ấn pháp kia nữa*”.

Nếu quý vị lười biếng thì cứ làm. Nếu không phải là kẻ lười biếng, thì nên hành trì tất cả 42 Ấn Pháp. Mặt khác, quý vị muốn làm kẻ lười biếng và thích tu tập để trở thành một vị Bồ Tát lười thì cứ tu tập ấn pháp cuối cùng này trong 42 Ấn Pháp kia. Sẽ phải mất khá nhiều thời gian mới thành tựu được. Tuy nhiên, vì quý vị là người lười biếng nên sẽ không được thành tựu sớm là điều hiển nhiên. Thế nên các pháp đều là bất định. Nếu quý vị không muốn trở thành một vị Bồ Tát lười, quý vị sẽ chẳng bận tâm thời gian lâu hay mau để tu tập các ấn pháp này.

## 76. Nam Mô Hắc Ra Đát Na, Đát Ra Dạ Da

Câu này đã được giảng rõ ở phần đầu Kinh văn rồi. Nhưng có trường hợp quý vị bị quên, nên tôi sẽ giảng lại lần nữa. Những người tuy có nhớ, nhưng không được rõ ràng, nghe lại lần này sẽ được rõ thêm. Những người đã nhớ kỹ rồi, nghe được một lần này nữa lại càng hiểu sâu hơn.

Nếu tôi giảng chưa rõ, quý vị cứ hỏi tôi ngay tức khắc, vì cách tôi giảng Kinh hoàn toàn khác với các Pháp sư. Tôi không dùng tài liệu hoặc các luận giải.

+ **Nam Mô** có nghĩa là “Quy y”. Quy y gì? Con xin Quy Y Tam bảo.

+ **Hắc Ra Đát Na** có nghĩa là “bảo”: quý báu.

+ **Đát Ra Dạ** dịch là “Tam”: ba

Toàn câu nghĩa là con nguyện quy y Tam bảo. Con nguyện đem cả thân tâm tánh mạng để quy y. Như những Phật tử tại gia đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Đó là quy y Tam Bảo.

Quy y Tam Bảo tức là quy y với toàn thể chư Phật trong 3 đời, khắp cả 10 phương, cùng tận hư không pháp giới. Cũng tức là quy y với tất cả Pháp trong 3 đời, 10 phương, cùng tận hư không pháp giới. Cũng chính là đem hết thân tâm tánh mạng quy y với tất cả các bậc Hiền Thánh Tăng trong 3 đời, 10 phương, cùng tận hư không pháp giới.

Hư không chẳng bao giờ cùng tận. Tất cả các cõi nước đều nằm trong pháp giới này. Có tất cả 10 pháp giới, trong đó 4 cõi giới của các bậc Thánh Hiền và 6 cõi giới của chúng sanh phàm phu.

+ Bốn cõi giới của bậc Hiền Thánh là: Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác.

+ Sáu cõi giới phàm phu là: Trời, Người, A Tu La, Súc Sanh, Ngạ Quỷ, Địa Ngục. Mười phương là: Đông, Nam, Tây, Bắc, Đông Bắc, Tây Bắc, Đông Nam, Tây Nam, đó là tám. Thêm phương trên và phương dưới tất cả là 10.

+ Ba đời là quá khứ, hiện tại, vị lai. Chúng ta quy y với Phật Bảo trong suốt khắp mười phương ba đời. Những lời đức Phật dạy được gọi là Pháp Bảo. Tam tạng Kinh Điển được diễn đạt qua 12 phần Kinh văn (bộ Kinh). Tất cả Kinh Điển do đức Phật nói ra được gọi là Pháp Bảo. Pháp Bảo không chỉ hiện hữu và lưu hành trong nhân gian mà còn lưu hành khắp cả hư không và pháp giới.

Khi nào quý vị có được “ngũ nhãn, lục thông” rồi thì quý vị mới thâm nhập được vào Chân Kinh. Có nghĩa là quý vị đọc được “**vô tự chân Kinh**”. Trong hư không, bất kỳ lúc nào thích, quý vị đều đọc được Chân Kinh mà không cần hở môi.

**Lục Tổ đã từng nói: “Khi mê Pháp Hoa chuyển. Khi ngộ chuyển Pháp Hoa”.**

“**Vô tự**” không có nghĩa là Kinh không có chữ. Mà chính là hàng phàm phu không thấy được chữ. Tuy nhiên, khi quý vị nhìn sâu vào hư không, quý vị có thể thấy được chư Phật đang tụng Kinh. Một số vị đang tụng Kinh Pháp Hoa, một số vị đang tụng Kinh Thủ Lăng Nghiêm và một số vị khác đang tụng Kinh Hoa Nghiêm. Chư Phật đều đang tụng Kinh và Trì Chú như Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm. Chư Phật luôn luôn hành trì các thời khóa tụng ấy. Nhờ thế nên Pháp Bảo được hiện hữu và lưu truyền suốt khắp tận hư không pháp giới.

Chúng ta cũng quy y Tăng Bảo suốt cả 3 đời, cùng tận hư không pháp giới. Thành phần nào tạo thành Hiền Thánh Tăng? Chính là các Đại Bồ Tát, các Đại A La Hán, các Đại Tỳ Kheo Tăng.

+ **Đá Ra Dạ** có nghĩa là “tam”: ba. Chúng ta quy y với Tam Bảo trong suốt 10 phương, 3 đời cùng tận hư không pháp giới.

+ **Da** có nghĩa là “đánh lễ”. Là quy y và cung kính đánh lễ trước Tam Bảo.

### **77. Nam Mô A Rị Da**

+ **Nam Mô**: Hán dịch là “quy y”.

+ **A Rị Da**: Hán dịch là “Thánh giả”, cũng có nghĩa là “Thánh Hiền”. Câu chú này thể hiện sự quy y với tất cả các Hiền Thánh Tăng.

### **78. Bà Lô Kiết Đế**

**Bà Lô Kiết Đế**: Hán dịch là “quán”.

### **79. Thước Bàn Ra Dạ**

**Thước Bàn Ra Dạ**: Hán dịch là “tự tại”. Toàn câu **Bà Lô Kiết Đế Thước Bàn Ra Dạ** có nghĩa là Quán Tự Tại tức là Bồ Tát Quán Thế Âm.

### **80. Ta Bà Ha**

Bồ Tát Quán Tự Tại đã thành tựu tất cả mọi công đức.

**Ta Bà Ha** có nghĩa là thành tựu công đức vô lượng vô biên.

## 81. Án Tất Điện Đô

Nay phần kinh văn của Thần Chú đã được tụng rồi. Tiếp theo là phần chân ngôn. Thông thường có chữ **Án** luôn luôn dẫn đầu cho phần chân ngôn này. Nên chữ **Án** mang ý nghĩa “*dẫn sinh nghĩa*”.

+ **Tất** nghĩa là “thành tựu”.

+ **Điện Đô**: Hán dịch là “ngã giới” là đạo tràng, lãnh thổ, cương vực của mình đã được kiết giới thành tựu. Phạm vi kiết đại giới là 800 do tuần (yojanas) và trung giới là 600 do tuần. Trong phạm vi đã được kiết giới này, hành giả thường được an lạc và yên tĩnh, tất cả mọi công đức đều được thành tựu và bản nguyện đều được như ý.

Chẳng hạn như khi tôi đã kiết giới đạo tràng trong phạm vi địa hạt San Francisco (Cụm Kim Sơn) thì trong toàn bộ vùng này sẽ không xảy ra động đất hoặc những thiên tai khác. Vì các vị “hộ pháp, thiện thần” đều phải hộ trì cho nguyện lực của đạo tràng được thành tựu.

Phạm vi và ý nghĩa kiết giới lớn làm sao! Một hạt vi trần cũng rộng lớn bao la rồi. Vì một hạt vi trần của hành giả là bao hàm vô lượng vi trần vô lượng thế giới, và vô lượng vi trần trong thế giới cũng chỉ hàm ẩn trong một vi trần. Vì vậy, nếu một vi trần hoại diệt thì vô lượng vi trần đều hoại diệt. Một hạt vi trần tồn tại thì vô lượng vi trần cũng tồn tại. Đó là sự vi diệu của sự kiết giới.

## 82. Mạn Đà Ra

**Mạn Đà Ra**: Hán dịch là “đạo tràng”, cũng dịch là “Pháp hội”. Nghĩa là đạo tràng của hành giả nhất định phải thành tựu. Pháp hội của hành giả nhất định phải thành tựu.

## 83. Bạt Đà Dạ

**Bạt Đà Dạ** dịch là “Toại tâm viên mãn”. Chẳng hạn như khi tôi muốn một vi trần không hoại thì nó sẽ không hoại. Nếu tôi muốn tất cả các vi trần không bị tan hoại thì các vi trần ấy sẽ kết hợp lại với nhau.

Khi tôi niệm **Án, Tất Điện Đô Mạn Đà Ra Bạt Đà Dạ Ta Bà Ha** với tâm nguyện sẽ không có nạn động đất xảy ra ở San Francisco (Cụm Kim Sơn), hoặc nếu có nạn động đất lớn thì nạn ấy biến thành nhỏ, nạn nhỏ thì biến thành không có. Nhờ vậy nên không có nạn động đất, không có ai sợ hãi. Thế nên gọi là sự thành tựu. Tùy theo tâm nguyện mà đều được như ý (toại tâm viên mãn). Nếu quý vị có

niềm tin chí thành thì thấy rất là mâu nhiệm. Còn nếu quý vị không tin, là vì quý vị chẳng thích thú gì với những điều mâu nhiệm như trên.

#### **84. Ta Bà Ha**

**Ta Bà Ha** dịch là “thành tựu”. Thành tựu điều gì? Thành tựu mọi thệ nguyện của hành giả. Bất luận quý vị phát tâm nguyện gì, quý vị sẽ đạt được như ý khi niệm **Án, Tất Điện Đô Mạn Đà Ra Bạt Đà Da Ta Bà Ha**.

Những vị khi làm lễ thể phát xuất gia cũng trì niệm câu chú này. Có nghĩa là ước nguyện việc xuất gia tu học Phật pháp sẽ được như ý thành tựu viên mãn.

Đến đây thì Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni và Chú Đại Bi đã được giảng giải xong. Nay tôi cũng đã giảng hết 42 Thủ Nhãn Ấn Pháp, đó là phần sau của Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni. Còn phần sau nữa là khoa nghi hành trì, là phương pháp tu hành, nay tôi không nhắc lại nữa.

Năm trước, một số đệ tử có tâm nguyện được nghe giảng Chú Đại Bi. Đến nay quý vị nghe giảng gần một năm. Pháp hội này được xem như thành tựu viên mãn. Tôi nguyện rằng quý vị có phát tâm hành trì điều gì cũng được như ý, tất cả đều được **Bạt Đà Dạ Ta Bà Ha**, tức là thành tựu viên mãn tâm nguyện của mình. Mỗi người có sự phát nguyện khác nhau, nên sự thành tựu cũng không đồng, nhưng đều viên mãn cả.

Nguyện cho tất cả Phật tử có duyên được nghe Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni này đều sớm thành tựu quả vị Phật, vì đây là ước nguyện của những người thâm tín chư Phật.

Một khi quý vị đã chứng được quả vị Phật tức là mọi việc đều “toại tâm mãn nguyện” rồi.

**Giảng Năm 1969 Tại Mỹ Quốc**  
**Dịch Việt Ngữ**  
**Thích Nhuận Châu**